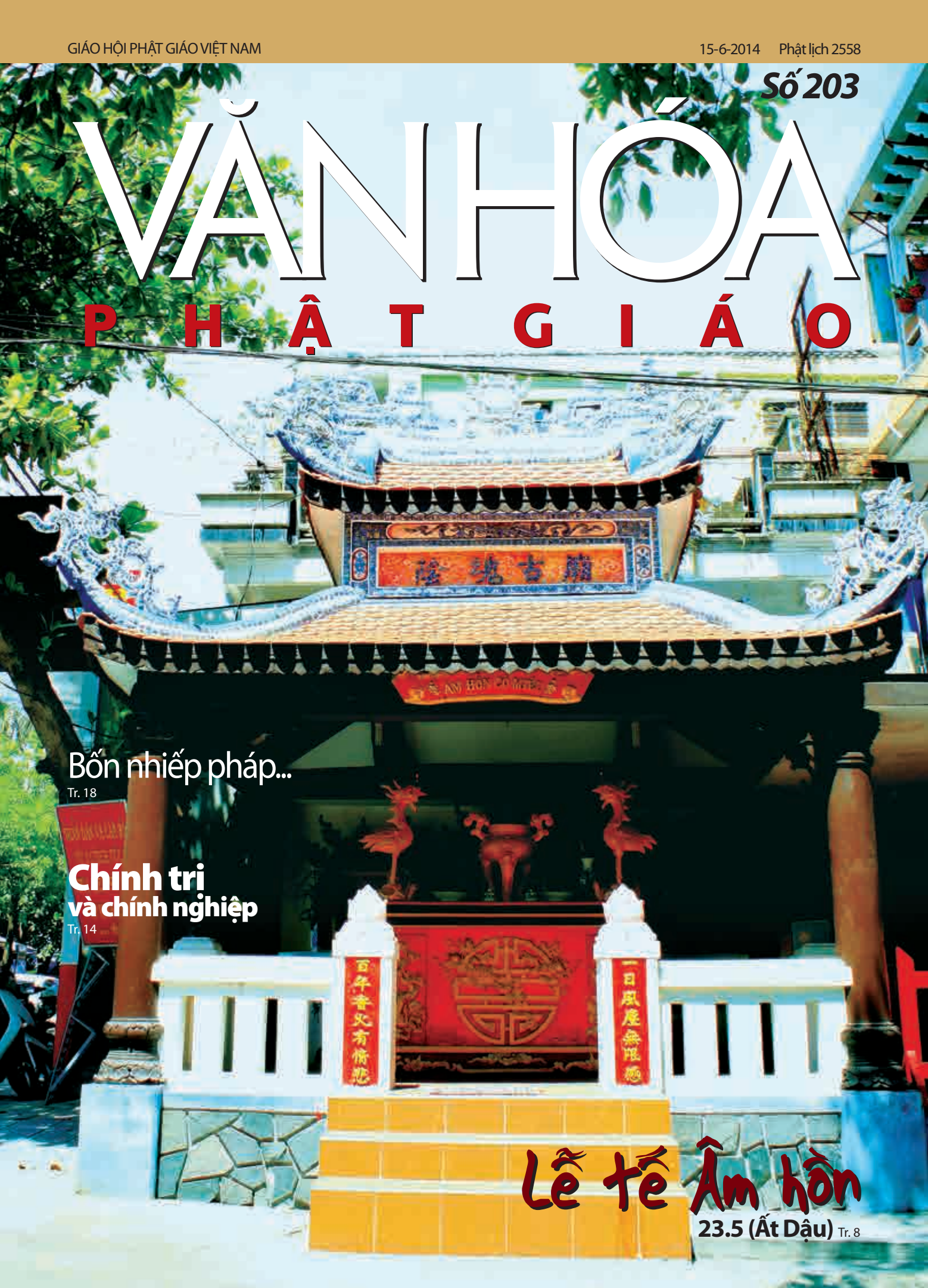


# VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Bốn nhiếp pháp...

Tr. 18

Chính trị  
và chính nghiệp

Tr. 14

Lễ tế Âm hồn

23.5 (Ất Dậu) Tr. 8

# ĐẶT VÉ MÁY BAY TRỰC TUYẾN

ve24h.vn

Đến tận nơi - Giao tận tay !

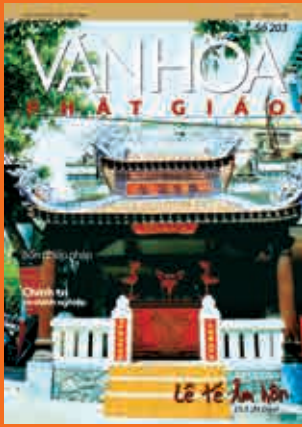
## THK THẺ HÀNG KHÔNG

Một chiếc thẻ, đa tiện ích:

- ✓ Ưu đãi phí dịch vụ
- ✓ Ưu tiên quyền lợi cho chủ thẻ
- ✓ Thanh toán tiện lợi



Gọi ngay **1900 1779**



# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỂN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
toasoanhpg@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Quan điểm Phật giáo về những thách thức của thế kỷ XXI (Thích Giác Toàn)	4
Lễ tế âm hồn thất thủ kinh đô 23.5 (Ất Dậu) – một nét văn hóa độc đáo của xứ Huế (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	8
Về bài ca trù “Thét nhạc” (Huệ Viên)	13
Chính trị và chính nghiệp (Nguyễn Cảnh)	14
Bốn nhiếp pháp: Cá nhân và Quốc gia (Nguyễn Thế Đăng)	18
Vui thay sống không tham (Như Ngọc)	20
Đơn giản và phức tạp (Hoàng Tá Thích)	23
Về văn khắc chuông chùa ở Đà Nẵng (Lê Xuân Thông)	26
An lạc hạnh (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Giác ngộ (Hương Đức)	32
Đạo Phật và các tôn giáo khác (Robert Bogoda - Trần Hữu Thiên dịch)	35
Nước của những người chưa bao giờ khuất phục (Lê Vũ Trường Giang)	38
Điện Phước Linh (Trần Văn Dũng)	41
Chùa Sóc Lớn, ngôi chùa của cộng đồng người Khmer ở Bình Phước (Vũ Đình Tâm)	44
Chiến chiến không hót (Trần Kiềm Hạ)	47
Cánh võng ru nôi (Lý Thị Minh Châu)	48
Giếng làng (Thanh Liêm)	49
Giàn bầu (Hải Trình)	50
Thơ (Nguyễn Dũng, Trường Khánh, Lam Hồng, Phan Thành Minh, Trà Kim Long, Lê Đức Đồng)	52
Chiếc áo (Nguyễn Phước Thị Liên)	54
Ngắm Hạ Long cách đây hơn một thế kỷ (Phạm Học)	56
Giấc mơ mùa lúa (Linh Lan)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	59

**Bìa 1: Miếu Âm hồn. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm**



## *Thư tòa soạn*

Kính thưa quý độc giả,

Mặc dù Văn Hóa Phật Giáo vẫn chủ trương không đề cập sâu những vấn đề thời sự chính trị; tuy vậy, việc Trung Quốc ngang ngược hạ đặt giàn khoan dầu khí Hải Dương-Thạch Du 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước ta là hành vi không thể chấp nhận được; vì thế, trong số báo 202, chúng tôi đã dành một trang tiêu ngữ thể hiện sự chia sẻ lòng công phẫn và quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước của toàn thể người Việt trên khắp thế giới. Trong số báo này, VHPG tiếp tục đăng tải bài viết của các tác giả Nguyễn Cảnh và Lê Vũ Trường Giang nhằm lên án ý đồ của Trung Quốc, không chỉ trong tham vọng độc chiếm Biển Đông mà còn có chủ trương bành trướng trong khu vực và trên cả thế giới. Chúng tôi tin rằng cuộc đấu tranh bằng biện pháp hòa bình của người Việt trước những thủ đoạn và âm mưu của người Trung Quốc chắc chắn sẽ đạt được thắng lợi, vì lịch sử đã cho thấy không kẻ xâm lăng nào có thể yên ổn tồn tại trên đất Việt.

Ngày 23 tháng Năm âm lịch sắp tới là dịp kỷ niệm 129 năm ngày Kinh đô Huế thất thủ (1885-2014) trong quá trình người Pháp vào chiếm Việt Nam làm thuộc địa. Hơn trăm năm qua, cứ đến ngày này, đồng bào thành phố Huế vẫn trân trọng tổ chức lễ tế âm hồn các chiến sĩ trận vong và thường dân nạn vong, không chỉ ở những ngôi miếu hiện tồn tại mà ngay trong sân hoặc trước cửa các tư gia, cửa hàng, quán xá... thể hiện tinh nhân đạo, lòng yêu nước và nhắc lại, dè chừng vết thương của dân tộc. Việc tổ chức lễ tế này thật đáng trân trọng. Cũng trong số này, VHPG đăng tải bài viết của tác giả Nguyễn Phúc Vĩnh Ba nói về nét văn hóa độc đáo đó của xứ Huế, với hy vọng tinh thần của lễ tế này được phổ biến rộng rãi trên khắp cả nước.

Thời gian qua, VHPG tiếp tục nhận được nhiều bài viết nói về hình tượng người Mẹ nói riêng và tình yêu quê hương đất nước nói chung. Các bài viết đều có giá trị, nhưng do trang báo có hạn, chúng tôi sẽ chọn đăng một số bài có những nét đặc sắc riêng vào số Vu-lan năm nay.

Trên tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả - những phẩm chất cao quý của con người nói chung chứ không chỉ của người Phật tử - một lần nữa chúng tôi khẳng định niềm tin rằng cuộc đấu tranh vì chính nghĩa của người Việt trong vấn đề Biển Đông sẽ sớm có kết quả thắng lợi.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo

**Như Lai thiếu đức như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ.**

***(Kinh Tự hoan hỷ – Trường Bộ)***





# Quan điểm Phật giáo về những thách thức của thế kỷ XXI

THÍCH GIÁC TOÀN

**X**ét đến căn nguyên, có thể thấy những thách thức của nhân loại trong thế kỷ XXI này về cơ bản không khác mấy với những vấn đề mà nhân loại đã từng đối mặt trong quá khứ. Trước hết, con người đã hành xử thô bạo với thiên nhiên và với đồng loại chỉ vì thiếu hiểu biết; trong đó, những thách thức về mặt sinh thái có nguồn gốc chính là lòng tham. Những thách thức về mặt hòa bình và an ninh có sự tham dự quan trọng của thái độ sân hận và Những thách thức về lối sống chủ yếu là vì sự ngu si; tất nhiên, trong lòng tham cũng có cả thái độ sân hận và sự thiếu hiểu biết. Nói khác đi, nguồn gốc của mọi vấn đề trong thế kỷ này cũng chính là từ ba độc tham sân si mà Đức Phật đã nói đến từ cách đây hơn 25 thế kỷ. Dưới đây, sau khi trình bày các giải pháp mang tính cách chính trị xã hội kinh tế mà nhiều cơ quan quốc tế đã vận động thực hiện, người viết nêu quan điểm Phật giáo về những thách thức của thế kỷ XXI.

**A** Những giải pháp chính trị xã hội và kinh tế  
Hiển nhiên, khi các học giả, những vị có tiên kiến, các nhà khoa học... đã nhìn ra vấn đề thì cũng đã có những đóng góp để giải quyết vấn đề. Vào năm 1968, khi Ủy ban Thế giới về Phát triển và Môi trường của Liên Hiệp Quốc đưa ra lời kêu gọi cần có những định hướng để chuyển đổi sự phát triển của loài người thành sự phát triển bền vững thì một số thành viên của một tổ chức có tên là Câu lạc bộ Rome đã có ý tưởng về một bản Hiến chương Địa cầu.

Tuy nhiên, ý tưởng này đã không có được sự chấp thuận của các vị lãnh đạo các quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc lúc ấy. Mãi đến năm 1994, khi các tổ chức hậu thân của Câu lạc bộ Rome gồm Hội đồng Địa cầu (Earth Council) và Quốc tế Chữ thập xanh (Green Cross International) nhắc lại ý tưởng ấy với tính cách một sáng kiến của một tổ chức dân sự thì việc soạn thảo một Hiến chương Địa cầu mới giành được sự ủng hộ của Chính phủ Hà Lan.

Sau sáu năm tham khảo các nhà hoạt động về chính trị kinh tế và xã hội có ảnh hưởng trên khắp thế giới, vào tháng Ba năm 2000, bản văn dự thảo chung quyết của bản Hiến chương Địa cầu đã được chấp thuận trong một buổi họp của Hội đồng Hiến chương Địa cầu tại trụ sở của Cơ quan Kinh tế Văn hóa Xã hội Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tại Paris.

Về nền tảng, bản Hiến chương này khẳng định loài người chỉ là một phần của cả một vũ trụ rộng lớn đang tiến hóa, rằng Địa cầu – ngôi nhà của nhân loại – cũng sống động cùng với một cộng đồng duy nhất của sự sống, rằng sức mạnh của thiên nhiên khiến cho sự tồn tại trở thành một cuộc phiêu lưu bất định với những đòi hỏi khắt khe; vì vậy mà mọi con người sống trên địa cầu đều có trách nhiệm về hạnh phúc hiện tại và tương lai của đại gia đình nhân loại, phải nhận biết tinh thể toàn cầu với những thách thức trước mặt, phải có sự chia sẻ tầm nhìn về những giá trị căn bản nhằm cung cấp một nền tảng đạo đức cho mọi hoạt động của một cộng đồng nhân loại đang hình thành.

Trên nền tảng đó, bản Hiến chương đề ra các nguyên tắc gồm: Tôn trọng Địa cầu cùng với tính cách đa dạng của sự sống; Quan tâm đến cộng đồng đời sống bằng sự hiểu biết và tình thương; Xây dựng các xã hội dân chủ mang tính cách công bằng, có sự tham dự đồng đều của mọi người, có tính bền vững và hòa bình; Giữ gìn sự hào phóng và vẻ đẹp của Địa cầu cho hiện tại và các thế hệ tương lai. Dựa trên những nguyên tắc đó, bản Hiến chương đề ra các hoạt động nhằm duy trì sự toàn vẹn của hệ sinh thái, thực hiện sự công bằng về kinh tế và xã hội, bảo đảm tính dân chủ, bất bạo động và hòa bình. Chính là dựa trên những thành tựu này, Liên Hiệp Quốc đã đưa ra Tuyên bố Thiên niên kỷ và Những mục tiêu phát triển của Thiên niên kỷ đến năm 2015.

Chúng ta đang sống giữa thập niên thứ hai của thế kỷ thứ XXI. Xem ra những mục tiêu phát triển đến năm 2015 của Liên Hiệp Quốc vẫn chưa có thể nói là đã thành tựu mặc dù không thể phủ nhận nhiều tiến bộ đã đạt được. Dù sao chăng nữa, qua những vận động nói trên, loài người đã ý thức được những thách thức nghiêm trọng mà nền văn minh nhân loại đang phải đối đầu.

## **B** Quan điểm Phật giáo về những thách thức của thế kỷ XXI

Các học giả phương Tây khi nghiên cứu Phật giáo đã nhận định Phật giáo không phải là một tôn giáo theo định nghĩa truyền thống Tây phương mà là một lối sống, một biện pháp thực hành nhằm đạt tới tuệ giác về bản chất của thực tại. Thật vậy, Tiến sĩ Lily de Silva thuộc Đại học Tích Lan phát biểu rằng Phật giáo đã tự giới hạn một cách nghiêm ngặt trong việc mô tả một lối sống được thiết định chỉ nhằm mục đích triệt tiêu mọi nỗi đau khổ của kiếp nhân sinh. Trong

suốt cuộc đời giảng pháp, Đức Phật vẫn không trả lời bất kỳ câu hỏi nào không trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc đạt tới mục đích cuối cùng của một hành giả là giải thoát khỏi sự khổ của kiếp luân hồi. Mặt khác, cũng nên thấy rằng giáo pháp của Đức Phật đã được nói ra cách đây hơn 25 thế kỷ; lúc bấy giờ, những khái niệm như ô nhiễm môi sinh hay nạn nhân mãn chưa được biết tới. Vì thế, hẳn là kinh điển Phật giáo không trực tiếp đề cập những giải pháp cho các thách thức hiện nay của loài người. Tuy nhiên, là một hệ thống tư tưởng đầy đủ nhất nói về lối sống hài hòa của con người trong cộng đồng, trong xã hội và giữa thiên nhiên, người ta cũng có thể tìm thấy trong kinh điển Phật giáo những tài liệu mô tả thái độ của người Phật tử đối với vấn đề sinh thái, về hòa bình và chiến tranh; đặc biệt là những lời giảng về lối sống.

Phật giáo quan niệm rằng toàn thể môi trường sống, trong đó có thiên nhiên và mọi sinh vật, là một hệ thống năng động, luôn biến đổi, không khi nào giữ mãi một trạng thái cố định. Quan niệm đó được diễn tả bằng hai chữ “vô thường”. Trong kinh Ưu-ba-ly thuộc *Trung Bộ*, Đức Phật nói, “*Phàm pháp gì được khởi lên, pháp ấy đều bị tiêu diệt*”. Điều này hàm ý không vật gì được tạo thành mà có thể ở trong một trạng thái vĩnh cửu. Từ quan niệm này, Phật giáo cho rằng toàn thể thế giới đã trải qua vô số những chu kỳ sinh thành rồi hoại diệt. Tuy nhiên, theo kinh Khởi thế nhân bốn thuộc *Trường Bộ* thì sự sinh thành hoại diệt là kết quả gây nên bởi tinh thần đạo đức của các sinh vật hiện hữu trong môi trường sống đó. Nói khác đi, tinh thần đạo đức của con người có tác động đến thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên có thể trở nên khắc nghiệt đối với cuộc sống hay tiếp tục hào phóng ban tặng con người những sản vật của trời đất.

Phật giáo cho rằng mọi sự vật đều nương nhau mà tồn tại. Nhận định này được thể hiện qua thuyết Duyên sinh. Trong kinh Phật tự thuyết, Đức Phật dạy, “*Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh*”. Và “*Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt*”. Như vậy, không thể có một sự vật nào trong thế giới này có thể tồn tại độc lập, mà tất cả mọi sự vật đều tùy thuộc vào những sự vật khác trong một mối tương quan mật thiết, chẳng những trong sự sinh tồn mà cả trong sự hủy diệt. Từ quan điểm này, Phật giáo dạy con người tuyệt đối tôn trọng sự sống và có sự tôn trọng đối với thiên nhiên.

Về việc tôn trọng sự sống, giới đầu tiên mà một người Phật tử phải gìn giữ là Không sát sanh. Trong Luật Sa-di, Đức Phật dạy “*nếu thấp đèn thì phải lấy lông che kín không để các loại phi trùng gieo vào*” và “*không được nước sôi đang nóng mà rót bắn trên mặt đất*”. Trong Luật Tỳ-kheo, Đức Phật dạy phải lọc nước trước khi uống vì e uống nhầm côn trùng, Ngài cũng không cho phép các tu sĩ may tọa cụ bằng tơ tằm hay lông của các loài

thú. Thói quen ăn chay của người chấp nhận tư tưởng Phật giáo cũng xuất phát từ việc giữ giới không sát sanh, đang là một khuynh hướng phổ biến của những con người hiện đại có hiểu biết.

Về việc tôn trọng thiên nhiên, cũng trong Luật Tỳ-kheo, Đức Phật dạy không được khạc nhổ, tiểu tiện và bỏ đồ dơ trên cỏ tươi, không được đại tiểu tiện vào dòng nước trong. Trong kinh *Tăng Chi*, Đức Phật dạy không được làm ô nhiễm nguồn nước, không được vất những vật ô uế vào sông hồ. Nói chung, tuy không trực tiếp nói về môi sinh, Phật giáo có sẵn quan điểm tôn trọng thiên nhiên và tôn trọng sự sống.

Ở đây cần nêu rõ, theo quan niệm Phật giáo, sắc uẩn gồm có nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là những yếu tố tứ đại tạo nên thân người; còn ngoại sắc là yếu tố tứ đại hình thành nên thế giới chung quanh. Nội sắc và ngoại sắc đều cùng là sắc. Điều đó cho thấy con người không tách rời những người khác và môi trường mình đang sống. Từ đó, quan niệm về một cái ngã hoàn toàn riêng biệt chỉ thể hiện sự vô minh của con người.

Cũng từ lý thuyết duyên sinh, Phật giáo xác định luật nhân quả là quy luật tất yếu của cuộc đời. Khi một người thực hiện một hành vi có tác ý thì hành vi đó tạo nên một nghiệp thiện hay một nghiệp ác tùy sự tác ý. Trong những điều kiện thuận lợi hay không thuận lợi, hành vi đó sẽ dẫn đến một kết quả tốt hay xấu tùy theo nghiệp mà người ấy đã gieo là nghiệp thiện hay nghiệp ác. Do tin vào luật nhân quả, một người đã chấp nhận tư tưởng Phật giáo sẽ cố gắng tránh những việc bất thiện. Trong phẩm Song yếu, kinh *Pháp cú*, Đức Phật dạy,

*"Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo;  
Nếu với ý ô nhiễm,  
Nói lên hay hành động,  
Khổ não bước theo sau,  
Như xe, chân vật kéo".  
Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo,  
Nếu với ý thanh tịnh,  
Nói lên hay hành động,  
An lạc bước theo sau,  
Như bóng, không rời hình".*

Phật giáo cũng quan niệm rằng cuộc đời là khổ. Trong kinh Chuyển pháp luân Được Đức Phật tuyên giảng cho nhóm năm vị Kiều-trần-như, Ngài nói, *"Này các Tỳ-kheo, đây là 'sự thật cao quý' về khổ: Sanh là khổ; già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; sống chung với người mình không ưa thích là khổ; xa lìa người thân yêu là khổ; mong muốn mà không được là khổ; tóm lại nắm giữ năm uẩn này là khổ".* Để giải thoát khỏi những sự khổ đó, Đức Phật dạy các vị Kiều-trần-như về Tám con đường cao quý, hay Bát chánh đạo, bao gồm *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng,*

*chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.* Tuy nhiên, về phương diện thực tiễn, một trong những biện pháp để đạt tới tình trạng không bị khổ mà Đức Phật đã chỉ ra cho các đệ tử của Ngài là lối sống biết đủ và ít ham muốn. Trong kinh *Di giáo*, Phật dạy, *"Này các Tỳ-kheo, người nhiều ham muốn luôn cầu được nhiều món lợi nên khổ não cũng nhiều. Người ít ham muốn thì không bị sự mong cầu gây ra cái hại ấy".* Ngài tiếp, *"Này các Tỳ-kheo, muốn thoát khỏi mọi khổ não, nên quán xét việc biết đủ. Biết đủ chính là chỗ giàu có, vui vẻ, an ổn. Người biết đủ, dù nằm trên mặt đất vẫn thấy an vui. Người không biết đủ, dù ở cõi trời cũng chưa thỏa ý".*

Về vấn đề chiến tranh và hòa bình, Phật giáo khuyên mọi người không nên ôm ấp hận thù. Kinh *Pháp cú*, phẩm Song yếu ghi:

*"Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi"  
Ai ôm hiểm hận ấy,  
Hận thù không thể nguôi  
"Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi,"  
Không ôm hiểm hận ấy,  
Hận thù được tự nguôi.  
"Với hận diệt hận thù,  
Đời này không có được.  
Không hận diệt hận thù,  
Là định luật ngàn thu".*

Rõ ràng, khi con người không ôm ấp hận thù thì sẽ dẹp được tình trạng mâu thuẫn xảy ra giữa người với người. Nếu các cộng đồng không ôm ấp hận thù thì cũng sẽ dẹp được những tranh chấp. Và rộng ra, sẽ không có chiến tranh giữa các quốc gia này với quốc gia khác, giữa dân tộc này với dân tộc khác.

Không những thế, đạo Phật chủ yếu dạy cho con người có lòng từ bi, biết thương người khác, trong hành xử, luôn luôn nghĩ đến lợi mình, lợi người và lợi cả hai. Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong lối sống của người Phật tử là *"không làm hại"* (*ahimsa*).

Nói chung, một người sống trong thế kỷ XXI này, nếu chấp nhận tư tưởng Phật giáo, thì cũng là người có kiến thức khoa học, cũng có tư duy thực chứng, cũng đòi hỏi được tự do và bình đẳng, cũng sẵn sàng tìm hiểu những điều mới lạ, nhưng lại không tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, không có những suy nghĩ phù phiếm và không đòi hỏi phải tự thể hiện mình; ngược lại, họ sẵn sàng chấp nhận những trách nhiệm của con người sống trong cuộc đời này, trách nhiệm với cộng đồng hiện tại và cả những thế hệ tương lai; họ không chỉ nghĩ đến mình mà còn nghĩ đến người khác và toàn thể môi trường sống quanh họ, họ có lòng khoan dung, chấp nhận những tư tưởng khác biệt mà không buộc người khác phải như mình.. Một người đã chấp nhận tư tưởng Phật giáo tất nhiên đã thoát khỏi nỗi sợ



về những sự trừng phạt ở kiếp này hay kiếp sau, vì lẽ họ luôn chịu trách nhiệm về mọi hành động của mình. Đó là con người có đạo đức trong lối sống, điều kiện thiết yếu để giải quyết mọi thách thức đối với loài người ở mọi thời đại. Nói khác đi, khi một người chấp nhận tư tưởng Phật giáo thì tự nhiên người ấy đã có những hành xử thích hợp với những nguyên tắc của những người đã nêu lên bản Hiến chương Địa cầu: Tôn trọng Địa cầu cùng với tính cách đa dạng của sự sống; Quan tâm đến cộng đồng đời sống bằng sự hiểu biết và tình thương; Xây dựng các xã hội dân chủ mang tính cách công bằng, có sự tham dự đồng đều của mọi người, có tính bền vững và hòa bình; Giữ gìn sự hào phóng và vẻ đẹp của Địa cầu cho hiện tại và các thế hệ tương lai.

### **K**ết luận

Thực ra, những thách thức đối với loài người ở thời đại nào cũng giống nhau, chỉ khác biệt về mức độ và tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn, trong đó có sự thay đổi của những phương tiện mang lại đời sống tiện nghi của con người. Những thách thức của thế kỷ XXI thực ra đã được nhiều người nêu lên ngay từ khi chấm dứt Thế chiến thứ II hồi cuối năm 1945, và chính những thách thức đó đã khiến loài người bấy giờ thành lập Liên Hiệp Quốc với mong muốn điều hòa mọi hoạt động của loài người để gìn giữ quả Địa cầu cho những thế hệ đến sau. Những thách

thức đó cũng đã được Đức Phật nhìn thấy từ cách đây 25 thế kỷ, đó là những thách thức đến từ sự vô minh, từ lòng tham và sự sân hận của con người. Giáo pháp của Đức Phật chủ yếu được rao giảng để đối trị ba độc tham sân si, nghĩa là cũng để đối trị với mọi thách thức ở mọi thời đại. Vấn đề là nhân loại cần tìm hiểu sâu hơn trong giáo lý của Đức Phật những điều cụ thể liên quan đến cuộc sống để có thể áp dụng một cách thích đáng, vì lẽ đạo Phật không quan tâm đến việc tìm kiếm thêm tín đồ, mà chỉ đề nghị những lối sống thích hợp nhất cho đời sống con người để mọi người cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình và an lạc. Đối với đạo Phật, vấn đề quan trọng là việc truyền bá lối sống của Phật giáo chứ không phải là công cuộc xây dựng một tổ chức Phật giáo toàn cầu. Thật vậy, ngài Dzongtsar Jamyang Khyentse trong tác phẩm *Thế nào là Phật tử* đã trình bày quan điểm đó như sau: *“Cũng rất quan trọng khi hiểu rằng là một Phật tử, bạn không có nhiệm vụ hay bổn phận phải cải đạo phần còn lại của thế giới sang đạo Phật. Các Phật tử và đạo Phật là hai thứ khác nhau, giống như những người ủng hộ dân chủ và chế độ dân chủ. Tôi chắc chắn rằng nhiều Phật tử đã làm nhiều điều gây phiền phức cho chính họ và cho những người khác. Nhưng điều đáng khích lệ là cho đến nay các Phật tử đã không gây chiến hay cướp phá đền chùa của các tôn giáo với danh nghĩa Đức Phật nhằm mục đích thu phục tín đồ!”* ■



# Lễ tế Âm hồn Thất thủ kinh đô 23.5 (Ất Dậu)

## Một nét văn hóa độc đáo của xứ Huế

NGUYỄN PHÚC VĨNH BA

Lễ tế Âm hồn Thất thủ kinh đô - bữa quây cơm chung (còn gọi là Lễ Truy niệm Chiến sĩ trận vong và đồng bào nạn vong năm Ất Dậu) là một nét văn hóa đặc trưng của nhân dân Thừa Thiên - Huế. Lễ này bắt nguồn từ sau chính biến ngày 23.5 năm Ất Dậu (05.7.1885) khi kinh đô Huế thất thủ.

Sau Hiệp ước Quý Mùi (1883) và Hòa ước Giáp Thân (1884), thực dân Pháp gần như đã khống chế được triều đình Huế. Tòa Khâm sứ, cơ quan đầu não chính trị của Pháp do một viên Khâm sứ đứng đầu, được đặt bên hữu ngạn sông Hương nhằm giám sát và can thiệp vào mọi chuyện của triều đình Huế trên phần đất còn lại trong uy quyền của vương triều này. Bên cạnh đó còn có khoảng 200 lính mã-tà ma-ni thuộc lực lượng quân đánh thuê của Pháp đóng tại đồn Mang Cá nhỏ (tức tiểu trấn Bình Đài).

Không cam tâm dưới sự áp bức đó, phái chủ chiến của triều đình Huế đứng đầu là Phụ chánh đại thần Tôn Thất Thuyết ngày đêm mưu đồ đánh đuổi Pháp. Ông đã liên lạc với phong trào Văn Thân chống Pháp, huấn luyện binh sĩ, tích trữ súng đạn, lập chiến khu Tân Sở, một kinh thành thứ hai, ở Quảng Trị, chuẩn bị cho một cuộc đánh úp lực lượng Pháp tại Huế. Khi Toàn quyền De Courcy đổ bộ lên Thuận An với một lực lượng hùng hậu gồm 19 sĩ quan và 1.024 lính, y đòi hai quan Phụ chính đại thần phải qua Tòa Khâm trình diện. Tình hình bang giao Việt Pháp đã đến hồi quá căng thẳng. Phụ chánh đại thần Nguyễn Văn Tường và Hộ bộ Thượng thư Phạm Thân Duật sang Tòa Khâm nhưng không thuyết phục được De Courcy, kể cả việc nhận lễ vật của Thái hậu Từ Dũ. Thực tâm, De Courcy xem kinh thành Huế như một miếng mồi cần nuốt chửng.

Sau khi Pháp từ chối thỏa hiệp với triều đình Huế về các nghi lễ ngoại giao (mở cửa giữa Ngọ Môn để đón cả sứ đoàn De Courcy, vua Hàm Nghi phải xuống ngay tiếp sứ thần Pháp...) mà triều đình Huế cho rằng đó là một sự miệt thị uy quyền của vương triều và có ý đồ chiếm kinh thành Huế như từng chiếm thành Hà

Nội, thành Gia Định, ông Thuyết đã quyết định tấn công Pháp trước. Đêm 22.5 năm Ất Dậu (04.7.1885) ông Thuyết cho nổ súng thần công vào Tòa Khâm và tấn công vào đồn Mang Cá. Đạn thần công phần lớn rơi xuống sông Hương, chỉ có một số ít làm cháy các lều trại nhỏ chung quanh Tòa Khâm. Đội quân đánh vào Mang Cá cũng tháo chạy trước súng và lựu đạn của bọn lính đánh thuê (mã-tà ma-ni) đồn trú tại đây và pháo từ chiến thuyền của Pháp đậu trên sông Hương.

Rạng sáng, quân thủy lục Pháp từ trấn Bình Đài phản công theo đường Hàng Bè (bây giờ là đường Đào Duy Anh & Huỳnh Thúc Kháng). Đến cổng Thanh Long ngoài (tức cầu Hàm Tế) bị đánh chặn bởi lính Phấn Nghĩa, giặc Pháp rẽ theo lối mòn dành cho voi đi sang cổng Lương Y trong Thành Nội, sang đường Lê Văn Hưu và tiến theo đường Âm Hồn (nay là đường Lê Thánh Tôn) đánh thẳng lên khu Tam Tòa và Lục Bộ, tiến về cửa Hiển Nhơn, đánh vào Đại Nội. Trên đường đi, giặc Pháp đốt nhà chẻ cửa, cướp phá, giết chóc hăm hiếp không từ một ai. Chúng xua đàn bà trẻ con đi trước làm bia đỡ đạn. Trước sức kháng cự của quân ta, giặc Pháp quay qua tiến chiếm Kỳ đài và treo cờ Tam tài của Pháp. Đồng thời đạn pháo từ tàu chiến Pháp bắn vào Thành Nội, hoàng thành và cung điện nhiều nơi bị cháy sập. Quân triều đình dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Hộ thành Trấn Xuân Soạn và Hữu quân Đô thống Hồ Văn Hiến rút lui cố thủ trong Đại Nội. Sau đó, lính thủy Pháp từ Tòa Khâm cũng sang, đốt chợ Đông Ba và đi vào cửa Thượng Tứ đã bỏ ngõ, ra sức chém giết dân lành. Khi quân triều đình rút đi theo đoàn Ngự đạo thì bọn Pháp càng tha hồ giết chóc, cướp phá và thiêu đốt khắp nơi, trong Đại Nội cũng như ngoài Thành Nội.

Theo nhà truyền giáo H. De Pirey trong bài "Một thủ đô phù du: Tân Sở" (đăng trong tập san "Những người bạn cố đô, tập I, năm 1914", NXB Thuận Hóa, tr.224) quân ta ước chừng ba vạn (?) nhưng vũ khí quá thô sơ toàn gươm giáo mác để cận chiến. Dầu vậy, quân Phấn Nghĩa vẫn gan dạ chiến đấu, bỏ mình vô số và đành rút lui cố thủ trong Đại Nội. Cuối cùng, ông Thuyết quyết định đưa triều đình kể cả



Ảnh: **Nguyễn Đình Niêm**

Lưỡng Tôn Cung theo cửa Chương Đức rồi theo cửa Hữu xuất giá ra khỏi kinh thành. Đoàn Ngự đạo qua cầu Bạch Hổ (tức cầu Kim Long), lên ngã chùa Linh Mục, vòng qua Trường Thi (làng La Chử) ra Quảng Trị. Sau đó ông Thuyết đưa vua lên Tân Sở, kết hợp với các lãnh tụ Văn Thân, ban hịch Cần Vương, kêu gọi toàn dân đánh Pháp. Trong hoàn cảnh rối ren này như rấn mất đầu, dân chúng, lính tráng, quan lại, thợ thầy... hoảng loạn tìm đường chạy trốn, chen chúc qua các cửa thành chạy về miền quê hầu tránh sự tàn sát như diên đại của lính đánh thuê. Số lớn thì chết bởi súng đạn, lưới lê của giặc, số thì chết bởi nhà cháy, giày đạp lên nhau, ngã xuống hồ ao, rơi khỏi tường thành. Tồn thất của phe ta kể cả dân chúng rất lớn.

Theo TS. Nguyễn Văn Vịnh (báo Người Lao Động ngày 10.9.2007) thì "...11 giờ ngày 5-7-1885, Courcy điện về chính phủ Pháp: 'Ngôi thành đã ở trong tay chúng ta

cùng với 1.100 (?) khẩu đại bác. Quân đội chúng ta tuyệt vời. Thương vong không đáng kể'. Về phía quân Pháp có 11 người chết và 62 người bị thương, trong khi đằng trước mặt họ là từ 1.200 đến 1.500 xác người Annam phải chôn cất hay đem thiêu... Tướng Prudhomme báo cáo: 'Xác của 1.500 người Annam cho thấy những thiệt hại của kẻ thù ít nhất cũng phải gấp đôi thế, vì theo tập quán họ đã mang đi rất nhiều, và mang tất cả những người bị thương đi, vì họ sợ chúng ta sẽ cắt xẻo hay đối xử tàn nhẫn... Do không thể chôn cất hết những người Annam chết, người ta đã vớt một phần vào các kênh đào, và phần còn lại thì đem hỏa thiêu. Nhưng sự thối rữa của một số lượng lớn xác chết như vậy, lại do thời tiết nóng làm cho thối rữa mạnh hơn, đã làm ô nhiễm cả thành phố, và trong một thời gian dài nữa, người ta đã phải hít thở một thứ không khí sặc mùi hôi thối'".

Trong tác phẩm “Huế 1885” nhà văn Thái Vũ đã tả lại cảnh kinh thành Huế vào ngày ấy: “Trời gần sáng. Đại bác giặc các nơi bắn dồn dập vào nội thành. Nhà cháy! Đàn bà, trẻ nít kêu khóc dậy lên khắp nơi. Phía ngoài thành, giặc cũng đốt nhà dân, đốt chợ Đông Ba, đốt từ Bao Vinh đến cầu Hàm Tế (tr.311)... Bọn Mẹt-xin-gie bắn vào đám đông như điên như cuồng... Chúng bắn xối xả, bắn vào những người đang chạy về phía chúng, quần nhau với chúng. Bắn vào những người đang chạy tòá khắp nơi. Bắn vào đám đàn bà con trẻ đang hoảng hốt kêu khóc. Bắn vào những người đã chết. Nhà cháy. Cây cối sụp đổ... (tr.318). Nhiều nhà phía trong này vẫn còn ngút lửa, nhất là phía kho vũ khí, kho chứa thuốc súng. Dinh Bộ Binh và dinh Bộ Lại của hai quan Quận và Tướng Thân thân lửa vẫn cao ngọn. Xác người chết rải khắp đường khắp ngõ. Xác gục bên hồ, ngổn ngang bên bãi cỏ. Hầu như không nhà nào không có người chết. Cả Thành Nội đúng là một chiến địa... Qua ngày sau, vài xác chết vẫn nằm rải rác khắp các ngã đường. Giặc Pháp cho những người sống sót đi nhận xác người thân. Xác không người nhận – có khi bị giết cả gia đình - giặc cho kéo chất đống để đốt... (Sđd, tr 328 & 335)”. Quả là một nỗi đau thương thống thiết cho bao người con dân Việt yêu nước.

Cụ Phan Bội Châu có viết một bài “Văn tế cô hồn ngày 23.5” với những câu bi thiết như sau:

“Lô nhô trẻ diu già, ông nách cháu, chân còn đi, đầu chốc lia vai!

Lao nhao con khóc mẹ, vợ kêu chồng, tiếng chưa ngớt, xương đã chất đống!

Oan uổng quá mấy ông trên võng, thành linh sét đánh, sống chẳng trọn đời.

Tội tình thay lũ bé trong nôi, cắc có sao sa, chết đã trắng bụng”.

Một tư liệu văn học nữa ghi chép biến cố này là bài Về thất thủ kinh đô (Còn gọi là Về cụ Mới hay mục Mì vì hai người này thường đi khắp nơi đọc Về thất thủ kinh đô để kiếm sống), bài về này gồm 1.850 câu, kể lại toàn bộ biến cố thất thủ kinh đô năm Ất Dậu:

... Canh hai cơm nước soạn sinh  
Hai bên phường phố lạnh tanh như tờ  
Canh ba dàn trận binh cơ  
Canh tư lấy giờ phát lệnh giao phong  
Súng Tây nó nổ đi ùng  
Hai bên phường điểm hải hùng kêu la  
Người chui bụi, kẻ vọt ao  
Người lòn xuống cống, lao xao canh chầy  
Tránh thân cho khỏi súng Tây  
Mẹ con chạy vạy trời rày còn khuya  
Lao xao như cá trong đĩa  
Tránh sao cho khỏi súng lia vào mình...  
... Người sáng còn cực tấm thân  
Thương ông thầy bó chân lằn tay quơ...  
... Từ ngày thất thủ kinh đô,  
Bốn phương xiêu vẹo Hán Hồ khổ thay...

... Từ ngày thất thủ kinh đô  
Tây qua giăng dây thép, họa địa đồ nước Nam  
Lên dinh tớ ở Tòa Khâm  
Chén cơm âm phủ, áo dầm mồ hôi...

Số người chết là vô kể, nằm rải rác khắp nơi, dọc đường phố, trong các mương thoát nước, các hào hới và ao hồ. Bọn Tây dồn đống và đốt như Prudhomme nói ở trên rồi cho chôn ở Cồn mỏ Ba Đồn. Một số xác khác vô thừa nhận thì bị chôn lấp cầu thả trong các mương thoát nước dọc theo các đường trong Thành Nội. Loạt chôn ngay sau biến cố Ất Dậu là tại cồn mỏ số 4, 5 và 6 tại Ba Đồn. Theo Sogny, Thanh tra khố xanh Pháp trong bài “Cồn mỏ vùng lân cận Nam Giao” (đăng trong tập san “Những người bạn cố đô, tập II, năm 1915”, NXB Thuận Hóa, tr.174) thì: “Cồn mỏ thứ tư, nơi an nghỉ của quân lính hy sinh trong kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885), số lượng không rõ; Cồn mỏ thứ năm, nơi an nghỉ của sĩ quan hy sinh trong kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885), số lượng không rõ; Cồn mỏ thứ sáu, nơi an nghỉ của thường dân chết trong kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885), số lượng không rõ...”. Còn số được chôn lấp trong mương thoát nước tại Huế thì sau này do mở đường mà được cải táng tại cồn thứ 8 chùa Ba Đồn. Cũng Sogny cho biết “Cồn thứ 8 là (nơi qui tập) các mỏ chôn dọc hai bên đường từ kinh thành đến chợ Đông Ba lên Kim Long và đưa dời khi mở rộng con đường, kinh phí giao cho khu phố I để di chuyển mả” (Bđd, tr.175). Theo con cháu của các Phó trưởng các phố trong Thành Nội thì các xác trong Thành Nội cũng đưa lên Ba Đồn cải táng như Sogny kể. Vậy rõ ràng cồn mỏ Ba Đồn chính là nơi chôn những năm xương tàn của chiến sĩ trận vong và đồng bào nạn vong trong biến cố Ất Dậu. Điều đặc biệt là chính Sogny lại cho biết trong bia đá dựng tại miếu thờ ở đây có ghi “Ở cồn mỏ Ba Đồn có nhiều nghĩa địa, có nhiều mộ không biết nguồn gốc. Trong số người quá cố có **những người hi sinh cho danh dự, có người chết vì trung nghĩa...**”. Quả là một lời công nhận kín đáo lòng yêu nước và khí tiết của người dân Việt ta mà lại được một quan thực dân Pháp ghi chép.

Cuộc sống của dân chúng trong kinh thành từ sau biến cố cứ gặp phải nhiều tai họa, bệnh dịch, hỏa hoạn... Người ta tin rằng đây là do quá nhiều các oan hồn của các tử sĩ và nạn dân quấy nhiễu vì không được ai thờ cúng. Dân chúng hằng năm đều tổ chức cúng tế tại tư gia. Thế nhưng gần 10 năm sau, vào năm 1894 đời vua Thành Thái, một vị vua có tinh thần yêu nước và kháng Pháp, triều đình Huế mới chính thức lập Đàn Âm Hồn lộ thiên trên một diện tích gần 1.500m<sup>2</sup> ở phường Huệ An gần cửa Nhà Đổ (cửa Chính Nam) để tế lễ hằng năm do Ty Lý Thiện phụ trách và quan Đốc Hộ thành đứng chủ lễ. Đàn nay chỉ là phế tích tại 24 Ông Ích Khiêm, phường Thuận Hòa, Huế. Lúc đầu Đàn được đắp bằng đất, sau được xây cất thành một ngôi miếu uy nghi với

một căn nhà ba gian một bên để cất giữ đồ cúng tế. Đây nguyên là trại lính Thần cơ (pháo binh) đã bị triệt giải nên lập miếu thờ cho các chiến sĩ trận vong là một điều dễ hiểu. Ngoài Đền Âm Hồn trên còn có 5 miếu nhỏ ở các phường Phú Nhơn, Vinh An, Tri Vụ, Thuận Cát và làng Phú Xuân. Đền Âm Hồn này tiếc thay dù đã hư nát nhưng vẫn còn ngôi miếu cho đến năm 1987 mới bị triệt giải. Rõ ràng Đền Âm Hồn này trên danh nghĩa là để thờ cúng các âm hồn phiêu bạt đây đó nhưng chính thực lại là sự ngấm ngấm tôn vinh các chiến sĩ trận vong và cổ vũ cuộc chiến đánh đuổi thực dân Pháp.

Lễ tế Âm hồn 23.5 biểu hiện tấm lòng kính trọng của toàn nhân dân Thừa Thiên Huế đối với các chiến sĩ bỏ mình vì Tổ quốc cùng lòng xót thương đến đồng bào không may phải nạn vong. Nó còn nói lên tình nghĩa sâu xa đậm đà của bà con láng giềng hóm sớm có nhau và lòng biết ơn của các thế hệ đi sau đối với tiền nhân vì quốc vong thân. Đặc biệt, hằng năm lễ tế Âm hồn được **tổ chức một cách tự phát**, khởi xướng từ các kỳ lão khắp nơi trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Một tục lệ tốt đẹp như thế đã sống trong lòng người dân xứ Huế hơn cả một thế kỷ. Nhà nào cúng lễ 23.5 cả, không chung thì riêng. Điều kỳ lạ là lễ đã đạt được **tính cộng đồng** đến độ cả các làng xa kinh thành như Nong, Truôi, An Lỗ, Sịa... đều tổ chức cúng bái và dù không ai khuyến khích thúc giục gì cả mà họ vẫn tự ý làm như một bổn phận đối với người đã bỏ mình vì nước. Có lẽ đây là một lễ tế có tính nhân văn sâu sắc và đáng tự hào nhất của người Huế.

Ngày chính thức cử hành lễ tế là 23.5 ÂL. nhưng dân chúng có thể theo hoàn cảnh từng gia đình mà tổ chức từ ngày ấy cho đến ngày 30.5. Lễ tế chung thì dân chúng dựng rạp ở một ngã ba đường nơi âm hồn qua lại, lễ riêng thì bàn lễ bày sát đường trước mặt nhà. Phẩm vật gồm hương, chuối, hột nổ, giấy tiền, giấy vàng, giấy bạc, khoai, đậu, sắn, mít, nhiều thứ nhưng phải có cháo thánh (cháo loãng), cơm vắt, gạo, muối (dành cho cô hồn bị chết đói) một ghè nước chè lớn (dành cho cô hồn chết khát), áo binh và một đồng lửa (dành cho cô hồn bị chết lạnh dưới ao hói sông hồ). Bài văn tế của cụ Phan thường được đọc lại ở dịp lễ tế Âm hồn này.

Thiết nghĩ như một số nhà nghiên cứu khác, lễ tế Âm hồn này là một truyền thống tốt đẹp của nhân dân Huế: Nó cổ vũ lòng yêu nước, lòng hy sinh vì nghĩa cả, tinh thần chống ngoại xâm của người dân và bày tỏ một đạo lý tri ân tiền nhân hay uống nước nhớ nguồn.

Chính biến Ất Dậu với hịch Cần Vương là một bước ngoặt có ý nghĩa trong công cuộc kháng Pháp của toàn dân ta thời đó: Một thời kỳ chống ngoại xâm của toàn dân do nhà vua lãnh đạo hay như dân gian nói "Ở giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi". Nó dù thất bại một cách bi tráng đã mở ra một thời kỳ bùng nổ đánh Pháp với nhiều nhà yêu nước sáng giá như Phan Đình Phùng, Lê Trung Đình, Đinh Công Tráng, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám... mà giặc Pháp phải cuống cuồng

điên đầu trong công cuộc gọi là "bảo hộ Nam triều". Nó tác động sâu xa đến lòng yêu nước của dân ta về sau từ nhà vua như Thành Thái, Duy Tân đến sĩ phu như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Quang Diệu, Phan Bội Châu... Họ là lớp những nhà nho đã lớn lên trong thời có biến cố Ất Dậu đầy bi tráng. *Thi tù tùng thọa* của cụ Huỳnh Thúc Kháng, *Hợp tuyển thơ văn yêu nước* của NXB Văn Học, hay ký sự *Nhà tù An Nam ở Guyane* trên báo *Tuổi Trẻ* hiện nay đã cho ta hiểu thêm rất rõ về lòng ái quốc vô bờ và những khổ sở cùng cực trong lao tù của họ chỉ vì đã dám yêu nước mà chiến đấu chống Pháp. Phải chăng đó là những tấm gương yêu nước bất khuất và trung kiên được khơi dậy từ tấm gương Ất Dậu? Tinh thần đó còn hun đúc và nêu gương cho nhiều thế hệ yêu nước sau này nữa như Nguyễn Thái Học, Phạm Hồng Thái, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh,... và bao chiến sĩ cách mạng khác mà lý tưởng của họ đã thăng hoa từ **vì vua sang vì đất nước đồng bào**.

Hẳn vì những ý nghĩa sâu sắc đó, chúng ta cần tổ chức một cách chính thức và trọng thể lễ tế Âm hồn này để phát huy tác dụng tích cực của lễ. Nhà nước ta đang chuẩn bị đưa hài cốt của vua Hàm Nghi về an táng tại Huế thì việc tôn vinh tinh thần Ất Dậu cũng rất thiết thực. Sau phục hồi Đền Xã Tắc, có nên phục hồi Đền Âm Hồn Huế, xem như là một đài liệt sĩ thời kháng Pháp chăng? Nhiều miếu Âm hồn khác do các phường xã lập nên như ngôi miếu khá to ở cửa Chánh Tây đều đã bị triệt giải vào năm 1985 rồi. Những miếu nhỏ còn lại phần lớn bị lấn chiếm gần như mất cả cảnh quan thiêng liêng của nơi thờ tự.

*Than ôi!*

*Tim óc bùi ngùi,*

*Ruột gan tê tái.*

*Hơn thế kỷ trôi qua trước mắt, anh linh thiên cổ còn đây,  
Mấy bi thương chất kín trong lòng, hương hỏa tứ thời  
ngát mãi.*

*Nhớ Ất Dậu kinh thành thất thủ, đám sanh linh phải  
bao nỗi thương vong,*

*Nay Mậu Tý Thuận Hóa thanh bình, phường tử đệ vẫn  
một niềm ái ngại.*

*Dẫu biết lễ tử qui sinh ký, đời ngắn tắc gang,*

*Nhưng xét hồi quốc phá thân vong, nghĩa dài sông núi.*

*Phận cháu chắt tháng ngày nhớ tưởng, lòng kính yêu  
để mấy nguôi khuây,*

*Tinh bà con hôm sớm quần quanh, bụng nuôi tiếc khó  
mà bỏ trái.*

*Trước thưa sau gửi, đỉnh kỳ trầm hương khói vọng tiền  
nhân,*

*Xưa bày nay làm, lễ truy điệu cổ bàn hầu trưởng bối.*

*Nhớ linh xưa:*

*Năng nổ thán ngày; Dịu dàng sớm tối*

*Ham việc ham công, ham đồng ham ruộng, trai cuốc  
cày gắng sức chăm lo,*

*Vui v�on vui tực, vui cửa vui nhà, gái bếp núc hết lòng  
vun xới.*

Có đâu biết nước nhà cơn hoạn nạn, lũ Tây dương qua  
lấn chiếm giang sơn,

Không may thay làng xóm trận can qua, đất Nam  
quốc hẹp thu dân biên giới.

Ách thực dân đè cổ, ngẩng cổ lên nào thấy trời mây,  
Xiềng đồ hộ trông đầu, cúi đầu xuống chỉ là đá sỏi.

Thân mấy mà cam,  
Lòng đâu chịu nổi.

Từ Nam chí Bắc, mấy lớp nghĩa binh thua trận, quân  
Văn Thân vẫn quyết chí chẳng lùi,

Trong phủ ngoài triều, bao viên mãnh tướng bỏ mình,  
lính Phấn Nghĩa chẳng nề tâm xông tới.

Rựa sắt kiếm cùn, hòa mai con cúi, giết được thù cho  
thỏa dạ hiếu trung,

Dao tu mã tấu, gậy gỗ tâm vòng, phá tan giặc là mát  
lòng địch khái.

Vua nước mất phần uất đời nô lệ, hạp mưu thần lập  
kế phản công,

Dân nhà tan thù hận kiếp tôi đòi, kết nghịch đảng hợp  
đoàn quật khởi.

Đêm Hăm hai súng thần công nã Chánh tòa

Khâm sứ, bệ bàng thay thuốc yếu rơi ngang,

Rạng Hai ba quân hỏa được đốt Tiểu trấn Bình Đài<sup>1</sup>,  
oái oăm thật lửa tàn tất vợi.

Lang-sa lê-dương<sup>2</sup> tiên phong vô

Thượng Tứ<sup>3</sup>, sãng-đá giày<sup>4</sup> dẫm nát mù u,

Mã-tà ma-ní<sup>5</sup> hậu tập vượt Lương

Y<sup>6</sup>, bụp xoà sung<sup>7</sup> bắn tiêu cai đội.

Hoảng hốt quá, vua xuất cung tị loạn, đa đoan thê tử  
quân thần,

Bàng hoàng thay, dân tẩu lộ cầu sinh, lộn xộn lão nhi  
phường hội.

Thảm ơi hơi thảm!

Thành cửa nhỏ đầu để lòn,

Hào đáy sâu sao khó lợi.

Dân tan tác như ong vỡ tổ, đập lên nhau già trẻ chết  
chùm,

Binh tán loạn tựa rần mất đầu, diu với chắc thấp cao  
bước mỗi.

Ơi ơi, mẹ hú con chồng kêu vợ, thảm thiết sao tiếng  
khóc bi ai,

Hù hu, em dắt chị cháu níu ông, bi thương thật lời than  
khắc khoải.

Sáng đã chết, mù<sup>8</sup> càng mau chết, đâm bổ xuống ao,

Nghèo thiệt thân, giàu cũng thiệt thân, té nhào mép hói.

Tên bay đạn lạc, súng thẳng Tây tìm kẻ gây thơ,

Lê thọc kiếm đâm, thịt dân Việt làm mỗi lang sói.

Thây nghĩa sĩ ngổn ngang đường

Thành Nội, đồn đóng xóm Âm hồn,

Máu lương dân vung vãi cửa Đông Ba, xông tanh cầu  
Gia Hội.

Ngao ngán thay!

Tay cung kiếm mà đèn nợ nước, đành ngàn sau công  
trạng lừng vang,

Phận rác rơm lại bỏ thân tàn, khổ một kiếp tử thi rửa thối.  
Nào gái nào trai, nào già nào trẻ, xác chất chông xóm  
vắng làng thưa,

Ấy non ấy khô, ấy mẹ ấy lạnh, xương vất vương nắng  
phơi mưa gội.

Thời thời chi nhiều kẻ lẻ, chốn tuyền đài linh hãy đến  
mau mau,

Thăm thăm ôi mấy oán than, cuộc siêu thoát hồn  
trông sao hối hối.

Man mác đám mây chiều phiêu dạt, người dương gian  
thêm chạnh nỗi hàn ôn,

Lạnh lạnh cơn gió chướng hắt hiu, khách âm cảnh còn  
vương tình trần giới.

Nay kính dâng,

Bát cháo thánh hầu ấm thân cô độc, trên đường xa mù  
mịt bốn phương,

Tắm áo binh đỡ lạnh gót lạc loài, giữa lối thăm âm u  
chín suối.

Nước chè nhạt cũng tình quyến luyến, khát vơi dần  
miệng kẻ thác oan,

Củ khoai cần ấy nghĩa thân quen, no đòi chút bụng  
người chết mới.

Bông chuối cau trâu đủ thứ, lỡ khi cùng không thiếu  
vật tùy thân,

Giấy tiền vàng bạc sót chi, gặp lúc ngặt có thừa đồ trao  
đổi.

Tội sớm tha, công thường lớn, nguyện cầu vía yên hàn  
vượt thoát, đêm âm ty ám ám lưới sương giăng,

Oan thì giải, nghiệp trả dần, cầu khẩn hồn thanh thân  
ra đi, chiều dương thế mù mù luống khói nổi.

Đốt nén nhang ngan ngát, mặc ngậm ngùi xin chớ  
ngó lui,

Vẫy chén rượu thơm tho, dù ảm ức hãy mau bước tới.

Tâm thành lễ bạc, bàn phẩm vật trên dưới sơ sài,

Ngôn thiếu ý đa, câu ai điệu ngắn dài vụng dại.

Ai tai!

Hồn hãy hiển linh;

Niệm tình thụ bái. ■

#### Chú thích:

1. Tiểu trấn Bình Đài: Đồn Mang Cá nhỏ, nơi lính Tây đóng  
quân.

2. Lang-sa lê-dương: Quân viễn chinh Pháp.

3. Thượng Tứ: Cửa thành Đông nam dẫn vào khu Tam Tòa  
và Trường Quốc Tử Giám kề cận với Đại Nội Huế.

4. Giày sãng-đá: Giày da của lính Pháp.

5. Mã-tà ma-ní: Lính cảnh sát Pháp người Phi Luật Tân, có  
thể chỉ chung bọn lính đánh thuê của Pháp.

6. Lương Y: Một cổng nhỏ trên đường dọc bờ thành dẫn  
tới cửa Đông Ba (cửa Chánh Đông).

7. Súng bụp xoà: Súng bắn phát một, nghe ra "cắc bụp cắc  
xoà" của lính Pháp.

8. Ở Cầu Kho có một xóm thầy bói mù, khi chạy loạn rút  
xuống hồ ao, chết rất nhiều.

# Về bài ca trù "Thét nhạc"

HUỆ VIÊN

**G**ần đây, tôi đã may mắn được nghe bài một bài ca trù mà có lẽ tư tưởng Phật giáo đã ảnh hưởng lớn tới nội dung của nó. Đây là bài ca trù cổ và rất ít ca nương có thể hát được, bởi nó yêu cầu những kỹ thuật rất phức tạp. Đó là bài ca trù "Thét nhạc". Còn ca nương mà tôi được nghe là nghệ sĩ Bạch Dương, truyền nhân của phường ca trù Tràng An. Cầm phổ của bài ca trù này không được phổ biến rộng, chỉ truyền qua các thế hệ của phường hội, câu lạc bộ.

Lời bài ca trù này là:

Tiếng nhạc dương tranh  
Đàn ai một tiếng dương tranh  
Chung thuở ngọc ô não nùng chiều ai oán.  
Tiếng nhạc thiếu tâu  
Xa đưa tiếng nhạc thiếu tâu  
Vẳng nghe chuông gióng lâu lâu lại dưng  
Dương, hơi dương đắm đắm  
Năm thức mây che  
Thức mây che rờ rở ngắt trời  
Nguyệt dải thêm lan  
Bóng trăng thanh nguyệt dải thêm lan  
Chữ thanh tiếc thay mặt ngọc thay ai  
Vậ là đêm là đêm đông trường.  
Rạng vẻ mây rỗng  
Thiên, Nam thiên rạng vẻ mây rỗng  
Rực rỡ nghìn thu  
Nghìn thu ngạt ngào,  
Lãng yến xa bay  
luống thâu đêm  
Đêm nghe phảng phất mối sầu tuôn  
Tuôn khôn nhịn ngần ngơ nỗi buồn  
Thu,  
Lá ngô đồng rụng  
Một lá thu bay sương bay  
Hơi sương lọt mảy  
Tỏ lọt mảy, dậy ngồi nghe tiếng đàn.  
Sông hồ nước biếc,  
Cửu khúc uốn quanh.  
Đáy nước long lanh, dạo ngồi chơi, ngồi chơi thủy đình  
Nguyệt tà tà xế xế, ánh dải chành chành  
Trên không hoa cỏ lặng canh dài,  
Đỉnh thần sơn, đỉnh thần sơn mặt ngọc mảy ngài  
Thấy khách hồn mai  
Dải tường lâu



Nguồn: tapchibaohiemxahoi.gov.vn

Nguyệt dải tường lâu  
Đông vọng bóng trăng thâu  
Nặng tiếng đỉnh đương  
Khuyến lòng người thiếu nữ gửi bước đường trường.  
Chầy ai nện, nện tương tư sầu.  
Vò võ phòng hương  
Luống chực phòng hương  
Gửi cố nhân tình thư một bức  
Gợi nỗi ái ân  
Tương tư sầu...

Thực ra, bài ca trù "Thét nhạc" hiện nay lưu hành một số dị bản, không biết bản gốc chính xác là gì và người sáng tác là ai. Nội dung chính của bài ca trù này nói về nỗi buồn của một cô kỹ nữ già phục vụ trong cung cấm. Tuổi xuân đi qua mà vẫn chưa có mái ấm gia đình, nghĩ phận mình bèo bọt lại nghĩ về người tình xưa không biết phiêu bạt nơi nao. Nó làm ta liên tưởng tới các trích đoạn trong "Cung oán ngâm khúc" hay "Ty bà hành". Tuy vậy trong bản trên còn có một đoạn ngắn ca ngợi vẻ đẹp ngàn thu của đất nước. Tại sao lại có hai cảm xúc khác nhau trong một bài ca trù như vậy? Theo kếp đàn đáy Nguyễn Văn Hải, có lẽ bản "Thét nhạc" này có nguồn gốc từ một bài ca trù cổ nói về tình yêu đất nước, sau rồi các nghệ sĩ ở đời sau thêm vào để nói lên nỗi buồn của bản thân trong cảnh sống thanh bình sung túc của vua chúa, tức dùng lối thể hiện tương phản. Do đó, bản ca trù này phải dùng các kỹ thuật hát và gõ nhịp khác nhau mới thể hiện được những cảm xúc tương phản, đa chiều.

Một cô ca kỹ trong đêm trăng nghe thấy tiếng nhạc trong cung đình thoát ẩn thoát hiện, làm cô nghĩ đến số phận vô thường, năm tháng và sắc đẹp tàn phai. Rồi đến khi lá ngô đồng rụng, giọt sương đêm lọt qua mành làm cô ta không thể nào chịu đựng được nữa, bật dậy nghe tiếng đàn, xem ánh trăng dải trên tường. Trong cầm phổ ghi rằng đoạn này phải đánh "dồn cung pha" tức là đàn gấp lên và sôi sục ở cung trầm. Sau hai lần lưu không ở cung trầm thì chuyển lên cung cao như thể nỗi buồn được bật thoát ra ngoài. Ấy vậy mà sau hai lần lưu không ở cung cao, âm thanh lại được chuyển xuống cung trầm rồi kết. Người kỹ nữ lại trở về với thực tại, lại tương tư sầu. Tuy nhiên đoạn kết này vẫn chỉ ra một lối thoát là tiếng chày nện chuông chùa.

Có thể chốn Phật kia mới là sự giải thoát tuyệt đối. ■



NGUYỄN CÂN

# Chính trị và chính nghiệp

## Con người nào, quốc gia ấy

Trong một bài viết trước đây nói về những cử tri trí tuệ, chúng tôi có đề cập đến luận thuyết của Plato trong Republic rằng “Con người thế nào, quốc gia thế ấy”, hay nói cách khác “Quốc gia được cấu tạo bởi bản tính của những người đang ở trong nó”.

Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy những thời đại huy hoàng đều có những minh quân lãnh đạo. Nhìn lại lịch sử Việt Nam trong hai thời Lý Trần, chúng ta đã có những vị vua anh hùng và đức độ lãnh đạo muôn dân vượt qua bao khó khăn, chiến thắng ngoại xâm. Những vị vua sống mực thước, nhân hậu làm gương cho muôn dân. Hãy nghe lại di chúc của vua Lý Nhân Tông (1072-1127): “*Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được*

*yên vui, đến khi chết lại khiến cho mọi người mặc áo xô gai, sớm tối khóc than, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm cho lỗi ta thêm nặng, như vậy thiên hạ sẽ nghĩ ta là người thế nào...? Thế nên, việc tang chế chỉ ba ngày là bỏ áo trở, dứt khóc than, chôn cất cốt phải kiệm ước, không nên xây lăng mộ mà chỉ để ta hầu bên cạnh tiên đế là được”* (Đại Việt sử ký toàn thư, NXB. KHXH 1983).

Hay tấm lòng độ lượng khoan dung của Lê Thái Tổ (1385-1433) đối với quân giặc làm cho ta càng thêm kính phục. Vua đứng ra lãnh đạo kháng chiến chống quân Minh xâm lược, trải suốt mười năm gian khổ. Cuối cùng, chiến tranh kết thúc, giặc Minh xếp giáo đầu hàng, các chiến sĩ đồng bào căm tức quân Minh tàn bạo đã giết hại thân nhân của họ, nên đến xin vua giết





hết bọn chúng để báo thù. Nhưng vua dụ rằng: “Trà thù báo oán là thường tình của mọi người, nhưng không thích giết người là từ tâm của bậc đức. Và lại, người ta đã hàng mà mình lại giết thì đó là điều xấu không hay. Nếu vì hả nổi căm hận trong chốc lát, mà mang tiếng giết kẻ đầu hàng, thì chi bằng tha mạng sống cho vạn ức người để giúp tắt mầm mống chiến tranh cho đời sau, sử xanh sẽ ghi chép, tiếng thơm để lại muôn đời, như vậy há chẳng tốt đẹp hay sao?” (sđd).

Đức độ của vua Lý Nhân Tông đáng khâm phục, nhưng lòng khoan dung của vua Lê Thái Tổ càng tỏ ra cao thượng. Nỗi đau khổ của con người dù ở bên này hay bên kia chiến tuyến cũng đều như nhau. Họ, suy cho cùng, cũng chỉ là nạn nhân của những kẻ lãnh đạo chính trị, của những những chế độ cai trị, trong những điều kiện lịch sử nhất định. Người chiến thắng cần có độ lượng bao dung và lòng nhân ái đối với kẻ bại trận.

Nhân dân trong các thời đại có minh quân nhờ thế sống thuận hòa, đất nước phát triển vững mạnh. Nhưng có những triều đại ban đầu tưởng là hùng mạnh do những kẻ nhiều mưu mô lãnh đạo mà kết cục tàn lụi trong đổ nát vì chính tham vọng cuồng ngồng của mình. Chúng ta thấy từ Tần Thủy Hoàng cho đến

Hitler, tất cả đều bị đè bẹp dưới cuồng vọng bá chủ của bạo chúa.

### **Có hay không “Vùng ADIZ” trong đạo đức chính trị?**

Vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) của Trung Quốc ở biển Hoa Đông được Bộ Quốc phòng nước này xác lập trên bầu trời biển Hoa Đông và công bố vào ngày 23 tháng 11 năm 2013, bao trùm lên cả quần đảo Senkaku mà Trung Quốc tuyên bố có tranh chấp chủ quyền với Nhật Bản và không phận của Hàn Quốc gây nhiều tranh cãi bởi vì mới vài năm trước, các lãnh tụ của nước này đã cam đoan không chỉ một lần với thế giới, là một nước “trở dậy hòa bình”, nghĩa là siêu cường kinh tế, không có tham vọng biểu dương sức mạnh quân sự của mình.

Mới đây Hãng thông tấn Reuters dẫn lại tin của *Tân Hoa xã* trích lời của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình cam kết “không bao giờ kích động rắc rối ở Biển Đông, mà sẽ phản ứng một cách cần thiết đối với các khiêu khích của các nước liên quan”. Những lời này được đưa ra trong buổi tiếp Thủ tướng Malaysia Najib Razak đang ở thăm Trung Quốc hôm 30/5.

Thông tin của Reuters được đăng lên trang Yahoo quốc tế và đã nhận được hàng trăm phản hồi của các độc giả thế giới. Đa số họ đều bày tỏ sự phản đối gay gắt đối với các tuyên bố của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình mà họ cho là không phản ánh đúng sự thật trên thực địa. Không ít người nói thẳng ra là họ không tin vào những gì Trung Quốc nói.

Chủ tịch Trung Quốc cho biết: “Trung Quốc cam kết tìm kiếm cách giải quyết hòa bình trong việc tranh chấp với các quốc gia khác về chủ quyền lãnh thổ, quyền lợi và lợi ích hàng hải”. Nói vậy, nhưng giàn khoan Hải Dương Thạch Du 981 vẫn được người Trung Quốc ngang nhiên đặt vào vùng biển của Việt Nam, cùng hàng trăm tàu hộ tống đâm húc, dùng vòi rồng cực mạnh phun nước vào các tàu chấp pháp của Việt Nam. Đã hơn, Trung Quốc còn nhằm cả vào phao cứu sinh để phá nát những phương tiện cứu nạn của Việt Nam. Mặt khác, nước này còn trắng trợn cáo buộc Việt Nam cố ý đâm vào tàu của họ trên Biển Đông.

Trong khi liên tiếp có hành động như trên, Trung Quốc lại đang cố gắng tạo ra hình ảnh họ mới là nạn nhân trong việc đưa các công nhân về nước.

Song song, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đổ lỗi cho Mỹ khuyến khích các nước có tranh chấp với mình. Trong cuộc họp báo diễn ra mới đây, nữ phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hoa Xuân Oánh (Hua Chunying) nói, “Cần phải chỉ ra rằng, hàng loạt những bình luận sai trái và vô trách nhiệm từ phía Mỹ đã khuyến khích một số nước có những hành động khiêu khích và nguy hiểm...” và “Chúng tôi kêu gọi Mỹ hành động phù hợp để duy trì và giữ gìn an ninh hòa bình trong khu vực, đồng thời hành động và phát

ngôn cần trọng trước những sự kiện liên quan, chấm dứt những phát ngôn thiếu trách nhiệm và hành động nhiều hơn nữa vì hòa bình và ổn định khu vực” dù trên thực tế, Trung Quốc đang thực thi những hành động nhằm độc chiếm Biển Đông. Vạch rõ âm mưu của Trung Quốc khi trả lời phỏng vấn Hãng AP (Mỹ) và Reuters (Anh) về tình hình Biển Đông cũng như các biện pháp giải quyết của Việt Nam trong chuyến thăm Philippines và tham dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới từ 21 – 22/5, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu rõ: “Việt Nam luôn nhất quán sử dụng các biện pháp hòa bình và tận dụng mọi cơ hội, mọi kênh đối thoại để giải quyết tình hình hiện nay một cách hòa bình. Chúng tôi đã hết sức chân thành, thực tâm, thiện chí và kiềm chế, nhưng câu trả lời hiện nay là Trung Quốc ngày càng gia tăng sức mạnh, các hành động uy hiếp và xâm phạm, rồi liên tục vu khống và đổ lỗi cho Việt Nam. Những gì mà Trung Quốc đang làm khác rất xa những gì mà Trung Quốc nói. Những hành động của Trung Quốc trên vùng biển Việt Nam trong nhiều ngày qua là cực kỳ nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới”.

Vậy thì đâu là “vùng cần khai báo” khi nói sai sự thực trong chính trị? Làm lãnh đạo mà lời nói với việc làm không hề đi đôi thì làm sao bảo dân nghe. Khổng Tử dạy con cháu mình “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”. Nhà người ta anh vào ở bất hợp pháp còn la toáng lên thì làm sao tự xưng “siêu cường có trách nhiệm” được!

### **Có hay không vùng ADIZ trong đạo đức kinh doanh?**

*Quan đã thế, dân thì sao?*

Nông dân Việt Nam từ lâu đã là nạn nhân triền miên của trò chơi thương lái Trung Quốc. Đã có nhiều bài học vì ham lợi trước mắt mà bán hàng cho thương lái Trung Quốc như mua râu ngô non, chè vàng, chè bần, sừng trâu, thậm chí là... đĩa. Sau “cơn sóng” chè bần hồi năm 2011 đến vụ thu mua đĩa làm đảo lộn nhiều vùng quê, đe dọa môi trường sinh thái, bây giờ, vùng trồng dưa, khoai lang, sấu riềng ở nhiều vùng thuộc đồng bằng sông Cửu Long đang sống dở chết dở vì tính “đồng bóng có chủ ý” của thương lái Trung Quốc. Cuối tháng 3/2014, hàng đoàn xe dưa hấu của thương lái trong nước nằm dài tại cửa khẩu Tân Thanh, sau khi bị thương lái Trung Quốc ép bán giá rẻ mạt.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP.Cần Thơ Phạm Văn Quỳnh cho biết: “Qua thông tin ngành nông nghiệp các quận huyện báo cáo về thì chúng tôi sơ bộ đã nắm được vụ việc thương lái Trung Quốc đến mua vịt đẻ trên địa bàn. Đây là chuyện mua bán bất thường bởi thay vì mua vịt thịt thì các thương lái Trung Quốc lại mua vịt đẻ với giá cao hơn để hấp dẫn người dân. Nếu số lượng mua lớn sẽ có nguy cơ phá vỡ đàn gia cầm của Cần Thơ, như vậy sẽ ảnh hưởng

rất lớn đến sản xuất chăn nuôi ở các hộ dân. Đây không phải là lần đầu thương lái Trung Quốc thu mua nông sản một cách bất thường ở ĐBSCL. Trước đó, tình trạng thu mua ốc bươu vàng cũng xảy ra ở nhiều nơi khiến không ít người lén lút nuôi, gây hại”.

Trong khi đó, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT Vĩnh Long Nguyễn Văn Liêm cũng cảnh báo thời gian qua nhiều mặt hàng của địa phương này được thu gom bất thường để xuất khẩu sang Trung Quốc, như khoai lang, chuối, sấu riềng và mới đây là mận xanh đường... Còn hàng hóa nhập khẩu thì sao, thường thì các loại trái cây, đồ chơi trẻ em, cho đến quần áo đều mang theo rất nhiều chất độc. Theo Tiến sĩ Trần Hồng Côn, bộ môn Công nghệ Hóa học, Khoa Hóa học (Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội), cho biết chất NPE phát hiện thấy trong quần áo Trung Quốc thực chất có tên gọi khoa học Nonyl Phenol Ethoxylate gồm các chất hoạt động bề mặt nonion mà từ thập niên 90 của thế kỷ trước, nhiều nước trên thế giới đã cấm sử dụng vì có ảnh hưởng tới hệ hoóc-môn, hệ thần kinh con người...

Tiến sĩ Lê Đăng Doanh, nguyên Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, cho rằng việc mua lá cây điều, lá khoai lang hay mầm, rễ cây thảo quả... chỉ là những hành động phá hoại kinh tế, không phải hành động thương mại. Họ đã vi phạm vùng ADIZ trong đạo đức kinh doanh!

*Chính trị phải dựa trên chính nghiệp và chính ngữ*

Khi Đức Phật nói đến Chính nghiệp trong Bát chính đạo, để thể hiện ý nghĩa quan trọng của việc tránh giết hại, trộm cắp, và tà dâm, Ngài đã đưa ra những thí dụ đơn giản nhất mà người ta có thể vi phạm các giới này. Thí dụ, trong một bài thuyết pháp, Đức Phật đã khuyến khích mọi người phải hành động đầy lòng từ bi đối với tất cả mọi chúng sanh, bằng những lời dạy sau:

*Ai cũng sợ gươm đao,  
Ai cũng sợ sự chết.  
Suy ta ra lòng người,  
Chớ giết, chớ bảo giết.*

Đức Phật giải thích rằng bất cứ hành động nào gây tổn hại cho người khác – tạm giải thích như là đập phá nhà cửa, gây hỏa hoạn, hăm dọa bằng vũ khí, đâm tàu vào thuyền đánh cá khiến người ta vỡ thuyền mất phương tiện sinh nhai, phun vòi rồng vào tàu người khác, hăm dọa, gây tổn thương... đều là những hành vi cần phải tránh; vì đó là những hành vi tạo ác nghiệp, dù không hay chưa có ai thiệt mạng. Chúng ta thực hành Chính nghiệp không chỉ vì ta muốn tránh phạm các giới hay vì ta sợ ai đó sẽ trừng phạt nếu ta phạm lỗi. Ta tránh những hành động tàn nhẫn, ác độc vì ta thấy được hậu quả của những hành động như thế - chúng sẽ mang sự bất hạnh khôn lường đến cho ta và cho mọi người quanh ta, ở hiện tại cũng như tương lai. Chúng ta thực

*hành Chính nghiệp vì muốn cuộc sống của mình có ích và hòa hợp, không phải để phá hoại hay chống đối, và vì ta muốn tâm được thanh tịnh, an lạc, không bị phiền não vì hối hận, ăn năn (Bát chính đạo - Con đường đến hạnh phúc, Thiền sư Bhante Henepola Gunaratana, Việt dịch: Diệu Liên Lý Thu Linh).*

Thói nguy hiểm mà các nhà chính trị thường đưa ra là “Cứu cánh biện minh phương tiện”. Tôi phải biến ước mơ của dân tộc tôi là mở rộng bờ cõi, vùng trời, vùng biển thành hiện thực. Sử sách sẽ ghi tên tôi và thế hệ của tôi là khai phá những chân trời mới. Nhưng anh quên rằng anh đã lẩn vào nhà hàng xóm, vào vùng trời của bè bạn, của láng giềng mà anh từng tự hào là “núi liền núi, sông liền sông, như răng với môi...” và anh cũng quên còn có những người khác, kể cả dân chúng của anh, sẽ phán xét những hành vi của anh hôm nay. Có người Đức chân chính nào tự hào vì Hitler không? Hay chỉ là sự ca tụng của thiểu số mù quáng vì tư lợi, của “nhóm lợi ích” nhỏ nhen và cuồng vọng. Ngoài ra, chính trị, dù có muốn “tô điểm” lời nói của mình dưới hình thức tu từ nào đi nữa cũng phải là “chính ngữ”.

Chính ngữ là lời nói chân chính, không tạo nghiệp bất thiện bằng lời nói, mà trái lại, dùng lời nói để tạo các nghiệp thiện lành. Trong *Tương Ưng Bộ*: “Chính ngữ là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm”. Đó là về mặt tiêu cực. Về mặt tích cực, Đức Phật cũng dạy rằng chúng ta phải cố gắng tu tập để có những lời nói chân thật, hòa hợp, dịu dàng, và có ý nghĩa. Khi ta thực tập được những lời nói này, ta được nhiều người quý mến. Để đáp lại, họ sẽ lắng nghe những gì ta nói ra, và sẽ đáp ứng thân thiện và xây dựng.

Người làm chính trị, lãnh đạo dù nhỏ hay lớn, cũng phải phát ngôn ngay thẳng, không thể bẻ cong sự thật được. Khi được yêu cầu chứng minh “đường lưỡi bò” hay “đường chín đoạn” từ đâu ra, ngài Phó Tổng Tham mưu trưởng quân đội Trung Quốc đã gân cổ cãi bừa “Từ rất lâu, hơn 2.200 năm trước”. Trong khi bà Thủ tướng Đức vừa tặng ngài Chủ tịch Tập một tấm bản đồ Trung Quốc cận đại không có cả Tứ Xuyên, Mãn Châu, Tây Tạng thì lấy đâu ra Hoàng Sa, Trường Sa? Trong *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật dạy: “Có bốn pháp tịnh hạnh về lời nói:

1. Ở đây, có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Nếu không biết, người ấy nói: ‘Tôi không biết’; nếu biết, người ấy nói: ‘Tôi biết’; nếu không thấy, người ấy nói: ‘Tôi không thấy’; nếu thấy, người ấy nói: ‘Tôi thấy’. Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

2. Người ấy đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi. Nghe điều gì ở chỗ này, người ấy không đi đến chỗ kia nói, để gây chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, người ấy không đi nói với những người này, để gây chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy



sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

3. Người ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác. Người ấy chỉ dùng những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người.

4. Người ấy đoạn tận lời nói phù phiếm. Người ấy nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích”. Cũng cần nhắc cho các quan chức Trung Quốc về quy tắc vàng của Khổng Tử khi Tử Cống hỏi: “Có một chữ nào có thể dẫn dắt hành xử trọn đời không?” Tử đáp: “Có lẽ là chữ Thứ (恕) chăng? Cái gì mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác” (*Luận ngữ*).

Thứ hỏi nếu có ai đưa giàn khoan vào lãnh hải Trung Quốc, quý ngài sẽ phản ứng ra sao?

Mong hãy sống theo chính nghiệp, nếu không thì hiểm họa khôn lường cho mọi phía. ■



# Bốn nhiếp pháp: Cá nhân và Quốc gia

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

## 1 Cá nhân

Bốn nhiếp pháp là bốn cách đối xử với người khác để làm lợi lạc cho người và cho mình trong sự tiến bộ phát triển chung về vật chất lẫn tinh thần. Bốn nhiếp pháp có trong kinh điển hệ Pali Nam tông và hệ Sanskrit Bắc tông. Ở Bắc tông được nhấn mạnh hơn bởi vì đây là sự thực hành hòa nhập và lợi lạc cho xã hội, đưa xã hội tiến bộ, của người thực hành đạo Bồ-tát.

*Bổ thí:* Là cho, chia sẻ, không bám giữ vào tài sản vật chất và tinh thần. Ngược lại với bổ thí là sự keo kiệt, ích kỷ.

Người ta có thể cho bất kỳ lúc nào. Chẳng hạn, có người hỏi đường, ta chỉ cho họ cận kề, như vậy là ta đã cho họ chút ít thời gian của mình, một chút công sức, và có thể một chút lòng tốt, tâm từ. Một nụ cười, một cái gật đầu chào, đó là cho. Sự cho đem lại dễ chịu, niềm vui cho cả hai bên.

Nếu thường giữ ý tưởng cho, trong một ngày chúng ta sẽ có rất nhiều cơ hội để cho, để đem lại sự vui lòng cho người khác, để niềm vui của lòng tốt nở hoa giữa cuộc đời. Khi sống với ý tưởng cho, tự nhiên chúng ta thấy mình rất giàu có, vì có rất nhiều thứ để cho, thậm chí một ý nghĩ chúc lành trong tâm đã là cho rồi. Cho tạo ra sự thân quen, gắn gũi và làm cho tâm hồn chúng ta và người khác rộng lớn ra, vui vẻ hơn.

Khi tụng kinh hay làm một việc tốt chúng ta hồi hướng, đó là cho. Thấy một cảnh đẹp, chúng ta mong muốn người khác cũng được hưởng thụ những cảnh đẹp như vậy, đó là cho. Cho làm cho tâm rộng ra, thư thái, trong sạch vì thoát khỏi bám chấp, ích kỷ, hạn cuộc.

Cho là một hành động từ bi; và khi được kết hợp với trí huệ, nghĩa là sự thấy được tính cách không cách biệt ngăn ngại giữa chủ thể và đối tượng, thì đây là một pháp thực hành của Bồ-tát: từ bi bao la kết hợp với trí huệ không có chướng ngại, trí huệ vô ngại.

*Ái ngữ:* Lời nói là sự biểu lộ của tâm. Tâm ta cấu kỉnh, bực dọc, công kích, đập phá thì lời nói của ta cũng cấu kỉnh, bực dọc, công kích, đập phá. Ái ngữ là lời nói tử tế, an hòa, xây dựng, hòa hợp, độ lượng. Thực hành lời nói như vậy thì tâm ta cũng tử tế, hòa hợp, từ bi. Nói để lấy lòng, nịnh nọt, bóp méo sự thật thì không phải là ái ngữ. Để nói đúng (chánh ngữ) thì phải thấy đúng (chánh kiến), như vậy phải có trí huệ.

Ái ngữ là sự nối kết giữa người này và người khác bằng từ bi và trí huệ để tiến bộ. Cho nên ái ngữ là một thực hành của Bồ-tát.

*Lợi hành* là hành động lợi ích cho người khác. Ngày nay, với sự phân công trong một xã hội như một hệ

thống mà việc làm của một người ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống, thì mỗi người dù muốn hay không đều bắt buộc làm lợi ích cho người khác. Để lãnh lương, anh điện phải thường trực cung cấp điện, anh nước phải sửa ngay đường ống nứt bể, anh vệ sinh phải lấy rác mỗi ngày. Mỗi người như một con ong, làm việc để duy trì và phát triển tổ ong.

Nhưng lợi hành còn hơn là sự bắt buộc hay bổn phận. Lợi hành là cái tâm tích cực luôn luôn làm điều lợi ích cho người khác không chỉ ở chỗ làm mà trong mọi sinh hoạt của xã hội. Lượm một bao nhựa bỏ vào thùng rác công cộng, đó là lợi hành. Dạy học trò với mục tiêu đào tạo những công dân tốt, giới cho xã hội, đó là lợi hành. Lợi hành có mặt ở mọi phương diện xã hội, mọi cấp độ của xã hội, từ chức vụ cao nhất đến chức vụ thấp nhất.

Chúng ta thấy ngày nay trên thế giới những xã hội, những quốc gia phát triển nhất đều có tinh thần lợi hành cao nhất. Một điều dễ thấy là những quốc gia giàu có nhất đều có năng suất lao động cao nhất.

Lợi hành là một phương diện của từ bi, và còn được kết hợp với trí huệ không tham, không sân, không si để được tự do ngay khi làm. Nhờ trí huệ, lợi hành được trở nên thanh tịnh và thành thật, không tự lừa dối, và do đó tâm trong sáng, an vui.

*Đồng sự* là cùng làm với người khác, cùng chia sẻ công việc, hợp tác với người khác. Người tiến bộ không đứng ngoài công việc và số phận của người khác. Trong ý nghĩa rộng hơn, đồng sự là cùng sống một thân phận làm người với người khác, cùng nhẫn chịu một sanh tử với chúng sanh, cùng hợp tác để đưa mọi người tiến bộ về vật chất và tâm linh.

Cùng chung một số phận với chúng sanh để làm lợi lạc cho họ, đây là lòng bi. Nhưng đồng thời với trí huệ, Bồ-tát ở rất xa cái gọi là thế gian này, vì trong trí huệ thì “không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có vô minh cho đến lão tử...” (*Bát-nhã Tâm kinh*). Tóm tắt, ở thế gian, cùng làm việc với người khác mà không nhiễm ô bởi thế gian. Đây là chỗ người xưa nói “hòa quang đồng trần”.

Chúng ta có thể hỏi bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự ở đời nào cũng phải có, ở bất cứ tổ chức nào cũng phải có, để tổ chức ấy vận hành tốt. Đó là những kỹ năng để sống và hợp tác trong bất cứ công việc nào. Thế thì cần gì đến Phật giáo chỉ dạy bốn nhiếp pháp này? Bốn nhiếp pháp này ở đời cũng có, nhưng không sâu sắc, căn bản bằng Phật giáo, vì bốn nhiếp pháp Phật giáo bắt nguồn từ trí huệ và từ bi, nghĩa là từ nền tảng sâu thẳm nhất của con người.

Bốn nhiếp pháp là sự kết hợp của trí huệ và từ bi. Ứng dụng chúng, người ta làm lợi lạc cho người và cho mình trên con đường phát triển một nhân cách cao hơn và rộng hơn. Con đường Bồ-tát đi bằng hai chân trí huệ và từ bi để đến nhân cách cao cả nhất và rộng

lớn nhất là nhân cách giác ngộ. Thế nên Bốn nhiếp pháp là sự thực hành quan trọng của Bồ-tát.

## 2 Quốc gia

Ngày nay nhân loại vẫn đang tiến theo chiều hướng tích cực ấy. Điều đó được gọi là sự tiến bộ hay phát triển về vật chất và tinh thần của thế giới. Ngoài những thể chế lớn như Liên Hiệp Quốc và các tổ chức khác của nó như UNESCO, FAO... còn có các tổ chức phi chính phủ.

Chiến tranh và tăng cường chi phí quân sự là điều đang xảy ra mặc dầu đã mấy ngàn năm phát triển văn hóa văn minh. Chiến tranh là do những xúc tình tiêu cực tham sân si, kiêu căng, đố kỵ, nghi ngờ... Nếu biết sống theo những điều tích cực là Bốn nhiếp pháp, những xúc tình tiêu cực sẽ bị loại trừ, nghĩa là loại trừ chiến tranh và những phương tiện của chiến tranh.

Bồ thí hay là sự chia sẻ: qua các viện trợ, cứu trợ... cho các nước nghèo hoặc bị thiên tai. Học bổng du học để giúp đỡ những nước kém phát triển. Mọi nghiên cứu, khám phá trong mọi lãnh vực đều được chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa. Giải Nobel do người Thụy Điển lập ra, nhưng ngày nay nó đã trở thành một giải thưởng thế giới để trao tặng cho những nhân tài bất kể quốc gia, bất kể chủng tộc.

Ái ngữ của một quốc gia là những lời nói, những tuyên bố mang lại hòa hợp, hài hòa, thay vì hung hăng, đưa đến đấu khẩu và chiến tranh. Những tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc mang tính ái ngữ rõ ràng. Một quốc gia có ái ngữ thì được đánh giá cao, văn minh.

*Lợi hành*: Thế giới là một hệ thống các quốc gia đan xen, tương thông, tương tác. Mỗi quốc gia làm việc với nhau, cạnh tranh một cách hòa bình với nhau để tạo ra những giá trị về vật chất và tinh thần cho cả thế giới. Một nhà hàng ăn, một khu chợ có đủ tất cả các sản phẩm của các nước, nhìn vào đó là chúng ta thấy cả thế giới.

Đời sống một người, dù ý thức rõ ràng hay không, đều đóng góp phần mình vào sự sinh hoạt của thế giới.

*Đồng sự*: chia sẻ với nhau về số phận con người, sự nóng lên của trái đất, sự hủy hoại môi trường, thiên tai... Chia sẻ với nhau những thành tựu văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Một môi lửa chiến tranh là nhiều quốc gia, các khối quốc gia tìm cách dập tắt. Tất cả mọi văn hóa văn minh là để cải thiện số phận con người và mọi quốc gia đều tham gia vào đó. Tinh thần hợp tác không còn là một kêu gọi đạo đức, mà là một tất yếu để nhân loại sống còn và phát triển.

Cho nên Bốn nhiếp pháp áp dụng vào đời sống quốc tế sẽ đảm bảo cho sự tồn tại và tiến bộ của nhân loại. Đi nghịch lại Bốn nhiếp pháp là cản trở và phá hoại sự tiến bộ phát triển của nhân loại, thậm chí tiêu diệt nhân loại. Bốn nhiếp pháp càng được áp dụng thì nhân loại càng sống trong hòa bình, hạnh phúc để phát triển đến sự hoàn thiện của con người. ■

# Vui thay sống không tham

NHƯ NGỌC

**K**inh *Pháp Cú* nói đến lối sống thư thái an lạc do ly tham với một lời khuyên thật nhẹ nhàng của Đức Phật:

*Vui thay chúng ta sống,  
Không rộn giữa rộn ràng;  
Giữa những người bận rộn,  
Ta sống không rộn ràng<sup>1</sup>.*

Trong lời Phật, rộn ràng là biểu hiện của lối sống nhiều ham muốn, nhiều dục vọng, bị tham dục chi phối, bị ái dục buộc ràng và dẫn dắt, khác với thư thái là dấu hiệu của lối sống thiếu dục tri túc, không bị dục vọng hay ái dục làm cho dao động quay cuồng. Bài kệ đơn giản là lời khuyên “bớt ham muốn để cuộc sống được thanh thản” mà bậc Giác ngộ muốn nhắc nhở đến mọi người.

Thế nào là bớt ham muốn hay sống không rộn ràng theo lời dạy của Phật? Đó là một lẽ sống thanh thản an lạc mà con người có thể đạt được nhờ nhận thức rõ lòng tham dục (*abhijjhà*), vị ngọt (*assàda*), sự nguy hiểm (*àdinava*) của tham dục và thực hành con đường xuất ly (*nissarana*) khỏi tham dục.

Theo quan niệm của đạo Phật thì tham dục (*abhijjhà/chandaràga*) là một hiện tượng tâm lý xuất hiện khi các giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân tiếp xúc với các đối tượng tạo thích ý, hấp dẫn, mê say mà biểu hiện là sự hân hoan, thích thú, khao khát, muốn chiếm hữu hay muốn ôm ấp nắm giữ mọi thứ cho riêng mình. Nó là thói quen ham muốn khoái lạc vật chất được tích tập lâu ngày, tiềm ẩn trong tâm thức gọi là dục ái (*kàmatanhà*) hay dục lậu (*kàmàsava*) mà khi có điều kiện thuận hợp thì sinh khởi và tăng trưởng gọi là dục trưởng dưỡng (*kàmaguna*). Nó được gọi là dục trưởng dưỡng vì do năm điều kiện tiếp xúc khả ái ấy mà lòng tham của con người bị kích động, đi đến tăng trưởng và lớn mạnh không dứt. Một khi tham dục (*abhijjhà*) bị kích động và tăng trưởng mạnh mẽ thì bấy giờ nó biến thành tà tham (*visamlobha*), tức là lòng ham muốn bất chấp cả đạo lý để độc chiếm cho được cái mà nó khao khát cho dù cái ấy là thuộc sở hữu của người khác.

Vị ngọt của tham dục tức là sự thích thú, hân hoan, hỷ lạc phát sinh khi mắt thấy sắc đẹp, tai nghe âm thanh hay, mũi ngửi hương thơm, lưỡi nếm vị ngon, thân cảm nhận sự xúc chạm êm dịu. Một cách hiểu khác, đó là sự hân hoan thích thú của con người khi sở hữu được các ham

muốn thường tình của thế gian như tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), cao lương mỹ vị (thực), chăn gối êm ái (thù).

Theo lời Phật thì chính vị ngọt hay niềm thích thú hân hoan đắm chìm trong men dục lạc là nguyên nhân khiến mọi phiền toái khổ đau phát sinh, vì nó làm cho con người trở nên mê loạn, mù lòa, không còn tỉnh táo, mất tự chủ, bất chấp đạo lý, rơi vào các ý nghĩ xấu ác, lời nói xấu ác, việc làm xấu ác tạo khổ đau cho mình và gây tổn hại khổ đau cho người khác<sup>2</sup>. Nó là động cơ của các hành vi xấu ác bất thiện như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến. Chính vì thế mà Thanh tịnh đạo (*Visuddhimagga*) nói rằng lòng tham rất nguy hiểm vì nó tìm cầu khoái cảm giác quan và không từ bỏ cái gì có hại. Đại kinh *Khổ uẩn thuộc tuyển tập Trung Bộ* nêu dẫn một loạt các phiền toái khổ đau do tham dục gây ra:

- Phải lao tâm khổ tứ, làm việc cật lực, thức khuya dậy sớm, chịu nắng chịu mưa trong công cuộc mưu sinh.

- Rơi vào phiền muộn khổ não, nếu công ăn việc làm gặp phải trở ngại hay mọi nỗ lực đầu tư bị thất bại.

- Lo lắng tài sản làm ra bị tổn thất bởi nạn trộm cướp, bởi quan lại nhũng nhiễu, bởi thiên tai hỏa hoạn hay bởi con cái hư hỏng phá tán.

- Rơi vào các việc làm sai trái xấu ác, vi phạm pháp luật khiến bị tù tội, chịu nhiều thống khổ.

- Rơi vào vòng tranh chấp cãi vã xâu xé lẫn nhau giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em hay giữa bạn bè với nhau chỉ vì mục đích thỏa mãn dục vọng ích kỷ cá nhân.

- Tranh chấp dòng tộc, đấu tranh giai cấp dẫn đến đả thương, tàn hại lẫn nhau vì lý do danh vọng quyền lợi không được chia đều.

- Tranh chấp lãnh thổ, xâm chiếm đất đai, chiếm đoạt tài nguyên giữa các quốc gia hay các khối chủ nghĩa khiến hận thù chiến tranh xảy ra gây chết chóc tang thương cho vô số người.

- Gây tạo các ác nghiệp về thân, về lời, về ý do duyên tham dục nên sau khi thân hoại mạng chung, bị tái sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Về giải pháp khắc phục các phiền não khổ đau do tham dục gây ra, mẫu đối thoại sau đây giữa du sĩ Channa và Tôn giả Ānanda nêu rõ:

- Thưa Hiền giả Ānanda, do thấy nguy hại của tham như thế nào, các Người tuyên thuyết đoạn tận tham?

- Người có tham, thưa Hiền giả Channa, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi tham được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm bị mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Tham, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Thấy sự nguy hại này của tham, thưa Hiền giả Channa, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận tham<sup>3</sup>.

Nhận thức rõ sự nguy hại của tham dục và lợi ích của lối sống ly tham để khắc phục và diệt trừ tham dục là chủ trương thiết thực của đạo Phật trong việc thiết lập đời sống hạnh phúc an lạc, thoát ly mọi phiền não khổ đau. Có nhiều biện pháp được đề xuất cho công việc này được nói đến trong kinh điển Phật giáo. Chẳng hạn, bố thí hay mở tâm chia sẻ hạnh phúc với mọi người khác là một cách giúp cho con người khắc phục lòng tham, chuyển hóa tâm dục vọng ích kỷ thành ra lòng bao dung từ ái. Giữ giới hay biểu thị lòng thương quý và tôn trọng hạnh phúc của người khác thông qua việc từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu cũng là một phương pháp giúp cho con người khắc phục và hóa giải lòng tham dục. Xem xét sự nguy hiểm của tham dục hay nghĩ đến hậu quả tai hại, đẩy phiền toái khổ đau xảy ra cho mình và cho người do động cơ dục vọng để quyết tâm từ bỏ lòng tham dục cũng là một giải pháp có công năng hạn chế và khắc phục lòng tham dục.

Thiết thực hơn cả là pháp môn chuyển hóa tham dục thông qua thiền định hay thay thế dục lạc (*kāmasukha*) bằng Thiền lạc (*jhānasukha*), nghĩa là hóa giải lòng đam mê sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay lòng ham muốn tài, danh, sắc, thực, thù bằng phương pháp thiền định, chuyển hóa và phát triển nội tâm. Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì dục lạc có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với đời sống của con người và nó chỉ được ngăn chặn và hóa giải bằng công phu chuyển hóa nội tâm thông qua hành Thiền<sup>4</sup>. Sở dĩ Thiền có công năng đối trị và hóa giải lòng đam mê dục lạc ấy là bởi hành Thiền khiến phát sinh Thiền lạc (*jhānasukha*) hay niềm vui nội tâm (*ajjhattasukha*) với cảm giác thoải mái



và an ổn hơn so với dục lạc (*kāmasukha*) hay khoái lạc giác quan thường đi kèm với cảm giác mệt mỏi và phiền muộn sau khi thọ hưởng. Dục lạc là cảm giác thích thú gắn liền với đấu tranh, tranh chấp, giành giật, tàn hại, nhiệt não nên nó là khoái cảm chỉ mang lại sự mệt mỏi, chán chường, vật vã, bức bách, đưa đến tâm khổ tâm ưu; khác với Thiền lạc là cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát vì nó là trạng thái buông bỏ, xả ly, không ôm ấp, không nắm giữ, không tàn hại, không nhiệt não, đưa đến tâm thanh thân an lạc. Dục lạc làm cho con người mệt mỏi khổ đau bởi bản chất của dục là tranh chấp, chiếm đoạt và làm tăng trưởng lòng tham<sup>5</sup>, trong khi Thiền lạc khiến cho con người thoải mái an lạc vì tự tánh của nó là nhằm chán, buông xả và ly tham<sup>6</sup>. Nó là tiến trình thanh lọc tâm và thanh lọc cảm thọ đạt đến chỗ thuần tịnh và thanh lương nhờ buông xả; chẳng hạn, sự ly dục, ly các pháp bất thiện ở Thiền thứ nhất; sự buông bỏ tâm và tứ ở Thiền thứ hai; sự ly hỷ trú xả ở Thiền thứ ba; sự xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu ở Thiền thứ tư. Chính do tiến trình buông xả tuần tự này mà Thiền được mệnh danh là Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), nghĩa là sự hướng thượng hay thanh tịnh của tâm thức ở các cấp độ khác nhau từ thấp lên cao nhờ tinh tấn buông bỏ các bất thiện pháp (năm triển cái) và vượt qua các thiện pháp (năm thiền chi). Đó là phương pháp nâng cao tâm hồn con người, cũng đồng nghĩa là nâng cao trí tuệ giác ngộ của con người, theo lộ trình thực hành Tăng thượng giới (*Adhisila*) - Tăng thượng tâm (*Adhicitta*) - Tăng thượng trí tuệ (*Adhipannā*). Chính bản chất hướng thượng của Thiền hay các cấp độ thanh tịnh tiến triển của tâm thức ở trong thiền định là phương tiện hữu hiệu giúp con người thoát khỏi tham dục, chuyển hóa tâm khổ tâm ưu thành ra tâm lạc tâm hỷ và sau cùng đạt đến trong sáng thanh tịnh. Do tính chất cao thượng của nó trong việc chuyển hóa tâm thức, chuyển hóa đời sống con người, Đức Phật ví người hành Thiền, thực nghiệm Thiền lạc, giống như người leo núi cao có thể thường ngoạn nhiều cảnh quan kỳ vĩ, trong khi người không tu Thiền, bị dục lạc chi phối, tựa như người quanh quẩn dưới chân đồi không bao giờ biết thêm điều gì khác ngoài khung cảnh chật hẹp hàng ngày<sup>7</sup>.

Sau cùng, một phương pháp tu tập khác có khả năng giúp con người loại bỏ hoàn toàn lòng tham dục

để sống một đời sống thanh thân an lạc, đó là quán sát với trí tuệ, thấy rõ lòng tham (chủ thể) và các dục (đối tượng) là pháp duyên sinh, vô thường, biến hoại, khổ đau, không nắm giữ được, không làm chủ được, để sinh tâm nhằm chán, ly tham, buông bỏ lòng tham dục; nghĩa là thấy rõ chính bản thân mình cũng như mọi thứ mà mình ham thích đều là hư ảo, trống không, không thực thể, biến đổi nhanh chóng, không tồn tại mãi, không nắm bắt được, không làm chủ được để rời bỏ lòng ham muốn, loại bỏ dục tưởng, không còn bị dục vọng hay dục tưởng ám ảnh và chi phối khiến rơi vào lối sống mê đắm khổ đau.

Trong cách nói của Ngài, Đức Phật gọi tham dục là một chứng bệnh<sup>8</sup> và xem người bị tham dục chi phối và sai sử giống như người bị ốm đau bệnh tật hay như kẻ nô lệ luôn luôn cảm thọ những cảm giác nặng nề, u uất, chán chường và mệt mỏi, không có được sự thoải mái, an lạc, tự do, tự tại trong đời sống của mình. Chính vì vậy mà Ngài khuyên mọi người nên sáng suốt nhận rõ sự nguy hại của lòng tham dục để nỗ lực ngăn ngừa và chữa trị bệnh tham, để không còn bị nó chi phối và sai sử, để thoát khỏi bệnh hoạn và lệ thuộc, để được sống thanh thân và an lạc, tự do và tự tại trong đời sống hàng ngày. Ngài dùng hình ảnh kẻ bệnh hoạn (bị tham dục chi phối) và người không ốm đau (thoát ly tham dục) để khuyên nhắc mọi người về ý nghĩa lợi lạc của lối sống thiểu dục tri túc, lối sống bớt ham muốn hay rời xa các dục:

*Vui thay chúng ta sống,  
Không bệnh giữa ốm đau;  
Giữ những người bệnh hoạn,  
Ta sống không ốm đau<sup>9</sup>. ■*

#### Chú thích:

1. *Pháp Cú*, kệ số 199.
2. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
3. Kinh Channa, *Tăng Chi Bộ*.
4. Tiểu kinh Khổ uẩn, Kinh Màngandiyā, *Trung Bộ*.
5. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
6. Kinh Chân nhân, *Trung Bộ*.
7. Kinh Điều ngự địa, *Trung Bộ*.
8. Kinh Sợ hãi, *Tăng Chi Bộ*.
9. *Pháp Cú*, kệ số 198.







# Đơn giản và phức tạp

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi đang đọc cuốn “Trà kinh” của tác giả Vũ Thế Ngọc. Nếu bạn muốn biết bất cứ điều gì về trà Trung Quốc thì bạn có thể tham khảo cuốn sách này. Từ lịch sử trà của Trung Quốc hàng ngàn năm trước cho đến bây giờ, rồi đến các vùng trồng trà, các nơi sản xuất trà danh tiếng, các loại trà, trà cụ xưa và nay... vân vân và vân vân. Quả là một cuốn sách công phu về trà Trung Quốc, không thiếu một thứ gì. Có điều đọc là đọc cho biết, có thể gọi là thêm đôi chút kiến thức về trà để mỗi lần có ai bàn về trà, mình cũng có thể biết để góp chuyện cho vui, nhưng thâm耑耑 thực tế thì không được bao nhiêu, vì nó nhiều quá, không thể nào nhớ hết và thực ra không cần phải nhớ hết làm gì. Tôi vốn thích nhất là trà Thiết Quan Âm và cũng thường pha trà với một chút cách thức cầu kỳ bằng một vài loại trà cụ đặc biệt mua ở Trung Quốc. Đối với những người không sành trà cho lắm thì nhìn thấy tôi pha trà, họ sẽ khâm phục hết mình như tôi là một tay chuyên... trà. Nhưng nếu so với những hiểu biết về trà như của tác giả Vũ Thế Ngọc

trong “Trà kinh” thì tôi chỉ là một thứ tép riu. Có điều cũng may là đọc xong cuốn sách thì tôi tìm thấy một điều mà lâu nay tôi nhầm lẫn, ấy là tôi vẫn tưởng Thiết Quan Âm là một loại trà đặc biệt ở Phúc Kiến cũng như trà Long Tĩnh ở vùng Giang Nam vậy. Hóa ra không phải như thế, mà Thiết Quan Âm là một dòng trà của Ô Long. Hoặ耑 giả như chuyện uống trà với sữa là gốc của người Mãn Châu chứ không phải của người Anh cũng bây giờ tôi mới biết. Ngoài ra, không thể nào ôm đồm tất cả những hiểu biết của tác giả để thêm vào cái mớ kiến thức của mình, vì nó nhiều quá, và chắc chắn là chỉ sau một thời gian ngắn thì lại quên tất cả. Riêng chuyện trà Thiết Quan Âm thuộc dòng trà Ô Long đã giúp cho sự hiểu biết cần thiết của tôi bởi vì nó thực tế đối với tôi. Và từ đó, tôi vẫn giữ thói quen dùng trà Thiết Quan Âm, nhưng với một chút thú vị hơn trong lúc thưởng thức.

Trước đây, khi tìm được cuốn “Rượu vang, món quà của thượng đế” của tác giả Lê Văn, tôi cũng hăm hở đọc hết vì vốn cũng là người thích biết về rượu. Ông Lê Văn

đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức và thời gian để thu lượm những hiểu biết về rượu, kể cả chuyện dù lớn tuổi, ông cũng chịu khó ghi danh học ở trường đại học và sau khi nhận được một chứng chỉ về... rượu thì ông mới bắt tay vào viết sách. Ông đã chịu khó đến nhiều vùng sản xuất rượu vang danh tiếng trên thế giới đặc biệt của Pháp để học hỏi kiến thức về rượu. Tôi đọc một cách say mê, nhưng cuối cùng cũng chỉ thêm được một chút ít hiểu biết, vì nó nhiều quá, mênh mông quá. Chẳng khác gì người ta dọn cho mình một bữa tiệc quá nhiều món, không có bụng để ăn cho hết, đành chỉ chọn vài món ngon nhất và hợp với khẩu vị mình mà thôi. Ví dụ như chuyện rượu vang là rượu sống, vô chai rồi để càng lâu được tính thêm tuổi, còn rượu mạnh là rượu “chết”, chỉ thời gian còn nằm trong thùng sồi mới đáng kể, vô chai xong là chấm hết. Cũng nhờ đọc cuốn sách của tác giả Lê Văn mà tôi biết thêm chút ít về những lâu đài sản xuất những chai rượu trứ danh của Pháp với thứ bậc của những chữ “cru” ghi chú trên chai, đồng thời, không phải chai rượu vang nào để lâu cũng ngon. Và cũng từ đó, tuy chưa phải là một tay sành rượu, nhưng tôi cũng cảm thấy thú vị hơn khi được thưởng thức một chai rượu ngon hoặc nhìn một chai rượu cũng có thể biết phần nào chất lượng của nó. Những điều đó cũng là những điều thực tế ích lợi đối với tôi.

Thầy Nhất Hạnh viết không biết bao nhiêu là sách về Thiền, đọc hoài không hết và tuy đọc nhiều nhưng thu lượm cũng không được bao nhiêu, thế mà chỉ đọc một vài trang trong “*Phép lạ của tỉnh thức*”, nghe Thầy kể chuyện rửa chén bát thì tôi cũng hiểu được ngay phần nào ý nghĩa của hành thiền.

Trong cuốn “*Giải thoát tức thì*” của một tác giả Nhi Bất Nhược nào đó lạ hoắc với tôi, bỗng bắt gặp câu: “Ngoại ly tướng vi thiên, nội bất loạn vi định” của Tổ Huệ Năng và trong nhất thời, tôi “ngộ” được ý nghĩa của hai chữ “Thiền định” một cách dễ dàng.

Đối với tôi, đọc sách là thế. Sách viết muôn ngàn chuyện, nhưng chỉ cần vài câu, vài ý, tìm thấy được cái mình muốn tìm, thế là đạt. Sách giúp hiểu biết cho mình, nhưng không phải bất cứ gì trong sách đều có thể lĩnh hội được, vì nó nhiều lắm, đôi khi có thể làm cho mình sinh tạp niệm trong một cõi quá nhiều phức tạp. Chân lý là thế, càng đơn giản, càng dễ hiểu thì càng dễ nhận thức.

Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng, vinh hoa phú quý để dẫn thân lên đường tìm đạo, mong giải thoát mọi khổ đau của chúng sanh sau khi đã nhìn thấy cái vòng luẩn quẩn của Sinh Lão Bệnh Tử, nghiệp chướng luân hồi. Mười mấy năm đi khắp nơi học đạo, cuối cùng dưới gốc bồ-đề, sau bốn mươi chín ngày tham thiền nhập định, Ngài đã tự mình tìm ra chân lý. Trong hơn bốn mươi năm đi khắp miền Bắc Ấn Độ, Ngài đã thuyết pháp, dẫn chúng sanh đi theo bước chân của Ngài để

tìm sự giải thoát. Và sau khi nhập diệt, Ngài đã để lại hàng ngàn hàng triệu lời vàng được ghi chép lại trong cả hàng trăm bộ kinh mà con người cho đến bây giờ vẫn còn nghiên cứu học hỏi. Tuy nhiên, rốt cuộc thì chân lý của Ngài cũng chỉ nằm trong mục đích giải thoát con người khỏi khổ đau mà “Tứ diệu đế” là căn bản và nghe có vẻ đơn giản nhất.

Thực ra, từ cái chân lý mà tôi gọi là “đơn giản” đó, còn có không biết bao nhiêu là thuyết giảng của Đức Phật trong vô số kinh sách của Ngài để lại. Tôi ít đọc kinh và chưa bao giờ nghiên cứu kinh sách nên không hiểu gì nhiều về kinh kệ. Tôi thực không biết một cách rành rẽ về những bộ kinh *Lăng Nghiêm*, *Địa Tạng*, *Pháp Hoa* mà chỉ biết có một chân lý đơn giản nhất là “Tứ diệu đế”, cái chân lý mà ngay khi vừa thành đạo, Đức Phật đã thuyết giảng cho nhóm Kiều-trần-như ở vườn Lộc Uyển. Vậy mà có ai hỏi Tứ diệu đế là gì, tôi cũng chỉ trả lời được một cách rất đơn giản: Thấy cái khổ, biết nguyên nhân cái khổ và biết có sự diệt khổ, và muốn diệt khổ, phải tìm đến Bát chánh đạo là Tám con đường tu tập để thoát khỏi cái khổ. Đó chính là chân lý của sự giải thoát mà Đức Phật đã dạy. Nhưng khi có ai hỏi đến Bát chánh đạo là gì thì dù có biết rồi tôi cũng quên mất không thể nào nhớ hết cả tám cái “Chánh đạo” kia là gì nữa. Tuy nhiên, ít nhất tôi cũng biết đó là con đường tu tập mà Đức Phật đã dạy nếu con người muốn thoát khỏi khổ đau, và tôi nghĩ tất cả kinh sách cũng chỉ với mục đích giải thoát cho chúng sanh khỏi trầm luân trong cái nghiệp sinh tử, cũng diễn dịch từ đó ra mà thôi. Cái mà tôi thường nói với chính bản thân tôi và mọi người gần gũi tôi là làm thế nào để có thể hiểu được trước nhất cái chân lý Tứ diệu đế một cách đơn giản đã, sau đó mới dần đi đến hiểu biết về ngũ uẩn là sự tập hợp tạo nên thân người với nghiệp dĩ sinh tử luân hồi, là nguyên nhân đưa con người đến với sự khổ đau. Dĩ nhiên điều đó không phải dễ dàng, nhưng chắc chắn không phải quá phức tạp trong cách nhận thức của tôi.

Có một lần tôi nghe thầy bổn sư sắp sửa giảng cho một số Phật tử mà tôi quen biết về đề tài “Mục đích của Phật giáo và Phật giáo giúp cho con người những gì”. Thoạt đầu tôi thấy khó quá. Không phải khó cho sư phụ, mà khó cho nhóm Phật tử mới nhập môn này, chưa hiểu biết gì về giáo lý thì làm sao có thể hiểu được một đề tài bao la như thế. Nhưng rồi tôi vô cùng thoải mái khi nghe thầy đã nói chuyện một cách ngắn gọn và vô cùng đơn giản: “Mục đích của Phật giáo là dạy cho con người cuối cùng tìm được sự an lạc của bản thân. Muốn được như thế thì trước tiên không làm điều ác mà phải làm điều thiện. Chữ ác và thiện không chỉ đơn giản là điều ác và điều thiện mà nó còn bao hàm ý nghĩa của tất cả mọi hành vi của mình trong cuộc sống hàng ngày. Muốn như thế thì phải hiểu thế nào là ngũ uẩn và phải tu tập như thế nào, không tham sân



si, hiểu cho được chữ Không để không chấp ngã...". Thầy chỉ nói những điều rất đơn giản. Và từ cuộc thuyết giảng quá sức đơn giản của thầy bốn sư, tôi có những suy nghĩ về công tác hoằng pháp.

Nhớ lại một trang sách trong cuốn *"Đức Phật đã dạy những gì"* của tác giả Walpola Rahula:

"Một lần Đức Phật ở lại trong rừng Simsapa ở thành Kosambi (gần Allahabad). Ngài cầm một nắm lá và hỏi các môn đệ:

- 'Hỡi các Tỳ-kheo, các thầy nghĩ thế nào? Lá trong tay Ta nhiều hơn hay lá trong rừng nhiều hơn?'

- 'Bạch đức Thế Tôn, lá trong tay Đấng Giác ngộ rất ít, nhưng lá trong rừng Simsapa đây quả thật nhiều hơn muôn vàn.'

- 'Cũng thế. Hỡi các Tỳ-kheo, Ta chỉ dạy các ông rất ít từ những gì Ta kiến giải được. Những gì Ta không nói với các ông thì thật nhiều hơn muôn vàn. Và tại sao Như Lai đã không giảng dạy những điều ấy? Bởi vì nó không ích lợi... không đưa đến Niết-bàn. Chính vì thế mà Ta đã không nói những điều ấy.'

Thật là vô ích cho ta khi cố suy tưởng như vài học giả đã cố làm một cách vô vọng những gì Đức Phật đã biết nhưng không nói cho môn đệ". (Walpola Rahula, *Con đường thoát khổ*, Thích nữ Trí Hải dịch, trang 37)

Chỉ một nắm lá trong tay Đức Phật so với cả rừng lá Simsapa mà mãi đến bây giờ, sau hơn hai ngàn năm trăm năm sau, chúng sanh vẫn còn chưa hiểu thấu hết những chỉ dạy của Ngài; huống hồ...

Thường tôi vẫn thắc mắc ngày xưa Đức Phật thuyết

giảng những hiểu biết sâu rộng của Ngài cho chúng sanh như thế nào để có thể dẫn dắt chúng sanh đi vào con đường hành đạo, thì bây giờ tôi mới nhận ra được phần nào.

Sự hiểu biết của Đức Phật vô cùng mênh mông, chúng ta không thể nào hiểu hết tất cả những điều Ngài dạy trong vô số kinh sách để lại, nhưng nếu cố hiểu cho được những cái đơn giản nhất, căn bản nhất thì cũng chính là đang đứng ở ngưỡng cửa của sự khai ngộ rồi. Kinh sách chỉ là những tài liệu phức tạp nếu không có người diễn dịch ra cho dễ hiểu hơn thì không phải dễ dàng lĩnh hội được. Có những người sau khi trở thành Phật tử đã bỏ công nghiên cứu kinh sách một cách sâu rộng, nhưng khi viết ra không phải ai cũng có thể đọc hiểu được.

Sở học của thiên hạ bao la và họ cố đem những hiểu biết cố gắng thêm kiến thức cho con người, nhưng đơn giản chừng nào thì kết quả sẽ không phụ lòng công lao của họ chừng ấy.

Theo tôi nghĩ, trong việc hoằng pháp cũng thế. Cách hữu hiệu nhất là phải bắt đầu bằng cái đơn giản nhất trong vô vàn cái phức tạp của kinh sách để mọi người đều có thể đi dần vào hiểu biết những lời Phật dạy vậy. Nghe thì quá đơn giản, nhưng sự thực không đơn giản chút nào, vì thường con người vốn có khuynh hướng về sự phức tạp và từ đó vô tình có thói quen hay trang trí sự đơn giản bằng những phức tạp rườm rà, nhất là về mặt ngôn từ, đôi khi khó dẫn người nghe đi sâu vào điều muốn nói. ■



# VỀ VĂN KHẮC CHÔNG CHÙA Ở ĐÀ NẴNG

Bài & ảnh: LÊ XUÂN THÔNG

**V**ăn khắc chuông chùa là nguồn tư liệu bổ ích đối với những người nghiên cứu về Phật giáo hoặc lịch sử - văn hóa của từng địa phương. Thông tin từ những dòng văn khắc cung cấp những hiểu biết nhất định; trước hết, về những Phật sự như dựng chùa, đúc chuông; và trong một chừng mực nào đó, phản ánh niềm tin tôn giáo của người dân, tình hình Phật giáo, mức độ ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội qua những tháng năm lịch sử. Do khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ trình bày một vài nét nhằm làm rõ đặc điểm, diện mạo và giá trị lịch sử - văn hóa của văn khắc trên những quả chuông chùa ở thành phố Đà Nẵng.

## **1 Văn khắc chuông chùa ở Đà Nẵng trước năm 1945**

Hiện ở Đà Nẵng có tám quả chuông niên đại trước năm 1945. Hai quả chuông thuộc thời chúa Nguyễn (cuối thế kỉ XVIII), gồm chuông chùa Tây Linh (nay để tại chùa Long Hoa, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu) và chuông chùa Thủ Long (nay là chùa An Long, phường Bình Hiên, quận Hải Châu). Sáu quả chuông còn lại thuộc triều Nguyễn (1802 - 1945), gồm chuông chùa Phúc Hải (tức chùa làng Hải Châu, nay đã trở thành đình Hải Châu), chuông các chùa Tam Thai, Linh Ứng, Thái Bình (phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn), chuông chùa Thanh Khê (phường Thanh Khê

Đông, quận Thanh Khê) và chuông chùa Từ Vân (chùa nay không còn, địa điểm được xác định thuộc phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê).

Cả tám quả chuông này đều có khắc chữ Hán, trình bày theo hàng dọc chung quanh thân chuông. Nét khắc thường cạn, không sắc nên có nhiều chữ bị mờ, khó đọc. Một số trường hợp sai cả tự dạng, buộc người đọc phải suy nghĩ để đoán chữ, hoặc phải liên hệ thêm các tài liệu liên quan để minh định tự dạng và ý nghĩa của chúng. Trường hợp văn chuông chùa Thanh Khê, ngoài các lỗi vừa nói trên thì các chữ về địa danh (tên thôn), tự danh (tên chùa) đều bị người đời sau cố ý làm mờ, thậm chí đục bỏ không thể đọc được. Văn chuông chùa Phúc Hải là một trường hợp đặc biệt. Bài văn chuông chỉ hơn một trăm chữ nhưng lại có hai hình thức chữ khác nhau, cả chữ khắc chìm thường thấy và chữ nổi được đục trực tiếp lên chuông – hình thức này về sau, nhất là những năm gần đây, rất phổ biến khi thể hiện các bài kệ chuông.

Các văn chuông đều không ghi rõ tên tác giả; trừ văn chuông chùa Từ Vân, thông qua nội dung, chúng tôi biết được tác giả cũng chính là vị sư trụ trì của chùa Trang Quảng Hưng.

Trong số chuông chùa kể trên, có đến một nửa chỉ được khắc vài dòng thông tin ngắn ngủi như những dòng lạc khoản cho biết niên đại, trọng lượng của chuông. Cụ thể như chuông chùa Tam Thai ghi: “Minh Mạng thất niên tứ nguyệt cát nhật phụng chú Tam Thai tự chung, trọng nhất bách lục thập tứ cân”, nghĩa là: “Ngày tốt tháng Tư năm Minh Mạng thứ 7 (1826) phụng đúc chuông chùa Tam Thai, nặng 164 cân”; chuông chùa Linh Ứng: “Hoàng triều Thiệu Trị vạn vạn niên! Tuế thứ Giáp Thìn đông chí hậu”, nghĩa là: “Triều vua Thiệu Trị muôn muôn năm! Sau tiết đông chí năm Giáp Thìn (1844)”; chuông chùa Thái Bình: “Tự Đức nhị niên tuế thứ Kỷ Dậu mệnh đông nguyệt cát nhật chú tạo. Xứng trọng cửu thập lục cân bát lượng”, nghĩa là: “Đúc vào ngày tốt tháng 11 năm Kỷ Dậu niên hiệu Tự Đức thứ 2 (1849). Trọng lượng 96 cân 8 lượng”. Còn chuông chùa Thủ Long khắc: “Chú đại hồng chung nhất khẩu Thủ Long tự thập phương tín cúng công đức. Thái tuế Giáp Thân niên nhị nguyệt thập lục nhật khắc”, nghĩa là: “Tín hữu mười phương một lòng phụng cúng đúc đại hồng chung chùa Thủ Long. Ngày 16 tháng 2 năm Giáp Thân khắc”. Thủ Long chính là tên gọi cũ của chùa An Long ngày nay, vốn được xây dựng vào năm Thịnh Đức thứ 5 (1657). Tấm văn bia của chùa hiện còn, được tạo vào thời gian nói trên đã cho biết điều đó. Đầu thế kỉ XX, một đại diện thương mại người Pháp là H. Cosserat đến Đà Nẵng và đã có bài khảo cứu về ngôi chùa này, nhưng không hiểu sao trong bài viết của mình, H. Cosserat lại gọi tên ngôi chùa là Long Thủ<sup>1</sup>. Cũng xin nói thêm, trong văn bia của chùa đã dẫn, tên gọi Thủ Long thì chữ “thủ” được viết 首 trong trường

hợp này có nghĩa là đầu, người đứng đầu; nhưng ở văn chuông lại viết “thủ” là 守 có nghĩa là giữ, bảo vệ, trông coi. Riêng cách viết chữ “tự” trong văn chuông thì hoàn toàn sai về mặt Hán tự. Nó lẽ ra phải được viết là 寺? nghĩa là chùa, còn “tự” 字? như cách viết của văn chuông có nghĩa là văn tự, tên tự. Rõ ràng người cho chữ chưa sành chữ Hán. Dòng lạc khoản không cho biết niên đại rõ ràng, nhưng dựa vào các yếu tố về kiểu dáng, mô-típ trang trí... chúng tôi đã đoán định năm Giáp Thân là năm 1764 dương lịch<sup>2</sup>.

Những văn chuông còn lại được coi là một văn bản chính thể, có bố cục rõ ràng. Ngắn nhất là bài văn chuông chùa Phúc Hải, khoảng hơn một trăm chữ; dài nhất là văn chuông chùa Thanh Khê, khoảng năm trăm chữ. Nhưng nội dung cũng đơn giản, đề cập những vấn đề căn bản, như việc tu sửa chùa chiền, hoàn cảnh (hay lý do) đúc chuông một cách rất ngắn gọn; chúc tụng và mong ước xã hội an lạc, và ghi lại việc công đức và danh tính của tín hữu cúng dường. Hy hữu như văn chuông chùa Tây Linh có ca ngợi sự vi diệu của tiếng chuông chùa. Tất thảy đều hoàn toàn vắng bóng những luận thuyết thâm sâu về Phật pháp – một mảng nội dung có phần phổ biến đối với văn chuông ở nhiều địa phương khác.

Văn chuông chùa Tây Linh khắc năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755) có đoạn mở đầu “Kính căn cứ theo làng Đà Sơn, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam, nước Đại Việt, toàn làng cùng tới chùa Tây Linh lạy Phật...” đã cho biết thông tin thú vị, rằng quả chuông này nguyên thủy không phải của chùa Long Hoa ở làng Đà Sơn, thuộc phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng ngày nay. Tài liệu địa lý - lịch sử cho biết làng Đà Sơn (thuộc Đà Nẵng ngày nay), lúc bấy giờ thuộc huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn; còn phủ Thăng Hoa bao gồm ba huyện Lễ Dương, Duy Xuyên và Hà Đông, là vùng đất thuộc Nam sông Thu Bồn. Huyện Lễ Dương tương ứng với huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam ngày nay. Như vậy, qua đoạn văn khắc trên cho phép khẳng định rằng quả chuông này vốn dĩ của chùa Tây Linh làng Đà Sơn nay thuộc huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, chứ không phải làng Đà Sơn ở Đà Nẵng.

Văn chuông chùa Từ Vân khắc năm Khải Định thứ 8 (1923) cho biết lý do đúc chuông có phần đặc biệt, rằng chùa vốn trước đó (năm Nhâm Tuất - 1922) đã có đúc một quả chuông, nặng 30kg, nhưng do quả chuông này ít vang nên năm sau, Quý Hợi (1923), lại đúc mới một quả chuông lớn, nặng 63kg.

Văn chuông chùa Phúc Hải khắc năm Minh Mạng thứ 13 (1832) có đề cập đến việc trùng tu ngôi chùa: “Năm Giáp Thân Minh Mệnh thứ năm (1824), trùng tu chùa bốn làng. Năm sau (1825) kính được ban Sắc tứ tên là chùa Phúc Hải”. Tài liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn cũng có những ghi chép tương tự: “Sửa lại năm Minh

Mạng thứ năm, năm thứ sáu Thánh Tổ Nhân Hoàng để đi tuần du phương Nam, xa giá qua chùa, cho biển ngạch Phúc Hải tự và ban cho một trăm quan tiền”<sup>3</sup>.

Kinh phí đúc chuông thường là công đức của nhiều người, trước hết là dân làng sở tại. Văn chuông chùa Thanh Khê khắc năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) cho biết chuông được đúc vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), và đều do “các bốn đạo trong thôn (...) góp tiền thỉnh chuông cúng vào chùa”. Đồng thời, đã liệt kê danh tính gồm 83 người trong thôn, với đủ mọi thành phần xã hội, cả nam lẫn nữ từ dân thường đến Hội thủ, Chánh Đội trưởng, Lý trưởng.

Nhưng việc Phật sự không của riêng ai, hơn nữa, một làng đôi khi chưa hẳn đã đủ tiền của để vẹn toàn, nhất là việc dựng chùa đúc chuông nhiều tốn kém, vì vậy luôn có sự đóng góp của thiện nam tín nữ từ thập phương. Các văn chuông còn lại đều cho biết điều đó. Văn chuông chùa Tây Linh còn nói rõ hơn: “Hội thủ và bốn đạo toàn làng, tất cả thiện nam tín nữ, thập phương tín cúng, và tín đồ trong hội cùng tất cả con cô, vợ góa lớn nhỏ kính cẩn một lòng tin tưởng phụng thờ Phật, bèn vào năm Ất Hợi kính đúc hồng chung”.

Trường hợp chuông chùa Từ Vân có phần khác biệt. Văn chuông cho biết: “Người bốn đạo là bà Nguyễn Thị Lan, vợ chính của viên thông phán họ Trần tại Tòa Khâm sứ ở kinh đô, vốn thọ giới Ưu-bà-di<sup>4</sup>, pháp danh Trùng Mỹ, pháp tự Giải Ngọc cúng 20 đồng, đã có công trợ giúp buổi đầu”. Như vậy ở đây, ngoài danh từ “thập phương” (để chỉ những tín hữu Phật giáo mọi nơi) cúng dường như thường thấy, thì tên của một tín nữ xuất hiện một cách trang trọng.

Văn chuông chùa Từ Vân còn có đoạn nói đến hành trạng của vị sư trụ trì khai sơn Trang Quảng Hưng. “Tăng từ thuở trẻ thơ vào đạo, vốn theo chùa Sắc tứ Ngũ Hành Sơn thọ học kinh văn, tu trì khổ hạnh. Năm ngoài Tăng đi ngoại tỉnh tu trì học đạo, có xin đơn làm lễ bố thí kỳ an tốt đẹp, độ khắp vong linh, bước lên giới phẩm, dựng chùa đúc chuông, lập tháp đền ơn, thiết đàn kỳ siêu binh lính đi Tây chết trận, mong cho ta thắng trận giao hòa...”. Đoạn văn tuy ngắn nhưng cũng phần nào giúp chúng ta có được vài thông tin về một vị thiền sư của Phật giáo ở Đà Nẵng, điều mà ngoài văn chuông chùa Từ Vân không có một bài văn chuông nào đáp ứng được.

Phật giáo là tôn giáo của sự giải thoát. Đức Phật Thích-ca đã dạy: “Cũng như nước của đại dương chỉ có một vị là mặn, học thuyết của ta chỉ có một vị là giải thoát”. Văn chuông chùa Tây Linh cũng đã mong mỏi: “Một trăm lẻ tám tiếng chuông mở được mười tám tầng địa ngục, cứu thoát cô hồn mười loài quỷ, để lại ơn phước mãi mãi lâu dài, kể tục đời đời miền viễn. Trên là chúc đương kim thánh thượng tuổi thọ càng tươi, bốn đạo toàn làng tăng thêm tuổi, dân mạnh của nhiều, mưa thuận gió hòa, người người đều phước đức tốt đẹp, vạn vật đều bình yên”.

## 2 Văn khắc chuông chùa ở Đà Nẵng từ năm 1945 đến nay

Về hình thức, văn chuông thường chỉ là những bài văn ngắn thậm chí rất ngắn, xoay quanh con số trên dưới 100 chữ mà thôi. Điều đặc biệt là văn chuông không chỉ có chữ Hán như thời kỳ trước mà còn có chữ Quốc ngữ. Một số trường hợp văn chuông chỉ toàn chữ Quốc ngữ; nhưng cũng phổ biến các trường hợp vừa có chữ Quốc ngữ vừa có chữ Hán trên cùng một quả chuông, và đều... có cùng một nội dung, ở đây chữ Quốc ngữ chính là phần dịch nghĩa của phần chữ Hán. Nó được thể hiện phổ biến cả hai hình thức là chữ khắc chìm và chữ nổi được đúc trực tiếp vào thân chuông.

Bố cục bài văn không được chặt chẽ, một số trường hợp như những đoạn được nối kết một cách gượng gạo. Văn phong có phần lủng củng, đôi lúc thừa nghĩa và sai về cú pháp. Tác giả của những bài văn thường là các Tăng Ni trụ trì chùa. Tuy nhiên, thông qua những dòng ngắn ngủi và còn nhiều hạn chế này, khả dĩ giúp chúng ta có được đôi điều hữu ích.

Trước hết, văn chuông cho biết việc đúc chuông luôn có sự chứng minh của các vị tôn túc có uy tín từ các chùa khác, không nhất thiết ở địa phương mà có thể ở nhiều tỉnh thành lân cận. Ví như lễ đúc chuông chùa Bát Nhã do vị “Hòa thượng Tăng cang chùa Sắc tứ Báo Quốc và Hải Đức, hiệu là Phước Huệ chứng minh”. Chùa Sắc tứ Báo Quốc và Hải Đức là những danh lam thuộc thành phố Huế. Điều đó đã thể hiện sự giao lưu, liên kết và gắn bó giữa chư Tăng ở các chùa, các địa phương, phản ánh xu hướng phát triển tất yếu của Phật giáo Việt Nam. Sau phong trào chấn hưng Phật giáo, các tổ chức Phật giáo ra đời để định hướng cho việc hoằng dương Phật pháp. Từ các hội đoàn riêng rẽ, dần dần các đơn vị ấy được hợp nhất vào trong một tổ chức Phật giáo chung. Một điều nữa, việc khắc tên chư Tăng Ni của các tổ đình trên chuông chùa còn góp thêm chứng cứ cho việc tìm hiểu hành trạng các vị thiền sư Việt Nam.

Phật giáo khi truyền vào nước ta đã được nhân dân ta tiếp nhận; quá trình bản địa hóa, dân gian hóa luôn diễn ra một cách mạnh mẽ. Đất vua chùa làng là thế. Xây chùa, tô tượng, đúc chuông là việc chung của toàn làng và cả xã hội. Văn chuông chùa qua các thời kỳ đã phản ánh rất rõ ràng hiện tượng này. Nhưng nếu như văn chuông trước 1945 còn “chịu khó” khắc tên của nhiều người cụ thể (và chủ yếu là nhân dân trong làng hoặc vùng lân cận), thì văn chuông thời kỳ này đều không thể hiện điều đó. Nói về nguồn kinh phí, đóng góp để đúc chuông, câu văn phổ biến nhất là “cùng thiện nam tín nữ mười phương”, hoặc là “đạo hữu mười phương”. Cũng không khó khăn lắm để giải thích hiện tượng này. Trước hết, đó là sự chuyển giao “sở hữu”. Nếu như trước đó chùa hoàn toàn là của làng (hoặc cho dù do các thiền sư khai sơn thì vai trò của dân làng sở tại vẫn rất lớn), và đương nhiên mọi công việc liên quan đều do dân làng



quán xuyên, công của chủ yếu đều do dân làng đạu góp để phụng sự Tam bảo. Sau này thì khác; chẳng hạn, ở Đà Nẵng gần như tất cả chùa có lịch sử sau Cách mạng Tháng Tám đều do Tăng đồ khai sơn. Ngay cả những ngôi chùa được coi là chùa làng – của làng, các Tăng Ni cũng đã có mặt để lo việc hoằng dương; ngôi chùa không còn đóng kín và bị chi phối bởi việc làng, mà đã được đặt trong hệ thống tổ chức và quán xuyên của các tổ chức Phật giáo, của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (từ sau 1981). Điều đó cũng có nghĩa khách hành hương, vãng cảnh chùa hay cúng dường Tam bảo đã vượt ra ngoài phạm vi chật hẹp của một làng mà đúng nghĩa khách thập phương. Hơn nữa, đây cũng là thời kỳ mà tín ngưỡng hướng ngoại phát triển mạnh trong xã hội. Số người cầu cúng ngày một tăng lên, danh sách đạo hữu ngày một dài ra, thì không thể có quả chuông nào đủ lớn để lưu danh người cúng dường.

Văn chuông cũng thể hiện những giai đoạn phát triển của Phật giáo đất nước. Chúng ta biết rằng Phật giáo Việt Nam trong và sau phong trào chấn hưng Phật giáo đã cho ra đời nhiều hội, nhiều tổ chức Phật giáo tại nhiều vùng miền, địa phương khác nhau, hoạt động có tính cục bộ. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 1963, các đoàn thể, tổ chức Phật giáo Việt Nam khai mạc Đại hội Phật giáo Việt Nam thống nhất tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), đi đến thống nhất thành lập một tổ chức chung gọi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Bởi vậy, những quả chuông được đúc trong khoảng thời gian từ nửa sau thập niên 60 đến năm 1975 thường có những bài văn khắc với câu mở đầu là một tiêu ngữ “Phật giáo Việt Nam Thống nhất”.

Nếu như văn chuông trước 1945, các dòng lạc khoản thường thể hiện niên đại bằng việc sử dụng niên hiệu của những ông vua phong kiến, thì thời kỳ này đều

được thể hiện bằng kỷ nguyên Phật giáo (tức Phật lịch), thể hiện sự thống nhất chung của toàn thể tín đồ trong quan điểm về ngày Phật Thích-ca tịch diệt, cũng là năm mở đầu cho kỷ nguyên của Phật giáo – năm 544 trước Tây lịch.

Điều đặc biệt ở văn chuông thời kỳ này là sự xuất hiện phổ biến của hai bài kệ chuông vốn rất quen thuộc với nhiều người, thường bao gồm cả phần chữ Hán và phần phiên âm trên cùng một quả chuông. Hai bài kệ này đã có nhiều người dịch, nhưng theo chúng tôi được biết, bản dịch được phổ biến nhiều là bài dịch của Hòa thượng Thích Huyền Tôn, như sau:

*Nguyện tiếng chuông này ngân khắp cõi  
Thiết-vi ngục tối thấy xa nghe  
Cõi trần trong sạch đều thông suốt  
Giác ngộ sanh linh cả mọi loài.*

*Nghe chuông phiên não nhẹ lắng lắng  
Bỏ-để thêm lớn, Tuệ sáng ngần  
Xa rời địa-ngục qua hầm lửa  
Nguyện thành như Phật độ chúng sanh.*

*Án-già-ra-đế Ta-bà-ha.*

Như vậy, thay vì dùng những lời lẽ để giáo thuyết về tác dụng và ý nghĩa cao sâu của tiếng chuông chùa, thì giới Tăng Ni đã mượn những bài kệ có sẵn. Có lẽ, người ta ý thức được rằng mọi triết lý sâu xa về sự vi diệu của tiếng chuông chùa đã được thể hiện quá đầy đủ trong hai bài kệ, hà cớ phải mất công thêm nữa. Tiếng chuông như ánh hào quang của Đức Thế Tôn dẫn dắt những linh hồn lạc lối, soi rọi trong khắp cả tam thiên thế giới, cải hóa những con người đang trong vòng mê muội đắm mình trong bể trầm luân, tất cả đều sẽ được tẩy trần đi vào con đường đạo hạnh, rửa sạch căn nguyên tội lỗi, bỏ được mọi chấp ngã, vọng hoặc để vào cõi Niết-bàn thanh tịnh.

Cho dầu thế nào thì việc phổ biến hai bài kệ trên các chuông chùa cũng góp phần cho văn khắc chuông chùa ở Đà Nẵng thêm phần sinh động, có chiều sâu, nó như làm cho bài minh văn “sống” hơn và có hồn. ■

#### Chú thích:

1. H. Cosserat (2001), “Chùa Long Thủ ở Tourane”, *Những người bạn cố đô Huế (B.A.V.H)*, tập VII, 1920, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.432-444.

2. Lê Xuân Thông (2008), “Về chuông đồng Phật giáo thời chúa Nguyễn trên đất Đà Nẵng”, *Khoa học và Phát triển, Sở Khoa học và Công nghệ Đà Nẵng*, số (135+136), tr.47.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.450.

4. Phụ nữ tại gia thụ ngũ giới (tức là năm giới cấm: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu), là một trong tứ chúng (Ti-kheo, Ti-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di).



Thấp thoáng lời kinh

# An lạc hạnh

ĐỖ HỒNG NGỌC

C hẳng phải “Thân tâm thường an lạc” là niềm mơ ước của tất cả chúng ta đó sao, là câu chúc ngọt ngào khi người ta gặp gỡ nhau đó sao? Thân an thì tâm lạc và Tâm an thì thân lạc. Có an mới có lạc và có lạc mới có an. Con muốn xin được chỉ dạy cách an tâm. Học trò hỏi. Thầy đáp: Được, đưa tâm người đây ta an cho. Con tìm mãi chẳng thấy tâm đâu cả. Vậy ta đã an tâm cho người rồi đó vậy. Thầy đáp. Không tìm thấy tâm đâu cả chính là đã an tâm, bởi vì “vô tâm mạc vấn thiên” mà! Khi Bồ-tát lặn lội trong cõi Ta-bà, “du hí thần thông” trong cõi Ta-bà để cứu độ chúng sanh không phải lúc nào mọi sự cũng suôn sẻ nên làm sao để có được “an lạc” là một điều kiện tiên quyết.

Cái thời Phật truyền đạt *Pháp Hoa* quả là không dễ dàng gì. Những điều Phật nói ra ở thời *Pháp Hoa* này không dễ được “nghe nhận”. Thính chúng nhiều người đã không tin, nhiều người đã bỏ đi. Nhiều vị A-la-hán khi được thọ ký mừng đến chảy nước mắt. Thế nhưng các Bồ-tát “tùng địa dũng xuất” vẫn luôn ở đó, lắng nghe và tin nhận, thệ nguyện hy sinh để nói lên “sự thật”, những điều Phật đã dạy hôm nay, để “khai thị”

cho chúng sanh “ngộ nhập” được “tri kiến Phật”, cho nên Phật ân cần dặn dò về cái gọi là “An lạc hạnh”, để sống sao cho được an lạc, vì có từ bi với mình thì mới từ bi được với người, vì mình có an lạc thì mới... làm được pháp sư, giúp người khác an lạc.

Người đặt câu hỏi bấy giờ không phải là Dược Vương hay Thường Tinh Tấn nữa... mà chính là Văn-thù, một người “Trí”. Trí thì đoán trước được tình thế, biết những gì sẽ xảy ra ở đời ác trược về sau!

“*Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát ở đời ác sau, làm thế nào mà có thể nói kinh này?*”. Dĩ nhiên để “có thể nói kinh này” thì phải ở nhà Như Lai, mặc áo Như Lai rồi mới ngồi được tòa Như Lai, thế nhưng vẫn chưa đủ. Nỗi lo của Văn-thù Bồ-tát đúng quá chớ! Bấy giờ Phật còn đang sống sờ sờ đây, đang giảng nói trực tiếp trong pháp hội long trọng trên núi Linh Thứu này mà nhiều người còn chưa tin, còn ngờ vực, huống chi sau này khi Phật đã Niết-bàn, biết bao kẻ có thể giả danh làm tăng bậy, gieo rắc mê tín dị đoan?

Cho nên cái Phật cần bây giờ, trước khi nhập Niết-bàn, trước khi diệt độ, là tìm ngay lứa học trò mới, “đám” làm pháp sư, “truyền nhân” của Phật, sứ giả của Như



Lai. “Dám” bởi vì không dễ với những điều kiện Phật đưa ra, lại phải đương đầu với không ít những cám dỗ, những gièm pha, phá hoại... trong thời mạt pháp. Lửa học trò mới này không chỉ là Ty-kheo, Ty-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, mà cả những trai thiện gái lành... Và quan trọng là họ phải tự nguyện, bền chí, tinh cần, hết lòng. Cũng vì thế, Phật chọn những Bồ-tát “tùng địa dũng xuất” thay vì những Đại Bồ-tát từ phương xa đến. Bởi vì cần có cái xuất phát từ chung một “thổ ngơi”, có cùng một nếp sống, nếp văn hóa bản địa may ra mới thu phục được lòng người, mới tạo được niềm tin.

Trả lời câu hỏi của Văn-thù “... ở đời ác sau, làm thế nào mà có thể nói kinh này?”, Phật bảo: Phải an trụ trong bốn pháp:

- 1) An trụ trong hành xứ và thân cận xứ.
- 2) An trụ trong pháp Không, nhìn ra cái “thật tướng” của mọi sự mọi vật.
- 3) An trụ vào hạnh Tùy hỷ.
- 4) An trụ vào lòng đại Từ đại Bi.

Hãy nói về “an trụ” vào lòng đại Từ đại Bi trước: Nó không có gì lạ. Nó chính là “ở nhà Như Lai”. Thực sự ai sống trong “nhà Như Lai” thì chắc chắn sẽ có lòng đại Từ đại Bi thôi, vì thấy ra muôn loài đều “chung một mái nhà!”. Con sâu cái kiến, con khùng long, con thần lùn, rắn mối, sư tử cạp beo cá voi cá sấu cho đến con... người, nghêu sò ốc hến, cũng đều “làm ra” từ một chất liệu. Cho nên không có “con” nào hơn con nào. Đừng nghĩ rằng ta “ngon” hơn loài kiến loài sâu, con ong cái bướm. Còn lâu! Mắt của loài ong có hàng trăm thủy tinh thể, nhìn khắp bốn phương tám hướng, mũi của loài chó nhạy hơn loài người ngàn lần, tai dơi hơn ta nhiều lắm chứ, ai bảo nó không từng “phản văn văn tự tánh”? Sao dám nói loài người là thông minh nhất trong muôn loài? Ai bảo chỉ có loài người mới có ngôn ngữ, âm thanh, tiếng nói? Con công đực sao nó đẹp vậy? Sao nó múa may tuyệt vời vậy? Con sư tử đực sao dựng bờm oai dũng vậy? Hổ hồng hoang, bốn tỷ năm trước, chưa có tảo biển tạo ra oxy thì con người là “con” gì? Ở đâu? Tại sao sinh vật đơn bào kia cắt đôi thân thể mình thành hai con? Tại sao con bọ ngựa kia sau khi giao hợp thì chết ngay để hiến thân làm thức ăn cho con, và con cá hồi kia, tại sao sau khi đẻ trứng xong, “hoàn thành nhiệm vụ” bèn tự hủy thân mình? Mọi loài hùng hực tranh nhau “sinh bệnh lão tử” trên cõi Ta-bà này, chỉ là một chấm nhỏ của vũ trụ mệnh mông kia không phải đều đáng thương đáng quý sao?

*“Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các Đức Phật Như Lai, ở trong các kinh thời là bực trên hết, lâu ngày giữ gìn chẳng vọng tuyên nói, mới ở ngày nay cùng với các ông mà bày nói đó.”*

Pháp thứ ba mà Phật bảo phải an trụ để có “an lạc hạnh” là Tùy hỷ. Tùy hỷ thật không dễ chút nào! Tùy hỷ khó vì con người khó tránh lòng ganh tị, ghen ghét nhau...

*“Chớ ôm lòng ganh ghét, đua đố, chớ khinh mắng*

*người, chớ vạch chỗ hay chỗ dở, cũng chẳng nên hý luận, luôn thuận theo pháp, chẳng buông lung, chẳng biếng trễ.”*

Chỗ an trụ thứ hai là phải thấy được “nhứt thiết pháp không”, phải thấy được thật tướng vô tướng cái đã rồi mới nói gì thì nói, thuyết gì thì thuyết. Tâm thông thì thuyết thông. Vô ngại biện tài. Chẳng những thấy không mà còn thấy không cả không. Chân không mà diệu hữu. Từ đó mà có “không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhơn duyên mà có, từ điên đảo mà sanh”.

Chỗ an trú đầu tiên, có lẽ cũng là điều căn bản nhất, cụ thể và thực tế nhất để có được an lạc mà làm “Pháp sư” một cách chân chính ấy là lối sống, lối ứng xử sao cho vừa hòa dịu, nhẫn nhục, khéo thuận lại vừa cương nghị bất khuất, biết lánh xa mùi phú quý vinh hoa, xa bỏ lợi danh rùng rỉnh!

“Hành xứ”, ấy là nhẫn nhục, hòa dịu, khéo thuận bởi lòng đã “quán tướng như thật các pháp”, đã sống không phân biệt nên “không vụt chạc, mà cũng chẳng kinh sợ”. Dù bên trong đã đầy đủ pháp Không, đã thấy biết duyên sanh, vô ngã, đã sống trong thật tướng vô tướng rồi thì không có gì phải kinh sợ nữa, dù vậy, nếu không biết nhu hòa, nhẫn nhục thì vẫn sanh sự cho sự sanh!

Những lời ân cần mà nghiêm khắc đó tuy đã vài ngàn năm trước mà như mới hôm nay, trong thời buổi nhộn nhịp ngựa xe, xênh xang mũ lọng này!

“Thân cận xứ” chính là để tạo một môi trường thuận lợi cho hoạt động “độ sinh” giúp mình và giúp đời của Bồ-tát. “Thế nào là chỗ thân cận của Đại Bồ-tát?”, Phật dạy:

*“Chẳng gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần, quan trường...”* Dĩ nhiên không ai cấm gần. Không gần thì làm sao cảm hóa, “độ sanh” được. Nhưng, vấn đề là gần cách nào? Gần mà đua nịnh để kiếm chác quyền lợi thì khác với gần như Bồ-đề-đạt-ma gặp Lương Vũ Đế...

*“Chẳng gần gũi kẻ viết sách thế tục ca ngâm”*. Sao lạ vậy? Bởi từ ngàn xưa, họ vốn là nòi tình, đắm đuối, kiêu căng, hợm hĩnh, hý luận và xung đột hơi nhiều, bản ngã hơi to! Nhưng cũng tại ta thôi. Duy-ma-cật sẵn lòng gặp gỡ đám vũ nữ ca múa đó thôi.

Viết sách thế tục ca ngâm thì dễ “điên đảo”, dễ “mộng tưởng”, trong khi Bồ-tát thì phải “viễn ly điên đảo mộng tưởng”? Không sao! Vấn đề nằm ở bản lãnh Bồ-tát. Bồ-tát có thể “bất trụ vô vi bất tận hữu vi”, thông tay vào chợ nếu thực sự có đủ bản lãnh.

*“Chẳng gần gũi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau đánh nhau...”*. Không dễ! Không gần gũi ngoài đời thì gần gũi qua phim ảnh sách báo cũng không kém phần nguy hiểm. “Chẳng gần gũi bọn hạng người sống với nghề ác...”.

Vào được “hành xứ” này

Và “thân cận xứ” đó

Thời lúc nói kinh này

Không có lòng e sợ. ■

# Giác ngộ

HƯƠNG ĐỨC

**N**gày hôm nay, tôi theo xe lên Sài Gòn để tiễn một người anh họ trở về Mỹ quốc, nơi anh đã định cư gần hai mươi lăm năm qua. Đến phi trường, lòng tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Buồn vì phải chia lìa với người anh vốn gắn bó với mình từ thiếu thời đến lúc trưởng thành, khổ vui thường có nhau; buồn vì ở cái tuổi trên thất thập cổ lai hy, buổi tiễn đưa này biết sau có còn được gặp lại, hay là buổi chia tay cuối cùng... ôi, lời Phật dạy, ái biệt ly khổ, mấy ai tránh được... Còn vui là khi thấy anh phục hồi sức khỏe một cách kỳ diệu sau ba tháng về nước để điều trị bệnh, một kết quả mà người trong cuộc ngoài cuộc đều bất ngờ và ai cũng thầm hiểu đó là biểu hiện oai lực cứu khổ ban vui của Phật pháp.

Vào phòng cách ly, anh còn quỵn luyến đến bên vách kính vẫy tay chào chúng tôi lần nữa rồi mới cùng chị dâu tôi nhanh nhẹn kéo hành lý quay vào. Tôi và những người đưa tiễn bịn rịn đứng nhìn đến lúc khuất tầm mắt mới lên xe ra về.

... Ngồi trên xe trở về quê, xe chạy vun vút trong đêm, những dòng suối đèn pha của những chiếc xe chạy ngược chiều khiến mắt tôi bị chói lóa rất khó chịu. Nhắm mắt lại, trong rì rầm tiếng máy xe, trong cái lạnh của sương đêm ùa vào khung cửa xe hé mở, tôi miên man nhớ đến người anh họ. Giờ này chắc máy bay đã cất cánh...

Cuộc đời của anh họ tôi có thể nói đắng cay, vinh nhục đều đã trải qua, nói gọn là lắm truân chuyên. Cha anh vốn là thầy giáo, một trí thức thời Pháp thuộc, đã theo tiếng gọi của Tổ quốc lên đường tập kết ra Bắc vào năm 1954, bỏ lại cho vợ một bầy con sáu đứa còn nhỏ dại, một mình nuôi nấng, quán xuyến.

Dù hoàn cảnh khó khăn, vợ tôi cũng cố gắng cho các con đến trường học. Riêng anh, anh học rất giỏi. Hết lớp ở trường làng, anh được mẹ gởi đến một người bà con có kinh tế khá giả ở thị xã để ở nhờ học tiếp cấp hai, cấp ba. Và tại nơi này, lúc đó là thời chiến tranh, với truyền thống của gia đình, anh đã gia nhập hàng ngũ quân kháng chiến, giả làm học trò, đánh banh, chơi đùa, để cảnh giới cho cán bộ cách mạng hợp hành. Rồi trong trận ném lựu đạn để giết viên tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa không thành, người đồng đội cũng là bạn ở cùng nhà của anh bị bắt tại

chỗ, sau bị kết án đày Côn Đảo. Do sợ bị bắt, anh vội bỏ trốn lên Sài Gòn, làm hồ sơ giả để học tiếp. Từ đó anh mất hẳn liên lạc với cách mạng.

Sau khi đậu Tú tài hai, anh bị bắt lính trong một đợt tổng động viên của chính quyền Sài Gòn. Do mất liên lạc với cách mạng, với tám bằng Tú tài ban C, là ban văn triết, cùng tài ca hát rất hay kết hợp với lòng không muốn cầm súng bắn lại đồng bào mình, anh đã đăng vào lính đó là ít tội lỗi nhưng sau giải phóng, anh phải học cải tạo khá lâu vì bị xếp vào loại hình tâm lý chiến. Cha anh, là cựu ruột của tôi, lúc đó từ miền Bắc cũng đã về quê, có cấp hàm khá cao của chính phủ cách mạng nhưng với quan niệm "chí công vô tư" ông không hề can thiệp; ông bảo, để nó học cho thông. Sau khi ở trại cải tạo về, anh làm ruộng, sống với vợ con tại địa phương.

Thuở ấy, vào thập niên 80 của thế kỷ trước, cuộc sống mọi người đều rất khó khăn, anh cũng không ngoại lệ. Nhưng có lẽ do mạng số cực khổ, người ta khó một thì anh khó hai, người ta cực hai thì anh cực mười. Hình như những khó khăn, khổ sở cứ tìm anh để trêu đùa; đôi lúc, thấy anh bị tai nạn dồn dập, tôi hết sức ngạc nhiên, sao mà hết khổ nạn này thì khổ nạn khác lại kéo tới tìm anh hoài. Có lần tôi phải vào tận nhà anh để cấp cứu, không hiểu đi đứng thế nào mà lúc vai vác bao lúa nặng trĩch chân anh lại đạp trúng bàn cào lúa đang để nằm giữa, mấy mũi cào bằng sắt nhọn hoắt đâm xuyên thấu bàn chân, anh em phải cật lực ghì mới nhổ ra được, máu tuôn xối xả. Rồi khi chích ngừa uốn ván, anh lại bị absces tại chỗ tiêm, phải đi viện mổ. Khi vết thương vừa kéo da non thì một hôm nghe tin mẹ bị "sốc" thuốc đang cấp cứu ở trạm y tế, anh vội lấy chiếc xe bị hư bàn đạp chạy thăm mẹ, do quỳnh quáng anh bị té, mũi nhọn của bàn đạp hư đâm vào đùi, rọc một đường dài sâu hoắm, máu tuôn đỏ cả quần. Khi gắng gượng chạy xe quẹo vào trạm y tế, họa vô đơn chí, anh lại đụng một người đi ngược chiều, khiến người đó té, chấn thương vùng mặt, máu tụ đen cả hố mắt, và gãy hai chiếc răng cửa. Thế là nhân viên y tế chúng tôi, lớp lo cấp cứu cho mẹ anh, lớp khâu vết thương cho anh và săn sóc người bị nạn do anh gây ra, rồi cả lên.



Nguồn: antemetters.com

Mấy năm sau, anh được xuất cảnh theo diện HO. Trước ngày đi vài tháng, anh thường đến nhà tôi chơi, bần khoăn than rằng không biết có nên đi hay không. Tôi không có ý kiến gì, chỉ bảo là sống ở đâu cũng phải làm việc, chẳng ai mà mang của đến cho không mình cả. Tôi lại kể cho anh nghe chuyện một người quen là sĩ quan chính quyền quốc gia khi qua Mỹ sống, do làm công việc cực nhọc, dơ bẩn, buồn quá anh ta đã treo cổ tự tử, nhờ dây đứt nên anh ta thoát chết; bởi xưa ăn trên, ngồi trước, đi đầu thì “tiền hô, hậu ủng”, nên khi phải lao động cực khổ, tủi thân, chịu không nổi đã phải tìm đến cái chết... Anh nghe, lặng thinh, thái độ rất phân vân.

Rốt cuộc anh cũng ra đi, nhưng đi vẫn không xuôi sẻ, đứa con trai đầu lòng của anh bị từ chối, không cho nhập cảnh vào Mỹ với lý do khai không đúng công việc làm trong khoảng thời gian đã qua, họ buộc vào tội nói dối. Lúc đầu anh phản ứng dữ dội với ban chuyên trách HO, nói rằng không cho con anh đi thì cả nhà sẽ không đi, người phụ trách trả lời, tùy ý anh, thế là anh phải bỏ đứa con trai lớn ở lại Việt Nam. Ngày tiễn đưa, đứa con anh khóc đến té xỉu vì phải chia lìa cả gia đình mình. Chúng tôi hết sức an ủi, cậu ấy mới nguôi ngoai. Còn vợ chồng anh thì khỏi nói, khóc như con nít bị đòn roi. Thấy cảnh khổ của anh mình, tôi cũng không cầm được nước mắt. Năm sau, đứa con trai ở lại Việt Nam của anh cưới vợ, thế là cậu ta chấp nhận sống với gia đình riêng, không còn buồn khóc nữa, thình thoảng nhận được tiền anh gửi về cho, cuộc sống không tới nỗi nào. Khoảng mười năm sau, anh cũng bảo lãnh cho con qua Mỹ sống với anh.

Khi qua Mỹ vài năm đầu, anh thường viết thư cho tôi, kể đủ thứ chuyện, lúc thì ca ngợi cuộc sống của mình như ở trên thiên đường, nào là mua sắm đồ đắt tiền, nào là xe hơi, nhà cửa..., khi thì than trời trách đất, bảo mình già nên sống, làm việc như “trâu già uống nước đục”, con cái

sống theo lối Mỹ, chẳng nghe lời cha mẹ, tiêu xài hoang phí, rồi thêm chuyện đi làm ca đêm, xe hư, phải lội tuyết dầy tới đầu gối về nhà, mệt té xỉu ngoài đường, cảnh sát phải khiêng vào nhà thương cấp cứu... Tôi đọc thư, cứ cười, cha này đúng là dân tú tài ban văn, mới lên voi rồi lại xuống chó, chẳng biết đầu mà lẩn. Về sau, thư anh thưa dần, thình thoảng nhớ đến, tôi chặc lưỡi, chắc bận tới mặt tới mũi nên không có thời giờ viết thư vì anh nói phải làm hai việc trong ngày mới đủ sống.

Mười mấy năm sau, anh về nước để thăm mẹ già và bà con, bạn bè. Tôi nghe tin, đến thăm anh thì thấy những người bạn ngày xưa của anh tụ tập nhậu nhẹt rất đông. Vốn không quen việc uống rượu, tôi chuyện trò qua quýt, tặng một chực quýt ngon cho anh rồi từ giã ra về. Do nhậu nhiều quá, khi gần trở về Mỹ, anh đến tìm tôi khám bệnh. Tôi phải truyền dịch, điều trị rối loạn chức năng gan do rượu, loét ruột già do rượu. Nhìn thân thể gầy gò của anh mà tội nghiệp, bao nhiêu bạn bè, cứ “tình thương mến thương”, đổ rượu cho anh khiến ra nông nỗi thế này. Lúc mới về nước, còn mập mạp, trắng trẻo, giờ sắp đi thì thân thể tiêu tụy thảm hại, tất cả cũng do khoái nhậu mà ra. Không hiểu sao đàn ông thời nay hễ gặp nhau, để tỏ lòng thương mến, phải nhậu mới được, cái tập quán “hao tiền, tổn sức” này chẳng hay chút nào.

Rồi cuộc sống cứ lặng lẽ trôi, tôi hàng ngày vẫn quần quanh với bệnh nhân, anh ấy năm mười tháng hình như chợt nhớ thằng em họ lại gọi điện về thăm. Chợt một hôm, nhận được tin anh bị tai nạn, tự té, chấn thương sọ não, hôn mê cả mấy ngày chưa tỉnh, lòng tôi như lửa đốt. Xa xôi quá, làm sao mà thăm, mà viếng. Tôi chỉ biết thấp hương cầu nguyện chư Phật, Bồ-tát phù hộ cho anh. Đêm nằm một mình, nhớ những kỷ niệm thời gian khó với người anh họ mà chảy nước mắt. Còn nhớ những năm 80 thế kỷ trước, lúc đó do hoàn cảnh khó khăn, tôi xin

chuyển công tác về quê, tôi có một căn nhà nhỏ bằng cây, muốn chờ về để cất lại ở mà không biết phải làm sao, anh biết được, tự đi mượn một chiếc ghe chèo, một mình chèo đến nơi tôi ở rồi cùng tôi khuôn hết căn nhà đó xuống ghe, chèo mười mấy tiếng đồng hồ mới về tới, xong lại giúp tôi dựng lại căn nhà, trả tiền công, anh không lấy, nói thương em nghèo khó nên giúp. Tôi cảm ơn anh từ chối không nhận mà nước mắt rưng rưng, anh ấy có khá gì hơn so với tôi, thế mà...

Mấy tháng sau, nghe tin anh đã khỏe lại, sắp về quê để trị bệnh theo y học cổ truyền vì điều trị Tây y rất tốn kém mà bệnh không đỡ, bác sĩ Mỹ phải cho uống cả thuốc giảm đau nhóm gây nghiện liều cao mà anh vẫn không bớt những cơn đau, co giật dữ dội hành hạ. Bác sĩ ở đó bảo anh ngoài chấn thương sọ não, còn bị thoái hóa toàn bộ một bên các đốt sống trong người. Có lẽ đó là do những cực khổ mà anh đã phải trải qua suốt mấy chục năm trời.

Tôi đến thăm khi anh về ở nhà mẹ ruột được một ngày, vừa bước vào, tôi nhìn thấy anh mệt mỏi nằm trên chiếc ghế bố, màu da trắng bệch do nhiều ngày không ra nắng. Thấy tôi, anh nhồm dậm chào rồi nhăn mặt vì đau, xin phép nằm trở lại. Anh bảo, về quê thấy khỏe hơn, chứ ở bên mệt và đau nhiều lắm; khi lên xuống máy bay, nhân viên hàng không phải đẩy anh bằng xe lăn; tính về đây uống thuốc Nam xem sao vì uống thuốc Tây hoài mà không bớt, uống thuốc giảm đau có chứa chất gây nghiện, con người cứ mê mê, tỉnh tỉnh, khó chịu vô cùng. Dù là thầy thuốc Tây y nhưng tôi cũng ủng hộ dự định của anh vì việc bác sĩ Tây y mà chỉ định dùng thuốc gây nghiện là bệnh rất trầm trọng, có thể nói là bó tay mới dùng loại thuốc độc hại đó. Tôi ân cần nắm lấy tay anh, bảo, lúc trước, anh về tôi ít thăm viếng vì anh nhậu tối ngày, chuyến này về trị bệnh, chắc hết nhậu rồi, tôi sẽ tới lui thăm và lo cho anh. Anh nắm chặt tay tôi, mắt như nhòe lệ.

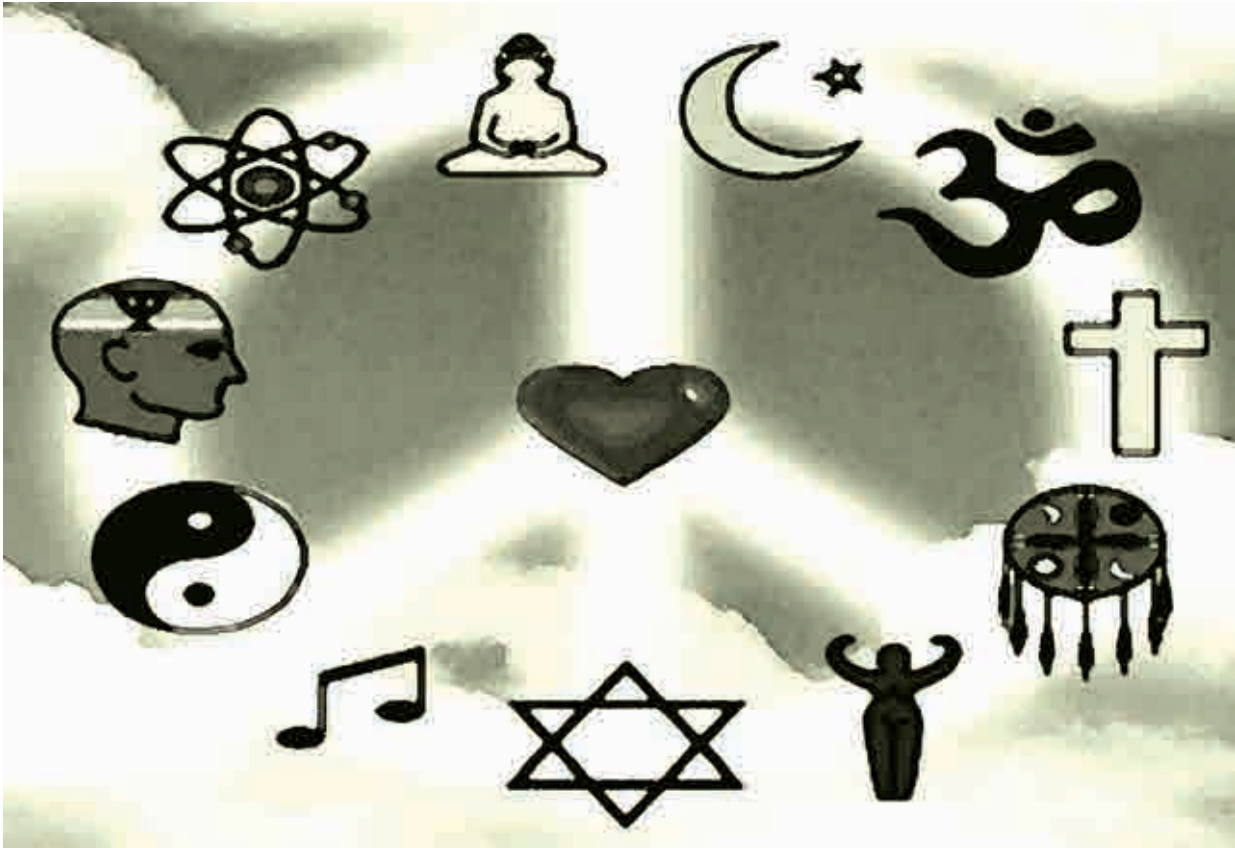
Tôi đã bàn bạc và đưa anh đến một ngôi chùa trong xã nhà chuyên trị thuốc Nam miễn phí cho dân ở địa phương và các nơi khác đến, chùa này rất có uy tín với dân chúng vì trị hết nhiều bệnh ngặt nghèo, đồng thời còn dung chứa những bệnh nhân già không thân quyến nuôi dưỡng. Nhờ quen biết với sư cô trụ trì đã lâu vì tôi thường xuyên đến chùa để cúng dường và hỗ trợ thuốc Nam (do tự tay mình đi thu gom được) nên việc đăng ký điều trị rất thuận lợi. Hàng ngày ngoài uống thuốc Nam, anh còn được châm cứu và hướng dẫn tập vật lý trị liệu. Những ngày đầu, tôi đưa anh đến chùa; về sau, khi sức khỏe phục hồi dần, anh và vợ anh tự đến chùa để điều trị tiếp. Và điều kỳ diệu đã xảy ra, chỉ với những cây, vị thuốc đơn giản, cùng các biện pháp hỗ trợ khác, trải qua một thời gian ngắn, sức khỏe của anh ngày càng tốt lên, những cơn đau hầu như biến mất, anh có thể tự đến chùa để được điều trị mà không cần người đưa đón nữa, đồng thời tôi lại cảm nhận có một sự biến chuyển lớn trong tâm hồn anh sau một thời gian tới lui nơi ngôi chùa này.

Một hôm, sau giờ làm việc, tôi tới chùa tìm thì thấy anh một mình đang lặng lẽ quỳ lạy Phật trong chánh điện. Nhìn anh lạy mà lòng tôi xúc động lạ thường; bởi thân cận từ nhỏ, tôi biết tánh anh, không tin gì cả, chỉ tin vào bản thân, chỉ có bàn tay và trí óc của ta mới giúp ta thôi, anh thường bảo như thế. Nay với nét mặt thành kính nhìn, lạy tượng Phật, tôi hiểu đã có một niềm tin mãnh liệt hiện hữu trong anh. Có lẽ, do được điều trị bệnh có hiệu quả ở chùa, kết hợp được tiếp xúc với Phật pháp qua những lời nói, việc làm và lời dạy bảo nhẹ nhàng của quý sư cô, cùng những kinh sách, băng, đĩa mà anh được đọc, nghe lúc rảnh rỗi đã như cơn mưa thấm nhuần tâm hồn vốn khô cằn vì khổ nạn triền miên của anh. Trong tháng đó, anh cùng vợ đã quy y Tam bảo tại ngôi chùa này.

Với khả năng tài chính của mình, anh đã giúp rất nhiều cho chùa để phục vụ việc tu tập và sinh hoạt của chư Ni, Phật tử, những người phục vụ việc điều trị miễn phí cho bệnh nhân. Có lần anh bảo với tôi, điều trị ở đây không tốn kém mà lại có hiệu quả, chẳng bằng ở bên, mỗi đợt điều trị tốn tiền nhiều lắm. Một hôm, anh lại báo cho tôi biết đã quyết định hiến tặng cho chùa bốn công đất ruộng để dành "hộ thân" của mình; số đất đó anh có được do ông bà để lại, khi đi Mỹ định cư, anh không bán mà nhờ người em quản lý, canh tác hưởng huê lợi, phòng khi về già nếu muốn hồi hương thì anh có sẵn đất cất nhà và canh tác. Anh trầm tư nói, Phật dạy, mạng người ngắn trong một hơi thở, thở ra không thở vào được là dứt, anh cũng đã mấy lần sắp bước vào cửa tử lúc chiến tranh, rồi tai nạn chấn thương tới nút sọ, mê man mấy ngày, nếu không có phần, có phước thì đã xanh cỏ rồi. Ngẫm lại, để của cải, đất điền sao bằng để cái phước phòng thân cho mình và cho con cháu về sau. Nói là làm, anh bàn bạc với người em ruột, nhanh chóng hoàn thiện chứng từ hiến đất cho chùa. Anh nói với sư cô trụ trì, mong muốn đất anh hiến được dùng để trồng thuốc Nam cung cấp cho bệnh nhân nghèo. Sư cô thay mặt chùa và bệnh nhân cảm ơn và hứa sẽ thực hiện theo ý của anh.

Khi gần đến ngày đi, anh tổ chức một buổi tiệc nhỏ, không nhậu nhẹt, chỉ dùng chút ít bia, trong buổi tiệc anh hát bài *Quê hương* để tặng mọi người. Nghe anh hát xong, tôi vỗ tay khen, đi lâu vậy mà vẫn nhớ bài này à. Anh hãnh diện trả lời, sao lại quên được, khi làm lễ nhận quốc tịch Mỹ, lúc tuyên thệ nguyện trung thành với Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, sau mỗi điều tuyên thệ, anh của chú luôn nhắc trong lòng, "nhưng tao vẫn là người Việt Nam", giống như Galile nói câu thông, "nhưng mà trái đất vẫn quay". Nghe anh ấy so sánh mà tôi bật cười...

... Trời hừng sáng, xe chúng tôi đã lên giữa cầu treo Rạch Miễu, sắp về tới quê Bến Tre rồi. Mặt trời rực rỡ nhô lên từ phía chân trời, xua dần những đám mây đen đang vẫn vũ... Giống như cuộc đời của anh họ tôi đã có sự thay đổi diệu kỳ, ánh sáng Phật pháp đã và đang chiếu rọi, quét tan những u tối của một mảnh đời lắm nỗi truân chuyên. ■



# Đạo Phật và các tôn giáo khác

ROBERT BOGODA  
TRẦN HỮU THIÊN dịch

**P**hật giáo là một hệ thống huấn luyện tuân tự về trí tuệ và đạo đức với mục đích là đạt tới Niết-bàn, trạng thái hạnh phúc cao nhất. Phật giáo được xây dựng trên nguyên lý nhân quả – luật nhân quả trong lãnh vực đạo đức, nghĩa là trong phạm vi hành động của con người. Trên hết, đó là con đường giải thoát khỏi mọi đau khổ, một mục tiêu cần phải đạt được bằng cách trau dồi Bát chánh đạo trong ba giai đoạn Giới, Định và Tuệ.

Tôn giáo nói chung đặt ra những giới hạn tổng quát về đạo đức mà dựa vào đó con người phải tuân theo trong cuộc sống hàng ngày của họ. Tôn giáo nêu lên những quy tắc về nhiều vấn đề như việc tôn trọng cuộc

sống của kẻ khác, tình trạng rượu chè say sưa, các luật lệ liên quan đến hôn nhân hay ly dị, và những phương tiện sinh sống... Như vậy, đối với tín đồ, tôn giáo sẽ làm biến đổi toàn thể thái độ của một con người về những điều như sinh nở, giới tính, gia đình, cái chết và đời sau. Sự vi phạm luật lệ tôn giáo đưa đến cảm giác phạm tội; cho nên, tôn giáo mà một người tin theo có một ảnh hưởng sâu xa, định hình toàn thể quan điểm của một người về cuộc đời cũng như mọi thái độ của người ấy, cho dù theo những đường lối lành mạnh hay độc hại.

Dựa vào bối cảnh đó, chúng ta hãy xét xem giáo lý của Đức Phật có liên quan như thế nào với các tôn giáo khác. Như vừa nêu, con đường đưa người Phật tử

đi tới Niết-bàn chính là Bát chánh đạo. Câu hỏi được đặt ra là, ngoài Bát chánh đạo, con người có thể đạt tới trạng thái Niết-bàn hay không, có thể trở thành một vị thánh A-la-hán hay không? Câu trả lời của Đức Phật đối với thắc mắc của du sĩ ngoại đạo Subhada ngay trước lúc Ngài nhập Vô dư y Niết-bàn làm sáng tỏ điều mà chúng ta đang băn khoăn. “Này Subhada, trong bất kỳ giáo pháp nào mà ở đó có Bát chánh đạo, thì ở đó cũng có bậc thánh Nhập lưu, có bậc thánh Nhất lai, có bậc thánh Bất lai và có bậc thánh A-la-hán. Một vị A-la-hán là một bậc thánh hoàn hảo. Trong bất kỳ giáo pháp nào khác mà ở đó không có Bát chánh đạo, ở đó chỉ có những vị tương tự như các bậc thánh”. (*Tụng phẩm V, kinh Đại Bát Niết-bàn, Tuyển tập Trường bộ*). Vì Bát chánh đạo chỉ được tìm thấy trong Phật giáo, theo chính lời Đức Phật, “những giáo pháp khác thiếu vắng những bậc thánh chân chính”.

Cho nên, bất kỳ người nào nói rằng mọi con đường tâm linh đều dẫn đến cùng một đỉnh cao nhất và cái thấy từ cái đỉnh cao nhất ấy là đồng nhất với tất cả, thì những người ấy hoàn toàn lầm lẫn. Lý do thật đơn giản: Đức Phật thấy được bản chất thực của vạn pháp một cách rõ ràng và trọn vẹn bằng tuệ giác siêu thế độc lập của chính Ngài – trạng thái Chánh đẳng Chánh giác của Ngài – và vì thế giáo pháp của Ngài là sự phản ánh chính xác của thực tại; trong khi các bậc đạo sư của các tôn giáo khác chỉ có một cái nhìn bất toàn về thực tại, với những cặp mắt bị che mờ bởi những hình thái và những mức độ vô minh khác nhau. Tuy vậy, điều đó không hàm ý là Phật giáo khắt khe đối với các tôn giáo khác. Chẳng những chính Đức Phật không bao giờ áp đặt hệ thống tư tưởng của mình hay lối sống của mình trên bất kỳ người nào không tự nguyện chấp nhận hệ thống tư tưởng hay lối sống ấy, mà ngay cả những đệ tử của Ngài cũng vậy. Chấp nhận là vấn đề hoàn toàn tự nguyện. Ngay cả khi đã chấp nhận, ai thực hành đến mức nào vẫn là trách nhiệm của chính người ấy. Nhưng, bất kể cái khuynh hướng cá nhân của một người là như thế nào, những quy tắc đạo đức phổ quát vẫn vận hành một cách khách quan: hành động mang lại nghiệp, có nhân thì có quả. Đức Phật chỉ hé lộ cho thấy những quy luật ấy của cuộc sống, và chúng ta càng thành tâm tin theo những quy luật đó chừng nào thì việc đó chỉ mang lại những điều tốt đẹp hơn cho chúng ta, cho nên chúng ta quyết tâm hành động phù hợp với giáo pháp của Đức Phật. Cái chính sách hòa bình mang tính bao dung và không ép buộc ấy, đặc điểm của giáo pháp của Đức Phật, sản sinh một phần bởi lòng từ bi và một phần bởi sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của con người cũng như bản chất của chân lý. Nếu có ai đó không thấy rõ được phẩm chất cao quý của giáo pháp thì người đã thấy rõ phẩm chất ấy có bổn phận giúp người khác thấy. Nhưng người đã thấy phải dừng ngay tại đó: không ai được phép cưỡng

buộc người khác hoặc ngược đãi những người từ chối chấp nhận những niềm tin của chính mình. Tuệ giác, khả năng thấy được sự vật như chúng là, không thể bị áp đặt lên người khác từ bên ngoài. Nó phải tăng trưởng từ nội tâm của một con người, nhờ vào việc phát triển sự miễn nhiễm và sự thanh lọc bản chất của con người. Điều đó đòi hỏi thời gian. Vào bất kỳ thời đại nào, cũng chỉ có một số ít người có khả năng đánh giá, hiểu biết và thực hiện một cách chân thực giáo pháp của Đức Phật; vì lẽ loài người có những khác biệt rất lớn về những khả năng tâm linh, đạo đức và trí tuệ của họ. Cho nên, việc cải đạo vô nguyên tắc không bao giờ được nghe nói tới trong Phật giáo.

Tuy nhiên, tính khoan dung của Phật giáo cũng không hề có nghĩa là sự lãnh đạm, thờ ơ. Điều ấy chỉ thể hiện một sự diễn dịch sai lầm về tính khoan dung Phật giáo. Khi những phát biểu sai lạc về Phật giáo được nêu lên bởi những người đương thời, bậc Đạo sư luôn ân cần phủ chính. Đến mức Ngài còn phải tấn xuất người em họ Devadatta của mình khỏi Tăng-già khi hoàn cảnh đòi hỏi điều đó để duy trì sự thanh tịnh của giáo pháp và sự thống nhất của Tăng đoàn. Thế nhưng Đức Phật vẫn là hình mẫu hoàn hảo của lòng từ bi và sự bao dung. Tương tự như thế, các Tỷ-kheo và hàng cư sĩ Phật tử cũng phải luôn luôn quán sát và học tập Đức Phật. Nếu không, họ sẽ ở vào tình trạng thiếu sót và trong trường hợp đó thì chỉ riêng họ là đáng trách.

Ngày nay, có vô số những đề nghị khác nhau được nêu lên để xây dựng một hệ thống tôn giáo bao gồm tất cả; các quan điểm đó thường chỉ đơn giản là thu góp mọi tôn giáo khác vào một tôn giáo nào đó. Tuy nhiên, một nhận thức tôn giáo phổ quát không bao giờ có thể được tạo lập bởi vì:

1. Những tôn giáo khác nhau vẫn có những quan niệm căn bản hoàn toàn khác nhau về thực tại.

2. Các khái niệm và nội dung của một đời sống thánh thiện rất khác biệt giữa các tôn giáo; đối với người Phật tử, điều thánh thiện có một ý nghĩa; đối với người tín hữu Thiên Chúa giáo, điều thánh thiện có ý nghĩa khác; và đối với một tín đồ Hồi giáo, điều thánh thiện lại mang một ý nghĩa khác nữa.

3. Không một tín đồ của một tôn giáo nào muốn tôn giáo của mình bị hấp thu vào một tôn giáo khác. Chẳng phải cái gốc rễ sâu kín trong bản chất con người là tin rằng không có một tôn giáo nào trong thế giới có thể so sánh được với tôn giáo của mình hay sao?

Xét về Phật giáo một cách cụ thể, và đi vào chi tiết, thì đó là trường hợp duy nhất, một hệ thống giáo lý khác hẳn mọi tôn giáo khác trong thế giới. Đạo Phật giảng dạy về nguyên lý duyên khởi và việc cắt đứt dòng duyên khởi đó bằng nỗ lực của con người; chính sự tham ái tạo nên đời sống chứ không phải là một vị Thượng đế sáng tạo; một sinh thể không hề có bản



ngã; sự tiến hóa cá nhân chỉ phụ thuộc vào việc làm hay là nghiệp của chính người ấy; luật nhân quả dựa trên những giá trị đạo đức và trách nhiệm đạo đức; ý chí tự do không có giới hạn và cùng với đó là khả tính của một cuộc sống hiền thiện; sự tồn tại sau khi chết bởi sự tương tục của một dòng sống cá nhân mà không hề có sự tái sinh của một linh hồn bất tử không biến đổi được; và một thực tại siêu việt (Niết-bàn) có thể thực hiện được ngay tại đây và bây giờ chỉ bằng sự nỗ lực của chính từng con người. Như vậy, có những khác biệt lớn lao không thể vượt qua giữa Phật giáo và những tôn giáo toàn cầu khác, những nền triết học tâm linh khác. Cái cố gắng đi tìm một mẫu số chung giữa những điều hoàn toàn không có gì chung, hoặc điều chỉnh giáo pháp của Đức Phật để cho giáo pháp ấy không khác biệt với những tôn giáo khác, chắc chắn phải thất bại. Cố gắng đó chỉ có thể kết thúc bằng việc làm giảm giá trị giáo pháp của Đức Phật hoặc trong sự tiêu hủy hoàn toàn giáo pháp ấy bởi một sự hấp thụ không đau đớn.

Ý niệm về một tôn giáo phổ quát là không thực tế và không thể thực hiện được, chỉ là một ảo tưởng và một niềm tin sai lạc vu vơ. Ngược lại, gần 2.600 năm qua, Đức Phật đã đưa ra một phương cách khác để các tôn giáo có thể liên kết lại với nhau dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và vẫn duy trì được căn tính của từng tôn giáo. Để thực hành điều này, người ta không cần phải trở thành một Phật tử. Phương cách này vừa thực tiễn, vừa có hiệu quả và không gây ra bạo lực hoặc chống đối với bất kỳ người nào; thay vào đó, con người chỉ cần nuôi dưỡng thường xuyên bốn thái độ đạo đức và xã hội căn bản:

1. Từ: cảm tưởng thân thiện của sự yêu thương đối với tất cả mọi con người không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tín ngưỡng.

2. Bi: lòng thương xót đối với tất cả những con người đang đau khổ và việc thực hiện những bước thực tiễn bất kỳ lúc nào có thể được để xóa bỏ hoặc làm giảm bớt những điều đau khổ ấy.

3. Hỷ: niềm vui vị tha, sung sướng trước hạnh phúc của người khác, trước những thịnh vượng và thành công của người khác; nhờ vậy mà xóa bỏ được những

cảm giác ghen tỵ và sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các cá nhân và các cộng đồng.

4. Xả: lòng thanh thản, việc duy trì một tâm bình thản trước mọi thăng trầm của cuộc đời.

Bằng cách thực hành hàng ngày những điều trên, một con chiên Thiên Chúa giáo trở thành một con chiên Thiên Chúa giáo tốt hơn, một tín đồ Hồi giáo trở thành một tín đồ Hồi giáo tốt hơn, một tín hữu Ấn giáo trở thành một tín hữu Ấn giáo tốt hơn. Tất cả những phẩm chất đó chuyên chở một thông điệp phổ quát khiến cho những người thực hành những điều ấy là những con người phổ quát. Một điều chắc chắn, đó chính là chủ thuyết phổ biến về tôn giáo tuyệt vời nhất.

Đó là phương cách thỏa đáng nhất cho việc sống hòa hợp với mọi người thuộc mọi niềm tin tôn giáo, nuôi dưỡng thiện chí liên tôn và tránh được mọi mâu thuẫn tôn giáo. Bằng việc theo đuổi chính sách này gần 2.600 năm qua, trong Phật giáo chưa bao giờ xảy ra chiến tranh tôn giáo. Đó cũng là phương pháp tốt nhất để liên kết giáo pháp của Đức Phật với những tôn giáo khác.

Phật giáo, xin nhắc lại, là duy nhất, một tôn giáo hoàn toàn khác với tất cả những tôn giáo khác trên thế giới. Trong khi vẫn duy trì được bản sắc riêng của mình suốt mọi thời đại, Phật giáo vẫn chung sống hòa bình với mọi tôn giáo khác, theo đuổi một chính sách *tôn tại và để mọi người cùng tôn tại*. Một chính sách như vậy trong quá khứ đã mang lại những lợi lạc vô cùng lớn cho tất cả mọi tôn giáo và sẽ tiếp tục cung hiến lợi lạc trong tương lai. Mọi Phật tử cần nhớ điều này để mang lại điều tốt cho giáo pháp của Đức Phật và sự thịnh vượng cho toàn thể loài người. ■

Nguồn:

*Buddhism and Other Religions*, trích trong *Buddhist Culture, The Cultured Buddhist*, <http://www.accesstoinight.org/lib/authors/bogoda/bl139.html>.

Robert Bogoda là một nhà giáo người Sri Lanka, nhờ tự học, ông có được các học vị Bachelor of Science và Master of Science tại University of London, chuyên ngành Quản trị Xã hội. Sau khi về hưu, ông theo đuổi các đề tài về Phật giáo và phúc lợi xã hội. Tác phẩm của ông được công bố bởi Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

# Nước của những người chưa bao giờ khuất phục

**H**òa bình luôn là ước mơ của mọi con người, mọi dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc Việt Nam. Mấy nghìn năm lịch sử, Tổ quốc chúng ta “bao phen chồn ngựa đá”, bao lần khói lửa chiến chinh giày xéo non sông, bao lần nhà tan cửa nát, bao người ngã xuống vì Tổ quốc, vì nền hòa bình. Máu và nước mắt đã đổ xuống hàng nghìn năm nay để giữ lấy độc lập, tự do; giữ lấy từng tấc đất thiêng liêng. Tổ quốc trên hết, dân tộc trên hết và hòa bình trên hết. Chúng ta phải xác tín điều đó để tồn tại trong thế giới đầy những tham vọng và hiểm nguy khi bước qua thế kỉ XXI này. Và giờ đây, Tổ quốc chúng ta ở Biển Đông đang ngày đêm moi ngóng những người con yêu nước trong bối cảnh lịch sử mới. Nơi ấy, người hàng xóm khổng lồ Trung Quốc luôn nhòm ngó thòm thèm, muốn giựt lấy để thỏa mãn những toan tính tham lam của họ. Xâm chiếm Biển Đông là cả một chiến lược mà Trung Quốc thực hiện từ nửa sau thế kỉ XX đến nay và ngày càng đẩy tình hình căng thẳng, nghiêm trọng.

Mới đây nhất, ngày 2/5/2014, Trung Quốc đơn phương đặt giàn khoan HD-981 xâm phạm vùng biển hợp pháp thuộc chủ quyền của Việt Nam, trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam tại tọa độ 15°29'58" vĩ Bắc – 111°12'06"

kinh Đông, vào sâu trong thềm lục địa của Việt Nam 80 hải lý, cách đảo Lý Sơn 119 hải lý, cách bờ biển Việt Nam 130 hải lý, nhằm tiến hành khoan thăm dò trái phép. Hành động này của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, vi phạm luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 mà Trung Quốc là quốc gia thành viên, đi ngược lại Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ giữa hai nước và làm tổn thương tình cảm hữu nghị vốn có giữa nhân dân hai nước. Chính phủ và người dân Việt Nam đã lên tiếng phản đối hành vi bất chấp luật pháp quốc tế, hành vi phi nghĩa của Trung Quốc. Những khẩu hiệu đã giương lên, nhiều người xuống đường, cực lực phản đối hành vi “không thể chấp nhận được của Trung Quốc”.

Trong diễn biến trên Biển Đông, Trung Quốc sẵn sàng bỏ ra hàng triệu USD mỗi ngày để duy trì giàn khoan HD - 981 có trị giá hơn 1 tỷ USD và lực lượng tàu bè bảo vệ. Chúng ta có thể nhận thấy rằng quyết định triển khai giàn khoan đường như là một “quyết định chính trị” chứ không phải là “quyết định kinh tế”. Đó là biểu hiện mới trong các bước





Nguồn: vi.wikipedia.org

## LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

thực hiện ý đồ độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc, một dấu mốc lớn để khẳng định chủ quyền của họ. Trung Quốc đã huy động số lượng lớn tàu hộ tống đi cùng, trong đó có cả tàu quân sự, tàu hộ vệ tên lửa. Các tàu này đã cố tình đâm va vào các tàu thực thi pháp luật - tàu cảnh sát biển và tàu kiểm ngư - của Việt Nam đang hoạt động chấp pháp tại vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, gây thiệt hại về tài sản, đe dọa nghiêm trọng tính mạng những người thi hành nhiệm vụ của Việt Nam. Việc đặt giàn khoan HD-981 đồng thời cũng tuyên bố sự hiện diện của các tàu quân sự có mặt trên biển trong vùng lãnh hải thuộc chủ quyền Việt Nam là một tiền lệ chưa từng có trong các tranh chấp những năm gần đây trên Biển Đông. Trung Quốc đang sử dụng chiêu bài "trơ lì" và lấn tới để đòi hỏi các chủ quyền vô lý của mình trên biển bằng hành vi bạo lực.

Hành động đơn phương vừa qua của Trung Quốc tại Biển Đông là một sự leo thang đáng lo ngại, đã làm căng thẳng lên tình hình khu vực. Giàn khoan khổng lồ HD-981 đánh một dấu mốc lớn của chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc ở Biển Đông, một sự tiếp nối có chủ đích sau đường lưỡi bò 9 đoạn, thành phố Tam Sa... Qua hành động này, chúng ta nhận thấy rằng tham vọng của Bắc Kinh là vô cùng lớn và sẽ đi xa hơn nữa theo cách riêng bất chấp luật

pháp quốc tế và uy tín quốc gia của họ, mà mục đích cuối cùng là độc chiếm Biển Đông, khu vực tranh chấp và là một "khoảng trống quyền lực" lớn ở Đông Nam Á. Một lần nữa, chủ nghĩa Đại Hán với tham vọng bá quyền thật sự là nỗi lo lớn không chỉ của đất nước chúng ta, mà cả thế giới. Họ đặt giàn khoan HD-981 vào Biển Đông khi chúng ta đang kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc, và Nga - Mỹ đang căng thẳng vấn đề Ukraina... một cách rất có tính toán. Những ngày qua, dư luận trong nước và quốc tế lên án hành động bất chấp luật pháp của Trung Quốc. Chúng ta cảm thấy rất xúc động khi đồng bào đồng bào yêu nước đã xuống đường, mítting phản đối Trung Quốc ở trong nước và nước ngoài. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải đoàn kết nhau lại, thấp sáng tinh thần dân tộc để chống lại "loài bạch tuộc đi hoang trên biển" ngày đêm ôm tham vọng chiếm trọn Biển Đông. Chúng ta phải đoàn kết, mạnh mẽ lên tiếng phản đối và sẵn sàng đáp trả mọi hành động và ý đồ ngang ngược của Trung Quốc, gìn giữ bằng mọi giá phần máu thịt thiêng liêng của Tổ quốc.

\* \* \*

Lịch sử ghi nhận rằng, đứng đầu thế giới là giấc mơ trăm năm của Trung Quốc, tiếp nối nhau duy trì lý tưởng ấy từ Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Thứ chủ nghĩa mà họ cổ xúy chính là chủ nghĩa đứng đầu thế giới. Người Trung Quốc cho rằng, đã đến thời đại Trung Quốc "mở mày mở mặt" với thế giới, thời đại "quan niệm giá trị Trung Quốc" định hướng thế giới. Họ xác định rằng, "muốn trời dậy hòa bình cần trời dậy quân sự". Chính thứ chủ nghĩa dân tộc, nước lớn của Trung Quốc đã làm nóng lên tình hình khu vực và thế giới trong bối cảnh hiện tại.

Do đó, có thể nói rằng đường lối đối ngoại của Trung Quốc trong tiến trình lịch sử hiện đại là một thứ đường lối khá giả hoạt, đánh tráo giá trị lịch sử và hiện trạng dân tộc. Năm 1924, Tôn Trung Sơn đã nói rõ lý lẽ của dân tộc Trung Quốc trong "chủ nghĩa Tam dân" với nền hòa bình thế giới, rằng: "... *dùng sức mạnh của dân tộc để bênh vực kẻ yếu trên thế giới, đây mới được coi là sứ mệnh của chúng ta*". Sau này, Mao Trạch Đông từng tuyên bố trước Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1962 về cách ứng xử của ông trước quốc tế: "*Đất nước của chúng tôi là quốc gia chủ nghĩa xã hội, không phải là quốc gia chủ nghĩa tư bản, vì thế một trăm năm hay một vạn năm, chúng tôi cũng không xâm lược kẻ khác*". Nhưng Mao Trạch Đông đã quên các hành vi xâm lấn biên giới Ấn Độ (1962), xung đột quân sự với Liên Xô (1962, 1969) đổ không ít máu và câu nói đầy kiêu mạn vào năm 1965: "*Chúng ta phải giành lấy cho được Đông Nam Á... gió Đông thổi bạt gió Tây*". Một trong những tàn phá lớn nhất dưới thời Mao là xâm lược Tây Tạng (1950), sáp nhập vùng đất thiêng này vào chế độ thực dân kiểu Trung Quốc. Tây Tạng, nóc nhà nguyên thủy của Phật giáo bị xâm phạm và hủy hoại nghiêm trọng, một vết thương sâu sắc trong văn minh thế giới. Sau này, Đặng Tiểu Bình vào ngày 29/5/1984 đã phát biểu: "*Trung Quốc vĩnh viễn không xung*

bá, vinh viễn không ức hiếp kẻ khác". Khi đó, Đặng Tiểu Bình đã quên cuộc chiến biên giới Việt Trung (1979), mà không ai khác chính Trung Quốc là kẻ đi xâm lược.

Với một nước lớn như Trung Quốc, việc sử dụng những quy luật chính trị để gìn giữ sự tồn vong của một chính thể được họ nắm vững và áp dụng một cách triệt để; trong đó, việc đưa mâu thuẫn, khó khăn đất nước ra bên ngoài với một kẻ đối đầu cụ thể là việc được thực hiện nhiều lần trong lịch sử. Chúng ta không thể quên được cuộc xâm lược của nhà Tống vào nước ta năm 1076 - 1077, xuất phát từ sự bất ổn của triều đình nhà Tống. *Tân pháp* Vương An Thạch chủ trương xâm lược nước Việt để lấy lại sự cân bằng cho Đại Tống bằng một cuộc chiến. Nhưng họ đã "bị đánh tới bời" bởi đạo quân Lý Thường Kiệt uy dũng. Cuộc chiến năm 1979 do Đặng Tiểu Bình chủ trương "dạy cho Việt Nam một bài học" cũng không nằm ngoài quy luật đó. Và họ đã trả giá đắt cho cuộc chiến kéo dài gần một tháng này. Đường như đó là một định mệnh với "người hàng xóm nhiều tật xấu" để rồi cho đến hôm nay Trung Quốc vẫn chưa từ bỏ những ý đồ xâm phạm chủ quyền lãnh hải, lãnh thổ của các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam.

Nhưng chúng ta nên nhớ rằng, Trung Quốc là một quốc gia có truyền thống lục địa, bằng chứng là trước cuộc chiến tranh Nha phiến với Anh (1840), Trung Quốc luôn đặt vấn đề quốc phòng hàng đầu là giữ vững nền an ninh lãnh thổ tại lưu vực lưỡng hà Hoàng Hà - Trường Giang, xem đó là sự sống còn của dân tộc Trung Hoa. Từ khi lập quốc đến nay, Trung Quốc chưa bao giờ được gọi là đế quốc biển. Sự thiếu vắng truyền thống lịch sử này chính là một rào cản lớn cho một nước lớn có tham vọng hướng biển như Trung Quốc hiện nay. Sự cách biệt này nếu so với tiến trình xác lập chủ quyền biển của các nước phương Tây hãy còn cách một khoảng lớn. Những tên tuổi như Trịnh Hòa, hạm đội Bắc Dương chỉ là những đốm mờ nhạt trong lịch sử hàng hải thế giới.

Cho đến lúc này, Trung Quốc vẫn đặt sự toàn vẹn của quyền lợi lục địa hơn là những mối bận tâm khác như quyền lợi biển. Giữ gìn đại lục là chiến lược muôn đời của Trung Quốc. Một nhà nghiên cứu chiến lược Trung Quốc, Lưu Minh Phúc, giảng viên Đại học Quốc phòng Bắc Kinh, nhận định rằng: "*Văn hóa chiến lược của Trung Quốc luôn là một dạng văn hóa bảo vệ lục địa theo mô hình phòng ngự, chứ không phải giành giật quyền lực biển theo mô hình tấn công. Điều này đã quyết định tính khu vực, tính lục địa, tính hướng nội của tính cách quốc gia Trung Quốc*"<sup>2</sup>. Hiện tại, Trung Quốc đối mặt hàng chục vấn đề nội chính như sự bất ổn chính trị trong nội bộ lãnh thổ, các vùng tự trị Tây Tạng, Tân Cương, các cuộc khủng bố, sự chia rẽ trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, tình trạng tham nhũng, sự phân hóa giàu nghèo và đặc biệt là tình trạng ô nhiễm môi trường đe dọa sức khỏe và tự nhiên... Hàng chục vấn đề đối ngoại cũng làm Bắc Kinh đau đầu như: tranh chấp lãnh hải với Nhật Bản, vấn đề Đài Loan, vấn đề Biển Đông,

tranh giành ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực và thế giới, hàng hóa Trung Quốc bị quốc tế tẩy chay...

Trung Quốc do vậy đang đứng trước những bờ vực, những nguy cơ tiềm ẩn đe dọa sự tồn tại của một chính thể thống nhất. Những hành động của Bắc Kinh vì thế rất thận trọng, lèo lái theo cách an toàn nhất để bảo toàn cục diện. Họ muốn chuyển những mâu thuẫn ở đại lục ra bên ngoài để đoàn kết khối thống nhất trong nước. Tổ chức Khủng hoảng quốc tế (International Crisis Group ICG) công bố báo cáo khẳng định Trung Quốc liên tục có các hành vi gây hấn trên Biển Đông và Biển Hoa Đông không chỉ để đòi chủ quyền vô lý mà còn nhằm "chuyển lửa ra bên ngoài". Những hành động khiêu khích ở vùng biển tranh chấp với Nhật Bản, Việt Nam và các nước khác là cả một chiến lược để kích động tinh thần dân tộc của họ. Và cũng cần nhớ câu của Niccolò Machiavelli: "*Số phận cũng vậy thôi, sẽ thể hiện sức mạnh tàn bạo khi không gặp sự kháng cự; và số phận sẽ tấn công những nơi nó biết không hề đáp đề hay đào kênh*"<sup>3</sup>.

Chúng ta phải cảnh trọng trước các hành động khiêu khích của Trung Quốc, nhất là những hành động đang diễn ra trên Biển Đông, để tránh mắc phải một "mê lưới giăng sẵn". Bắc Kinh thường tận dụng những cơ hội "nóng" để làm những điều họ muốn. Điều cần thiết bây giờ là thời gian để đấu tranh theo đường lối hòa bình, đồng thời tích cực xây dựng lực lượng, xây dựng đất nước giàu mạnh, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống. Toàn thể nhân dân Việt Nam sát cánh đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước gìn giữ chủ quyền đất nước, chủ quyền biển, duy trì đường lối đấu tranh hòa bình để giữ vững sự ổn định của đất nước. Chúng ta hãy tin tưởng vào sức mạnh dân tộc, lòng yêu nước đã "bao phen nhấn chìm bè lũ cướp nước và bán nước". Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng, Xương Giang, Tốt Động, Chúc Động, Đống Đa, Ngọc Hồi vẫn còn đó chiến công sáng ngời mà bè lũ Hoàng Thao, Hầu Nhân Bảo, Quách Quỳ, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã Nhi, Thoát Hoan, Liễu Thăng, Trương Phụ, Sầm Nghi Đống, Tôn Sĩ Nghị đã bỏ thây, khiếp vía.

"Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất" trước bất kì thế lực ngoại xâm bạo tàn nào. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Và luôn nhớ câu nói các bậc tiền nhân: "*Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác*" (vua Trần Nhân Tông); "*Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*" (Hồ Chí Minh) cho dù chúng ta phải đánh đổi bất cứ giá nào. ■

#### Chú thích:

1. Lưu Minh Phúc (2010), *Giấc mộng Trung Hoa*, Thông tấn xã Việt Nam, trang 195.

2. Lưu Minh Phúc (2010), *Sđd*, trang 194.

3. Lưu Minh Phúc (2010), *Sđd*, trang 190.

4. Niccolò Machiavelli, *Quân vương*, Nxb. Tri Thức, trang 187.

**Nguồn:** Tạp chí *Sông Hương*, số 304 ra tháng 6-2014.

# Điện Phước Linh

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

*Trong số các ngôi điện thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu ra đời khá sớm ở cố đô Huế thì Phước Linh là một trong những ngôi điện ít được nhắc đến. Song nó là một ngôi điện có vị trí và vai trò quan trọng trong tâm thức của những người có tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế. Điện Phước Linh tọa lạc tại ấp Dinh Thị Thượng, huyện Hương Trà (nay thuộc phường Phú Hiệp, thành phố Huế). Lúc đầu, ngôi điện này có tên là Cây Khói, cho đến năm 1955 thì bà Đoàn Huy Hoàng Thái hậu (bà Từ Cung Thái hậu) ban cho điện một bức hoành phi có những chữ "Sắc tứ Phước Linh điện" từ đó điện có tên là Sắc tứ Phước Linh*

## Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế: Theo dòng lịch sử...

Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt là một tập tục thờ cúng có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời ở Việt Nam. Trong quá trình mở mang bờ cõi, trong khoảng thời nhà Lý (thế kỷ XI), người Việt càng ngày càng tiến sâu hơn vào phần lãnh thổ phía Nam. Và tại đây đã diễn ra quá trình đồng hóa giữa người Chăm với người Việt. "... gần mười thế kỷ, ở vùng từ Huế đến Nha Trang đã diễn ra quá trình hòa đồng chủng tộc và hòa đồng văn hóa rất sâu sắc giữa người Chăm và người Việt. Trên bình diện đời sống tín ngưỡng tôn giáo đã thể hiện sự hòa đồng, hỗn dung và tiếp biến ấy". Tục thờ Mẫu như bắt gặp sự đồng điệu trong tâm hồn giữa hai dân tộc Việt - Chăm, với cùng quan niệm về đức Mẹ nhân từ, Mẹ là tất cả. Cùng là biểu tượng văn hóa nên dễ hội nhập, mẹ Chăm cũng như mẹ Việt đều được phụng thờ trong đời sống tâm linh của nhân dân. Ví thế, người Việt tôn thờ nữ thần Pô Nagar của người Chăm như một vị phúc thần, gọi Bà là Thiên Y A Na Thánh Mẫu, vừa linh thiêng vừa gần gũi. Huế có một vị trí rất đặc biệt trong sự giao thoa và chuyển tiếp của tục thờ Mẫu. Xét tổng thể cả về hệ thống thần linh và nghi thức thờ cúng, lễ hội, thì "ở Huế, tín ngưỡng thờ Mẫu nơi đây đã phân lập khái niệm Thiên phủ ra hai cõi: thượng thiên và trung thiên. Khái niệm Địa phủ lại được chuyển hóa thành khái niệm Thượng ngàn. Trung thiên được hiểu là cõi trời trung gian giữa cõi trời thượng thiên và thế gian"<sup>2</sup>.

Trong thời kỳ quân chủ phong kiến, nhất là từ thời Lê, do lấy tư tưởng Nho giáo độc tôn, nên thờ Mẫu bị xếp vào thứ đạo phi chính thống. Đến triều Nguyễn (1802 - 1945), các vị vua đều phong tặng cho Bà nhiều mỹ tự cao quý như "Thiên Y A Na Diễm Ngọc Thánh Phi", "Hồng nhan phổ tế linh ứng thượng đẳng thần"...; đặc biệt sau triều vua Đồng Khánh đến Bảo Đại thì tín ngưỡng thờ Mẫu được tôn sùng và đưa cuộc lễ hằng năm tại điện Hòn Chén vào hàng quốc lễ. Sử sách có chép, năm 1885, sau khi lên ngôi thay vua Hàm Nghi, vua Đồng Khánh đã cho tu sửa lại điện Hòn Chén và tự nhận mình là đồ đệ dưới trướng của bà Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Đây là một việc làm mà xưa nay chưa bao giờ có tiền lệ trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, bởi lâu nay, chỉ có vua, người đứng trên bách thần để phong thần, chứ chưa hề có ai tự nguyện để làm đồ đệ của thần. Theo truyền thuyết kể lại, chính bà



Thiên Y A Na đã cho hoàng tử biết ngày đăng quang và ngày tạ thế sau 3 năm. Sự thật đúng như lời tiên đoán của bà. Thấy linh nghiệm, sau khi lên ngôi, vua Đồng Khánh xây lại điện Hòn Chén khang trang, đổi tên ngôi điện là Huệ Nam điện (ban ân huệ cho nước Nam, vua Nam) để tỏ lòng biết ơn Thánh Mẫu. Tuy nhiên, vào những năm 60-80 của thế kỷ XX tín ngưỡng thờ Mẫu và hầu đồng có thời gian bị cấm vì bị coi là mê tín, dị đoan. Nhiều di sản vật thể của tín ngưỡng thờ Mẫu như đền, điện, phủ đã bị lãng quên, khi mà ở nước ta nhiều người cho rằng cần xóa bỏ tất cả những gì là văn hóa thuộc chế độ cũ - chế độ phong kiến - vì nó là lạc hậu, đi ngược lại và ảnh hưởng không tốt đến nền văn hóa đương đại.

Theo ông Lê Văn Ngộ, Trưởng ban Bảo trợ Di tích điện Huệ Nam: Trước năm 1975, tại Huế đã hình thành tổ chức "Hội Sơn Nam" (sau được đổi tên là "Hội Thánh - Mẫu Trung Việt" theo Nghị định 1981/NĐ/PC ngày 30/9/1953 của Thủ hiến Trung Việt. Đến năm 1974, "Hội Thánh - Mẫu Trung Việt" được đổi danh hiệu thành "Tổng hội Thiên Tiên thánh giáo" theo Nghị định 477/BNV/KS/14B ngày 27/9/1974. Ban Trị sự Tổng hội Thiên Tiên thánh giáo đặt trụ sở làm việc



tại điện Phước Linh (phường Phú Hiệp, thành phố Huế). Những người theo tín ngưỡng thờ Mẫu giải thích “*Thiên Tiên thánh giáo*” nghĩa là: “*Thiên*” là huyện Thiên Bản, “*Tiên*” là làng Tiên Hương, tức thôn Vân Cát, làng An Thái, là nơi giáng trần lần thứ hai của Liễu Hạnh công chúa. Hai chữ “*Thánh giáo*” thể hiện một nguyện vọng xin được chính quyền thừa nhận tín ngưỡng như một tôn giáo thiêng liêng. Sau đó, Tổng hội Thiên Tiên thánh giáo đã tích cực tham gia tổ chức lễ hội điện Hòn Chén vào dịp tháng Ba âm lịch hằng năm. Từ sau năm 1975, hội này tự giải thể và chỉ hoạt động xung quanh điện Hòn Chén.

Ngày nay, tín ngưỡng thờ Mẫu dần được phục hồi và phát triển, đóng góp rất lớn cho sự đa dạng, phong phú trong hệ thống tín ngưỡng đặc trưng của dân tộc. Tín ngưỡng này ngày càng có vai trò quan trọng, vì nó chứa đựng những giá trị lịch sử truyền thống, đạo đức, văn hóa sâu sắc. Đó là tâm thức “*uống nước nhớ nguồn*”, tôn vinh những người có công với dân với nước. Có thể nói rằng, tín ngưỡng thờ Mẫu đã trở thành một biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước, mà trong đó người Mẹ - Mẫu là nhân vật trung tâm. Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt cùng hệ thống các lễ hội cổ truyền, có giá trị nhân văn sâu sắc, có sức hút và đi vào đời sống, đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ các giá trị nghệ thuật, và trở thành những bảo tàng sống của văn hóa Việt Nam. Được biết sau hơn 1 năm soạn thảo, đến nay hồ sơ “*Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt*” đã hoàn tất và chuẩn bị đệ trình UNESCO xét đăng

ký vào Danh sách Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2015.

### **Điện Phước Linh: Cầu nối của quá khứ và hiện tại**

Điện Phước Linh tọa lạc tại ấp Dinh Thị Thượng, huyện Hương Trà (nay thuộc phường Phú Hiệp, thành phố Huế). Phố thị chợ Dinh - Gia Hội đã hình thành từ cuối thế kỷ XVIII và gắn liền với các hoạt động kinh doanh buôn bán của người Hoa. Sở dĩ có tên là phố chợ Dinh vì các làng cũ ở đây (Xuân Dương – Xuân An) đã từng là lý sở hành chính của chính dinh Phú Xuân<sup>3</sup> và trong các bản đồ như *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (của Bùi Thế Đạt 1774) và các bản đồ trong tập *Kinh thành Huế*, địa danh của L. Cadière vẽ năm 1933 (Tập san B.A.V.H.) cũng ghi rõ như thế. Chợ Dinh trở thành tên gọi hành chính cơ sở (ấp, giáp) mà các sắc phong thần cho điện Phước Linh thời Duy Tân, Khải Định đã ghi “*Hương Trà huyện Đệ Lục phường Dinh Thị Thượng ấp*”. Hiện vẫn chưa thể xác định được chính xác niên đại xây dựng của điện Phước Linh. Điện Phước Linh, ngày xưa nguyên là điện Cây Khói. Theo các cụ cao tuổi trong làng kể lại, ngày trước gần điện thờ Thánh Mẫu có một cây cổ thụ lớn, vào buổi chiều tà, cây cổ thụ thường tự nhiên bốc khói lan tỏa một vùng trông rất huyền ảo; người dân trong làng đồn thổi có thánh thần hiển linh cầu gì được nấy rất linh ứng. Sự thiêng liêng ở điện Phước Linh không ai không biết đến. Trong tâm thức dân gian, từ bao đời nay, không ai dám tùy tiện bước lên điện. Chỉ những dịp lễ lớn, dân làng mới tổ chức hành lễ lên điện tưởng nhớ công ơn Thánh Mẫu. Người ta còn cho rằng, chính nhờ ơn Thánh Mẫu phù trợ nên từ bao đời nay dân làng mùa màng bội thu, tiết khí yên bình. Về sau, bà Đoàn Huy Hoàng Thái hậu Hoàng Thị Cúc (1890 - 1980), thân mẫu của vua Bảo Đại (1926 - 1945), vị vua cuối cùng của vương triều Nguyễn (1802 - 1945), lúc này làm Trưởng ban Nghi lễ điện Hòn Chén một lần về thăm đã giúp đỡ kinh phí xây dựng lại điện Cây Khói và sắc phong biển ngạch “*Sắc tứ Phước Linh điện*”, từ đó điện Cây Khói chính thức có tên là điện Sắc tứ Phước Linh. Điện Phước Linh là nơi đầu tiên đặt trụ sở làm việc của Ban Trị sự Tổng hội Thiên Tiên thánh giáo, sau này Tổng hội dời trụ sở về ngôi thánh đường số 252 Chi Lăng (nay là 352 Chi Lăng, phường Phú Hậu, thành phố Huế) vào năm 1968. Có thể nói, điện Phước Linh là một trong những ngôi điện thờ Mẫu có một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân xứ Huế.

Trải qua một thời gian dài, chịu nhiều tác động của chiến tranh, thời tiết và khí hậu khắc nghiệt, điện Phước Linh đã trải qua nhiều lần tu sửa. Ngày nay, điện có kiến trúc nhà ba gian bằng bê-tông cốt thép, mái lợp ngói, nền lát gạch hoa, bờ nóc trang trí đôi rồng chầu mặt trời, bốn góc mái trang trí hồi long, góc gẩy đắp đôi phụng, bờ giải đắp đôi qui. Hình thức trang trí ở phần mái, đẹp trong ý nghĩa lẫn nghệ thuật, chúng như những điểm nhấn mỹ thuật, tỏa lên trời cao niềm mơ ước, mong mưa thuận gió hòa, thái bình thịnh vượng và trường cửu của cư dân. Ở

mỗi trụ của tiền đường còn được đắp hai cặp đối chữ Hán tạo sự uy nghiêm cho điện thờ Thánh Mẫu:

1. Nguyên văn:

家尊國母尊王天之上之下  
知謂神化謂聖地以北以南

Phiên âm:

*Gia tôn quốc mẫu tôn vương thiên chi thượng chi hạ,  
Tri vị thần hóa vị thánh địa dĩ bắc dĩ nam.*

Tạm dịch:

Muôn nhà xung quốc mẫu xung thiên vương từ trên xuống dưới,

Khắp nơi gọi thần hóa gọi thánh địa từ bắc chí nam.

2. Nguyên văn:

廟貌瑋煌蜺楊聖澤  
莊嚴色相仰讚神麻

*Miếu mạo huy hoàng hiển dương ân thánh,*

*Trang nghiêm sắc tướng ngưỡng tán thần huu.*

Tạm dịch:

Miếu mạo huy hoàng hiển dương ân thánh,

Sắc tướng trang nghiêm ngưỡng vọng ơn thần.

Điện Phước Linh thờ Tứ phủ gồm có bốn cõi là Thượng thiên, Thượng ngàn, Trung thiên và Thủy phủ. Mỗi cõi như thế do một vị Thánh Mẫu cai quản, đó là Mẫu Trung Thiên, Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thủy Phủ. Mỗi Mẫu lại có các Thánh bà hầu hạ mà người ta thường gọi là các Đức Châu. Ở vị trí trung tâm của chánh điện là nơi thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Thánh Mẫu ở điện Phước Linh được sắc phong của triều Nguyễn là Thiên Y A Na Diển Ngọc Phi Thượng đẳng thần và gia phong Hồng nhơn phổ tế linh ứng Thượng đẳng thần. Ngoài ra, điện còn thờ cả Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Ngọc hoàng Thượng đế, và nhiều vị thần thánh khác thuộc vào hàng đồ đệ của các thánh thần nói trên.

Trong điện, ở gian chánh điện có các hoành phi, câu đối tạo sự trang nghiêm cho nơi thờ Thánh Mẫu. Trong đó, đáng chú ý là bức hoành phi khắc 5 chữ: “敕賜福靈殿 sắc tứ Phước Linh Điện”, dòng chữ bên phải: “奉端徽皇太后懿旨 Phụng Đao Huy hoàng Thái hậu ý chỉ” (Theo mệnh lệnh của Đao Huy Hoàng Thái hậu), dòng bên trái: “保大乙未年正月吉日 Bảo Đại Ất Mùi niên chính nguyệt cát nhật” (Ngày lành tháng Giêng năm Ất Mùi - 1955, niên hiệu Bảo Đại). Với chiều dài 1,10m; chiều rộng 0,50m; dày 0,5m, bức hoành phi hoàn toàn được chế tác thủ công bằng chất liệu gỗ. Các đường viền xung quanh được sơn son thếp vàng, ở vị trí phía trên và dưới được chạm khắc nổi các họa tiết hoa văn trang trí hình tượng hai con rồng chầu mặt nguyệt, hai bên chạm khắc các họa tiết hình rồng, mây, theo điển tích rồng mây gặp hội, với nét chạm nổi màu vàng son. Căn cứ vào nội dung bức hoành phi do bà Đao Huy Hoàng Thái hậu ban tặng thì chúng tôi cho rằng điện Phước Linh là ngôi điện thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu cuối cùng tại Việt Nam được phong

sắc tứ. Được biết, nhân lễ an vị lạc thành nhà hậu tổ ngày 15 tháng 12 năm Quý Tỵ (1953) chùa Khải Đoan (phường Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐăkLăk) đã được bà Đao Huy Hoàng Thái hậu sắc phong là “*Sắc tứ Khải Đoan tự*”. Khải Đoan là ngôi chùa sắc tứ cuối cùng của triều Nguyễn ở Việt Nam.

Tiếp đến, hai bên tả hữu cột chánh điện có đôi câu đối chữ Hán ca ngợi công đức của Thánh Mẫu:

Nguyên văn:

人欽靈德揚麻鬯  
家近崇祠受貺多

Phiên âm:

*Nhân khâm linh đức dương hư sường,*

*Gia cận sùng từ thụ hưởng đa.*

Tạm dịch:

Lòng khâm phục đức linh làm nhiều việc tốt,

Nhà gần nơi cao điện được thọ ân nhiều.

Dòng lạc khoản đề: “成泰甲午年春 Thành Thái Giáp Ngọ niên xuân” (Mùa xuân năm Giáp Ngọ - 1894, niên hiệu Thành Thái); 清化省按察使洪翰拜供 Thanh Hóa tỉnh Án sát sứ Hồng Hàn bái cúng” (Hồng Hàn, Án sát sứ tỉnh Thanh Hóa bái cúng).

Hiện nay, điện Phước Linh vẫn còn lưu giữ được bốn bản sắc phong của bốn vị vua triều Nguyễn như Thiệu Trị, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định phong tặng cho Thánh Mẫu tại điện Phước Linh. Nội dung các sắc phong đều đề cao công đức của thần đã giúp nước, trợ dân sống an lành hạnh phúc, ban tặng cho các thần những mỹ tự cao quý và cho phép dân chúng thờ phụng Thiên Y A Na. Hằng năm, cứ vào dịp Xuân tế (tháng Ba), Thu tế (tháng Bảy), người dân lại tập trung tại điện Phước Linh để làm lễ và sau đó chuẩn bị tham dự lễ hội điện Hòn Chén.

Điện Phước Linh là nơi lưu giữ những nét văn hóa truyền thống của một tín ngưỡng dân gian thuần Việt. Đó là các phong tục tập quán có từ lâu đời từng hun đúc nên sức mạnh của nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; là nền tảng đạo đức trong cách thức ứng xử giữa con người với con người, được thể hiện ở sự kính trọng với những người đã sinh thành ra mình, những người có công với dân, với nước. Trải qua bao suy thịnh của lịch sử, tín ngưỡng thờ Mẫu đang được tôn thờ nhiều trong dân gian, tạo nên một bức tranh chung hết sức đa dạng của đời sống văn hóa tâm linh. Vì vậy, việc giữ gìn và bảo quản điện Phước Linh rất quan trọng, góp phần không nhỏ vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa xứ Huế trong thời đại mới. ■

**Chú thích:**

1. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Thời Đại, tr.277.
2. Trần Đại Vinh, *Tín ngưỡng dân gian Huế*, 1995, Nxb Thuận Hóa, tr.137.
3. Hoàng Lê, *Người Hoa kiều và phố Gia Hội*, Thông tin Khoa học và Công nghệ, Sở KH & CN Thừa Thiên Huế, số 3 (33)-2001, tr.3-14.



# Chùa Sóc Lôn

ngôi chùa của cộng đồng người Khmer ở Bình Phước

Bài & ảnh: VŨ ĐÌNH TÂM

**T**rong sáu tỉnh thành ở miền Đông Nam Bộ thì tỉnh Bình Phước là nơi mà cộng đồng người Khmer tập trung đông nhất. Thống kê năm 2011 ghi nhận dân số Bình Phước trên 905.000 người thuộc 41 thành phần dân tộc, trong đó người Khmer có tới hơn 16.000 người, chiếm 1,76% cư dân toàn tỉnh. Đồng bào Khmer là một trong những dân tộc bản địa có mặt sớm nhất trên địa bàn này, sinh sống quanh khu vực Lộc Ninh, Bình Long... trồng lúa nước để có lương thực, ngoài ra còn canh tác thêm khoai, sắn, ngô... để phục vụ chăn nuôi. Nhà cửa của người Khmer hầu hết là nhà sàn, thông thường mỗi nhà sàn của người Khmer là nơi cư trú của nhiều hộ gia đình có quan hệ huyết thống. Trang phục truyền thống của họ có xà-rông, váy, áo, khăn k'ma, áo bà ba, quần ống rộng và khăn rằn; họ thích mang nhiều đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, vòng chân, hoa tai, nhẫn đồng hay nhẫn bạc. Trong đời sống văn nghệ dân gian, họ sử dụng các nhạc cụ truyền thống như chiêng (chhling), đàn cò (t'rua), đàn nhị (Cha-pây-se-pia), trống (s'cua)... hòa nhịp cùng các điệu múa như lâm thôn, rằm vòng, lâm leo, saravan... Về tín ngưỡng dân gian, ngoài tập tục cúng ông bà, người Khmer còn có tục thờ

các vị thần siêu nhiên như Neak-ta, Arăk; hàng năm, họ đều tổ chức các lễ nghi nông nghiệp như Lễ hội xuống đồng, Lễ hội Phá Bàu, Lễ hội Đolta và đặc biệt là Lễ Tết Nguyên đán Chol Chnăm Thmây thường được diễn ra vào trung tuần tháng 4 dương lịch (tức đầu tháng Chết của người Khmer).

Người Khmer ở Bình Phước thường sống quây quần thành từng sóc ở gần chùa để thuận tiện cho việc sản xuất và sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng. Ngôi chùa lớn nhất trong đời sống tinh thần của đồng bào Khmer trong khu vực này là chùa Rajamaha Jetavanarama, còn gọi là chùa Sóc Lớn, ngôi chùa cổ kính có lịch sử lâu đời, lưu giữ nét văn hóa đặc trưng truyền thống của người Khmer Bình Phước, tọa lạc tại ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Theo lời kể của hội đồng già làng và nhân dân trong vùng thì từ đầu thế kỷ XX, đạo Phật Nam tông đã du nhập vào trong phum sóc của người Khmer ở Bình Phước. Song do chưa có chùa nên mỗi lần đi cầu kinh, khấn Phật, bà con Phật tử người Khmer phải sang Campuchia để hành lễ. Thấy đường xá xa xôi vất vả, lại không được lui tới mỗi khi nông nhàn để gửi gắm những mong ước và quên đi những vất vả của cuộc

sống thường ngày, các thành viên trong phum sóc đã hội họp và đi tới quyết định xây dựng chùa.

Chùa Rajamaha Jetavanarama (chùa Sóc Lớn) được khởi công xây dựng vào 1931. Người đặt nền móng cho việc xây dựng chùa là Thượng tọa Tô Chap (1929-1957); ngài đã cùng già làng và nhân dân chọn địa điểm, thế đất, phong thủy để dựng chùa; sau đó Thượng tọa Tô Chap đã chuyển giao công tác quản lý việc tiếp tục xây dựng ngôi chùa cho Hòa thượng Meh Khun. Vị hòa thượng này đã cho mở rộng diện tích chùa, trồng cây cảnh tạo cảnh quan trong khuôn viên chùa. Khi Hòa thượng Meh Khun qua đời, chùa không có ai trông coi. Trong thời gian từ 1994 đến 2009, thỉnh thoảng có một vài vị tu sĩ đến chăm nom công việc Phật sự một thời gian rồi lại di chuyển đi nơi khác, cụ thể có Đại đức Lý Sang và Đại đức Thạch Sa Thuol là những vị còn lưu tên. Kể từ năm 2009 Đại đức Thích Pháp Quyển thế danh Thạch Nê đã đến gây dựng lại cơ sở, mở lớp học cho bà con nghèo, tiếp nhận trẻ em xuất gia báo hiếu theo tinh thần Phật giáo Nam tông Khmer và đẩy mạnh phong trào xóa mù chữ ở địa phương. Với kết quả những Phật sự đã thực hiện, vào năm 2012, Đại đức Thích Pháp Quyển (được mọi người quen gọi là Sư Nê) đã chính thức được công nhận là trụ trì của ngôi chùa này.

Chùa Rajamaha Jetavanarama tọa lạc trên một khuôn viên rộng chừng hơn 2.000m<sup>2</sup>, nằm ngay trung tâm xã Lộc Khánh, ẩn dưới rừng cây cổ thụ có lối vào kang trang.

Ngôi chùa có bố cục phân tán nhưng vẫn tuân thủ những nguyên tắc riêng. Từ ngoài đường trục chính đi vào là cổng, được xây dựng theo một kiến trúc cầu kỳ với nhiều họa tiết hoa văn của Phật giáo kết hợp phong cách của người Khmer. Bước qua cổng là con đường khá dài, dẫn thẳng đến nhà hội (Sala) đã được xây dựng hoàn tất. Sala được coi là kiểu nhà hội của Phật tử, là giảng đường của các vị sư sãi và cũng là nơi tiếp khách vào những ngày lễ Tết trong năm của đồng bào quanh vùng. Theo tập quán của người Khmer, sala là kiến trúc được xây dựng trước tiên trong quá trình kiến tạo một ngôi chùa mới. Chùa Sóc Lớn đang chờ được trùng tu nên mọi sinh hoạt tâm linh tín ngưỡng hiện đều diễn ra tại sala trong lúc chờ đợi xây dựng thêm chánh điện và các công trình phụ khác. Như mọi ngôi chùa Khmer, sala của chùa Sóc Lớn cũng được đặt theo hướng Đông – Tây, với một Phật điện có tôn trí tượng Phật Thích-ca ngồi nhìn ra hướng Đông; theo quan niệm của Phật giáo Nam tông, Đức Phật ngồi ở phương Tây nhìn về phương Đông để giáo hóa, ban ân huệ; hướng Đông cũng được coi là hướng của thần thánh, hướng linh thiêng.

Sa-la chùa Sóc Lớn tập trung đầy đủ tài năng nghệ thuật xây dựng với kiến trúc Sala mang dấu ấn của ngôi nhà sàn truyền thống của người Khmer có chiều dài gần gấp đôi chiều rộng. Hành lang rộng từ 1,8 - 2,5m có chức năng làm nơi chạy đàn trong quá trình hành lễ, nơi các tín đồ chuẩn bị lễ vật. Nối với hệ thống hành lang là tiền

sảnh có hai cửa vào chính được bố trí đối xứng hai bên trục dọc. Từ ngoài vào là hệ thống tiền đường, thiêu hương và Phật điện. Tại đây tượng Phật Thích Ca Mâu Ni và các tượng Phật Thích Ca nhỏ được bố trí sắp đặt theo hệ thống nhất định, tạo ra vẻ thanh thoát, trang nghiêm cho khu vực Sala.

Ngôi Sala được bao bọc bởi hệ thống hàng cột đứng thẳng bên ngoài hành lang. Trên các đầu cột ở bốn góc được trang trí hình tượng chim thần Krud minh người đầu chim, trên đầu cột còn lại là các tượng nữ thần có cánh Keynor. Các hình tượng này ở tư thế vươn lên đỡ lấy diềm mái, tạo sự chuyển tiếp giữa phương đứng của các cột và phương ngang của mái. Diềm mái được trang trí hoa văn hoa lá chạy suốt chiều dài ngôi Sala. Cuối cùng, bộ phận kiến trúc nổi bật và gây ấn tượng mạnh mẽ nhất ở mặt đứng ngôi Sala chính là bộ mái. Độ dốc của bộ mái chính tới 60° và bộ mái phụ 30° thật sự hiệu quả cho việc che chắn mưa nắng tại vùng đất phương Nam. Mái được lợp ngói tráng men màu đỏ như những chiếc vảy rồng lấp lánh dưới ánh mặt trời, trông khá đẹp mắt. Trên bờ nóc, bờ chảy, nghệ nhân Khmer trang trí các hình tượng rắn thần Naga với chiếc đầu ba sừng vươn lên hoặc những chiếc chaviva thon dần, có khi vươn cao gần 2m một cách thanh thoát. Trang trí mặt ngoài của chùa là các hình đắp nổi, chạm khắc, thể hiện các hình tượng Reahu (hổ phù), Tiên nữ, chim thần Kayno, Chằn (Yeak). Nhìn vào lớp hình trang trí, người ta dễ nhận thấy dấu ấn của tín ngưỡng dân gian và ảnh hưởng còn lại của Bà-la-môn giáo, nền tôn giáo cổ truyền của người Khmer trước khi họ tiếp nhận Phật giáo.

Đối diện ngôi sa-la về phía bên tay phải qua sân chùa là dãy lớp học cùng với khu nhà ở của các sư và con em trong sóc. Mặt trước của dãy lớp học hướng về phía Nam, được coi là phương của Bát-nhã – tức trí tuệ – nhằm thu hút năng lực vô biên, khai sáng trí tuệ, thông hiểu Phật pháp, tiến tới thức tỉnh, gạt bỏ sân si, giữ tâm trong sạch... với lối kiến trúc giống như ngôi sala gồm hệ thống cột, hành lang, mái diềm. Trang trí mặt ngoài cũng là các hình đắp nổi, chạm khắc, thể hiện các hình tượng Reahu, Tiên nữ, chim thần Kayno, Chằn (Yeak).

Trong khuôn viên chùa còn có khu đất rộng dành để xây chính điện, miếu thờ Neakta, nằm gần cổng chính ở góc Đông – Bắc chùa, hệ thống giếng nước, nhà ăn. Toàn bộ các kiến trúc được một hệ thống tường rào bao quanh với kiểu trang trí ô vuông đắp nổi những hình tượng Chằn có hình dáng được nhân cách hóa, dưới dáng vẻ của một võ tướng có thân hình cao to, chắc khỏe, toàn thân mặc giáp phục, vẻ mặt hung tợn, mắt lồi, mày xếch, miệng rộng nhe nanh nhọn, tay cầm chày võ. Tượng Chằn đứng trước cổng chùa hay xung quanh ngôi sala, lớp học... đều thể hiện nhiệm vụ bảo vệ.

Hàng năm chùa thường tổ chức định kỳ các lễ như: lễ ĐôIta, lễ Xuất gia tu học và đặc biệt là lễ Tết Nguyên đán Tết Chol Chnam Thâmay (mùng năm mới). Tết là thời

điểm kết thúc năm cũ, đón chào năm mới, là dịp để mọi người tỏ lòng thành kính, biết ơn với Đức Phật cũng như tưởng nhớ tới ông bà tổ tiên. Tết cũng là dịp để mọi người thăm hỏi, chúc nhau thành đạt, cùng nhau tham gia vui chơi, múa hát trong không khí vui vẻ.

Tết Chol Chnăm Thmây – còn gọi là lễ chịu tuổi – là lễ Tết lớn nhất trong năm của người Khmer. Người Khmer cũng có quan niệm mỗi năm sẽ có một vị thần gọi là Têvôđa xuống cai quản hạ giới; vì thế vào lúc chuyển tiếp giữa năm mới và năm cũ, người Khmer làm lễ để đánh dấu thời khắc tiễn Têvôđa cũ đón Têvôđa mới. Trước ngày đón Tết, mọi gia đình đều có sự chuẩn bị rất chu đáo, công việc đồng áng được tạm ngưng, vật nuôi trong nhà được thả ra, các mẹ các chị chuẩn bị gạo, lá để làm các loại bánh như num chruk (bánh tét) num tean (bánh ít), chuẩn bị hoa quả, nhang đèn, dọn dẹp nhà cửa, mọi người xúng xính trong những bộ quần áo mới để đón xuân về. Tết diễn ra trong ba ngày, từ 13 đến 15 tháng 4 dương lịch, nếu là năm nhuận thì kéo dài đến bốn ngày.

Ngày thứ nhất có tên là Chool sangkran Chmây: Lễ rước Đại lịch. Trong ngày này, vào ngày giờ tốt đã chọn, thường là 7 giờ sáng hoặc 5 giờ chiều, hay 12 giờ đêm tùy theo từng năm, mọi người tắm gội, ăn mặc đẹp và mang theo lễ vật vào chùa làm lễ rước Đại lịch Môha Sangkran. Lễ này được vị Achar hướng dẫn mọi người xếp hàng đi ba vòng quanh chính điện làm lễ, sau đó mọi người lễ Phật, tụng kinh, niệm Phật mừng năm mới.

Ngày thứ hai có tên là Wonbof: Lễ dâng cơm. Mỗi gia đình sẽ làm cơm dâng lên các vị sư sãi ở chùa vào buổi sáng và trưa. Trước khi ăn, các nhà sư sẽ tụng kinh làm lễ tạ ơn, sau khi ăn xong thì các chư Tăng sẽ làm lễ chúc phúc các Phật tử. Trong ngày này ngoài việc dâng cơm và thức ăn, đồng bào Khmer Bình Phước còn làm Lễ Đặt bát cúng dường chư Tăng. Chư Tăng sẽ ôm bát, đứng vòng tròn quanh chùa, lúc đó các Phật tử sẽ dâng lễ vật nhang, đèn, trái cây, tiền bạc lên các sư. Lễ Dâng bông bạc là lễ do Ban quản trị chùa tiến hành; trước đó, vào ngày Tết thứ nhất, các thành viên trong phum, sóc sau khi đón Tết ở nhà sẽ tập hợp tại điểm vui chơi chung, khi ấy sẽ có cây Bông để mọi người bỏ tiền vào. Sáng hôm sau già làng sẽ đại diện cả sóc dâng lên nhà chùa. Nhà chùa sẽ dùng số lễ vật này để giúp các Phật tử có hoàn cảnh khó khăn, duy trì các hoạt động cũng như trùng tu chùa khi cần. Qua lễ dâng cơm, dâng bát, dâng bông các Phật tử cầu xin Đức Phật, hồi hướng phước báo cho người quá cố và cầu bình an cho gia đình và phum, sóc.

Ngày thứ ba có tên gọi là Lom sakk là ngày Tết quan trọng nhất: lễ tắm Phật, tắm sư: Vào ngày này sau khi nghe các Achar thuyết pháp các Phật tử dâng cơm sáng và trưa cho các vị sư sãi. Phật tử lấy nước có ướp hương thơm cùng nhang đèn đến tắm Phật. Họ dùng những nhánh hoa vẩy những giọt nước hoa lên tượng Phật để tỏ lòng biết ơn Đức Phật đồng thời rửa sạch mọi điều không may mắn trong năm cũ, với mong muốn bước sang năm

mới mọi sự đều như ý. Sau đó là tắm cho các nhà sư cao niên. Sau khi làm lễ tại chùa, các Phật tử sẽ rước các sư tới nghĩa trang để thực hiện lễ cầu siêu cho linh hồn người quá cố và cuối cùng con cháu sẽ tắm cho ông bà tại gia đình. Con cháu sẽ mời ông bà, cha mẹ đến để tạ lễ, xin tha thứ những lỗi lầm, thiếu sót trong năm cũ.

Lễ Tết Nguyên đán Chol Chnăm Thmây là một trong những lễ hội đặc sắc của cư dân nông nghiệp truyền thống lúa nước ở Bình Phước bên cạnh hàng trăm các lễ hội lớn nhỏ ở Bình Phước hiện nay được duy trì và phát triển. Lễ Tết Nguyên đán Chol Chnăm Thmây đã trở thành giá trị văn hóa của một dân tộc sinh sống lâu đời trên mảnh đất Bình Phước, vẫn được lưu giữ và phát huy với những ý nghĩa về xã hội và nhân văn sâu sắc. Đó là sự thành kính biết ơn Đức Phật, không quên nguồn cội đối với ông bà tổ tiên, những người đã có công lao to lớn đối với cư dân tộc người, những bậc tiền bối có công khai khẩn đất hoang, xây dựng và phát triển cuộc sống cho con cháu đời sau được thừa hưởng. Giá trị xã hội nhân văn đó còn được thể hiện rõ trong mối gắn kết giữa những người trong gia đình, dòng họ, những người trong cùng cộng đồng phum sóc...

Ngoài ra Tết Nguyên đán Chol Chnăm Thmây còn thể hiện giá trị nghệ thuật phong phú, đặc sắc mang những sắc thái riêng mặc dù có sự giao thoa, hỗn dung với các nền văn hóa sinh sống trên khu vực; được thể hiện rõ trong các nghi lễ cúng Tết cho đến các loại hình văn hóa văn nghệ dân gian như múa lâm thôn, rằm vòng, lăm leo, saravan, xadăm, múa hát Ayay, múa Sarikakeo hòa nhịp các nhạc cụ truyền thống Trô-sô-lea, Sô-cô-pleng, Khum, Khlui, chiêng, trống... với những lời ca, điệu hát Canh Chha Khmau bon (Em yêu của anh), Kon Tốp Kon Tui Préc (Con chim Chèo bẻo) và bài A Lóc So Cbal (Con Chim cu Trắng đầu)... thể hiện tính thiêng liêng nhằm dâng lên các vị thần cũng như là dịp để tìm hiểu tâm tư tình cảm tình yêu giữa những người trẻ; cũng đã không ít người nên duyên chồng vợ từ Lễ Tết Nguyên đán Chol Chnăm Thmây. Không khí vui vẻ đón xuân về có thể kéo dài nhiều ngày sau rồi mới trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường.

Hiện nay, chùa Rajamaha Jetavanarama đang trong giai đoạn trung tu các hạng mục, để chùa không chỉ là nơi các Phật tử trong và ngoài tỉnh đến tham dự, cử hành các nghi lễ tôn giáo mà còn là địa điểm thu hút khách thập phương khi có dịp ghé thăm mảnh đất Bình Phước, nơi vẫn còn duy trì nhiều sinh hoạt truyền thống của các tộc người cộng cư như người S'tiêng, người M'ông, bên cạnh nhiều lễ hội đặc sắc của người Khmer. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bảo Ngọc (2011), *Kiến trúc chùa Khmer – Biểu tượng nghệ thuật và tâm thức Phật giáo*, tạp chí VHNT số 327.
2. *Văn hóa các dân tộc Việt Nam* (Nhiều tác giả) (2013), Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, tr.165.



# Chiến chiến không hót

TRẦN KIÊM HẠ

**B**ạn tôi sinh trưởng ở thành phố, là biên tập viên của một tờ báo lớn.

Thình thoảng để xác tín một chuyện gì đó liên quan tới kiến thức đồng quê thì hẳn lại gọi điện thoại hỏi tôi - một người lớn lên từ bờ tre gốc rạ... Những câu hỏi của hẳn thường thuộc dạng như: “Hoa bưởi có mấy cánh, mày?” - tôi đáp: “Năm cánh”. Lần khác: “Chào mào là chụp mũ phải không?”. “Đúng”. Cứ thế, chúng tôi đã quen hỏi nhanh, đáp gọn rồi cúp máy. Nhưng có một bận hẳn hỏi: “Ở quê gọi chim sơn ca là gì mày?”. Tôi cũng gọn lỏn: “Chiến chiến”. Tưởng rằng câu trả lời đã làm hẳn thỏa mãn, ngờ đâu hẳn lại hỏi tiếp: “Ê, chiến chiến nuôi lồng không biết hót, đúng không?”. Tôi định mở miệng trả lời thì tự nhiên cổ họng nghẹn đứ lại...

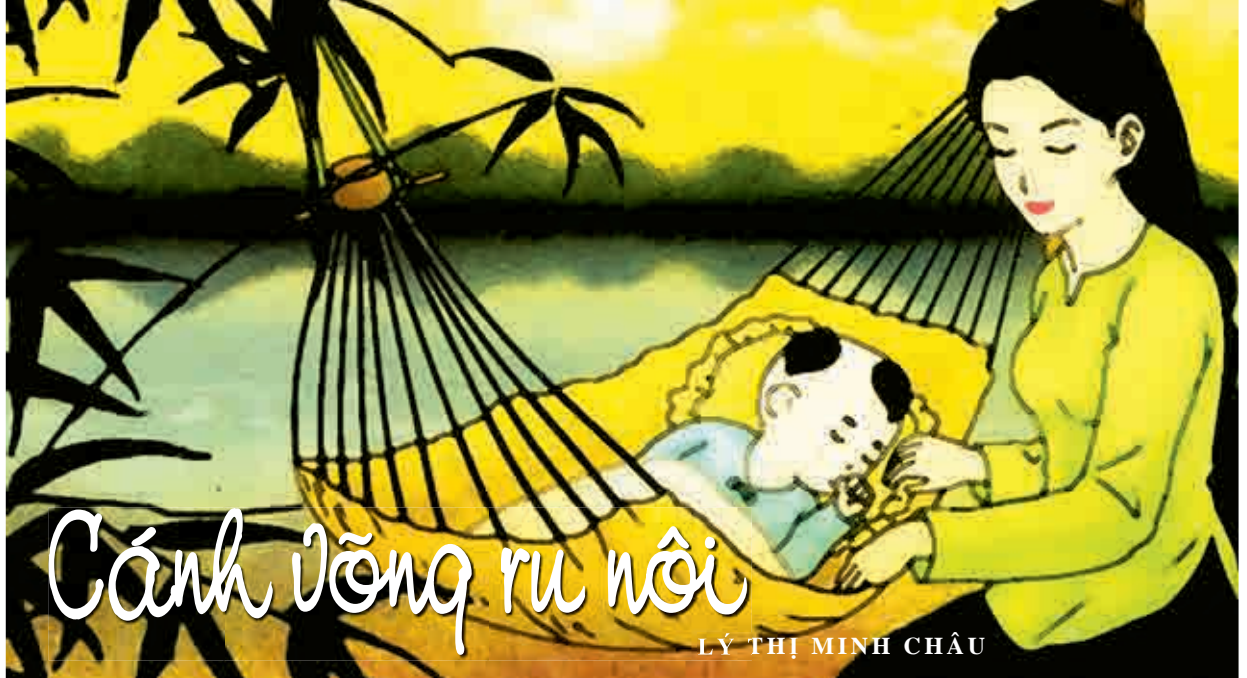
Câu hỏi sau cùng của hẳn nghe mà tôi nói lòng, như một con sóng nhấn chìm tôi trong biển ký ức về người bà thân yêu của mình... Ngày ấy, mẹ tôi thân cò lặn lội đồng sâu nên phải đem tôi gửi bà ngoại. Vườn bà tôi khá rộng nhưng vì sức yếu nên bà chỉ trồng được dăm luống cà, vài ba luống mướp, một cây bưởi quanh năm xanh tốt là nhờ nằm cạnh cầu ao. Thế thôi nhưng khu vườn đó là cả thế giới đầy kỳ ảo với tuổi thơ tôi. Nhiều lần cứ mãi mê rong chơi khám phá hoa bướm để bà nhắc khản cả cổ. Một bận tôi đã làm bà và mẹ lo lắng phải mời ông thầy cúng về gõ chuông mõ rằm nhà, bởi tại tôi nửa đêm trắng sáng

trốn bà ra vườn nằm rình... hạt đậu nảy mầm!

Lớn lên một chút, tôi theo tay bà ngày hai buổi đến trường làng ẻ a nhận mặt con chữ. Chỗ tôi ngồi cạnh cửa sổ, nhìn ra là một thửa ruộng cỏ tranh bát ngát. Đó là nơi họ hàng loài chim chiến chiến làm tổ. Thằng bé tôi lơ đãng quên cả việc đánh vần, cứ ngẩn ngơ để mắt vào lũ chim non được mẹ tập bay, tập hót. Tiếng hót mẹ con chúng thi nhau thánh thót xuyên cả trời chiều. Thế là một bận nữa tôi lại làm bà hoảng hốt khi vừa tan học đã mắt hút trong đám ruộng tranh, ấy là để lòng bắt cho bằng được con chim non mang về. Bà chiều cháu, chăm sóc chim non lớn nhanh nhưng nó không bao giờ chịu hót. Bà bảo tại nó nhớ mẹ, thả ra thôi. Tôi cũng tin vậy và làm theo lời bà. Ngờ đâu, con chim vừa ra khỏi lồng liệng một vòng rồi cất tiếng hót trước khi bay mất hút, thế là nước mắt tôi ràn rụa bắt đền bà...

Một sớm thu tôi rời quê lên tỉnh học, run bước tiến tôi ra tận đầu làng, mắt không còn nhìn rõ nhưng bà không quên dặn dò cháu: “Chớ ham chơi nghen!”. Tôi trong bộ quần áo mới từ tiền bà dành dụm, xe đến là vô tư nhảy tót lên mà quên cả lời từ biệt... Ngày tôi ra chiều khôn lớn, định bụng trở về khoe với ngoại rằng: “Cháu đã biết loài chiến chiến chỉ chịu cất tiếng hót khi được đập cánh lơ lửng trên không trung”. Thì ngờ đâu đã không kịp nữa rồi! Từ đó, cứ nghe tiếng chiến chiến hót là tôi quặn thắt lòng. ■





# Cánh võng ru nôi

LÝ THỊ MINH CHÂU

Lá thơm tàu hay còn gọi lá trôn là thứ nguyên liệu gần như độc quyền dùng để đan võng ở quê tôi ngày trước. Cây thơm tàu như cây dứa dại, lá hơi dẹt có nhiều gai nhọn hai bên mép. Lá chứa nhiều nước và xơ, xơ dùng để xe sợi bện võng.

Là loài cây thích nghi với nhiều loại thời tiết, khô hạn cỡ nào thơm tàu vẫn xanh tốt nên người ta lắm tưởng chúng có họ hàng với xương rồng. Ở vùng đất màu mỡ nhiều cây thơm tàu có lá dài đến ba mét. Khi lá hết phát triển thì cây thơm tàu cho hoa. Thân hoa cao đến chín, mười mét chia thành nhiều nhánh nhỏ mang nhiều hoa. Hoa có hai màu xanh nhạt và đỏ thắm. Thân hoa cũng là thân cây chứa toàn xơ.

Không ai biết chắc khi nào thì loài cây này ra hoa nên khi thấy hoa người ta nghĩ ngay đến những chiếc võng xinh xinh mà thân cây này mang lại. Thường thì người ta không bán loại võng làm từ thân cây thơm tàu này bởi nó rất thanh nhả và chắc chắn vì sợi xơ không phải xe nối như xơ lá nên sợi bện không to và thô.

Vì là nghề nghiệp, hơn nữa thân hoa thơm tàu khá hiếm nên người quê tôi phải dùng lá của loài cây này để lấy xơ bện võng. Người ta thu hái lá già rồi khuôn về nạo vỏ, róc gai xong đập giập bó thành từng bó rồi đem ngâm ở ao hồ hay sông suối cho phần phiến lá thối rữa ra hết chỉ còn lại hệ thống các đường gân. Sau đó vò giũ cho sạch rồi mới đem phơi. Khi xơ đã chín nghĩa là không khô quá cũng không còn nhiều nước quá người ta tước chúng ra thành sợi nhỏ rồi xe lại cho đều và đan. Người quê tôi xe sợi này rất thủ công, xe bằng cách đặt sợi xơ vào lòng bàn tay và vải quần hay da đùi nên rất vất vả và đau rát.

Ngày ấy vì thương mẹ, thương quần vải nâu nu mông mảnh, gai xơ châm rất đau nên tôi đã cố gắng tìm nhặt cho được những cái bao đựng cát che chắn công sự hay bờ kè mà người ta vút lẩn lóc đâu đó. Loại bao này dẹt bằng sợi dây khá mịn nhưng rất chắc chắn. Đó là tấm lót mà mẹ tôi quấn quanh đùi để so găng cùng với những sợi xơ thơm tàu có tiếng là ương ngạnh và khó bảo.

Khi đan võng thì người ta chọn cỡ để đan. Có nhiều loại cỡ dùng cho võng lớn, vừa hay nhỏ. Cỡ giữ cho lỗ võng

đều và gút thắt thẳng tắp. Võng đan xong thì phải phơi lại cho thật khô rồi mới đưa đi tiêu thụ hay để dành.

Bây giờ cây thơm tàu đã thực sự khan hiếm, người đông đất chật, nên không ai để chúng sống ung dung dù chỉ là mép ruộng, bờ rào. Có chăng là nơi đất trống, đồi hoang bởi chúng chiếm khá nhiều diện tích, còn thu nhập từ chúng thì bé tẹo chẳng bõ bèn gì so với công sức của người thợ lao động nhọc nhằn, nên nhà nào còn máy móc đan lát chuyên nghiệp thì người ta chuyển qua đan võng ni-lông, võng chỉ dù hay võng vải...

Không ai phủ nhận cái võng là hình tượng văn hóa lâu đời ở nông thôn Việt Nam, chúng rất gần gũi với cư dân nơi này. Từ thuở ấu thơ đến ngày răng long tóc bạc, người quê rất thích nằm võng, thích cái sáng khoai êm đềm đung đưa để mặc cho giấc ngủ muốn đến khi nào thì đến.

Chính chiếc võng chứ chẳng phải vật dụng nào khác đã đỡ dành tuổi thơ tôi khi mẹ vắng nhà. Nó như vòng tay mẹ ấm nồng nối vào tay bà để bà say sưa gửi lòng vào câu hát ru mà không phải lo lắng gì cho tôi.

Chiếc võng quê tôi đã đi đến nhiều vùng miền của đất nước, theo chân những chàng trai cô gái xẻ dọc Trường Sơn hay đến đảo xa. Nó là vật dụng không thể thiếu trong ba-lô của người lính, cũng hy sinh mất mát, cũng thương tích đầy mình nhưng luôn sẵn sàng đi đến bất cứ nơi đâu mà Tổ quốc cần.

Cánh võng quê hương đã mắc qua bốn nghìn năm. Từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, từ Trường Sơn ra Trường Sa, từ đảo chìm sang đảo nổi. Hóa thân vào nhạc, vào thơ, vào câu dân ca ru nôi nghìn muôn thế hệ. Nó là vòng tay của người mẹ hiền.

Bây giờ nhìn các bạn trẻ ngồi trên những chiếc võng đong đưa ở những quán cà-phê, quán nước, lòng tôi bỗng lại nhớ về cái thời xa xưa đầy ắp khó khăn nhưng rất dễ thương của mình. Khác chăng là ngày xưa võng để ru nôi đưa chúng ta vào giấc ngủ say nồng, êm ái thì bây giờ võng để ru tình. Dù bằng hình thức nào thì cái võng vẫn nhắc nhở chúng ta về câu dân ca của bà, khúc ru nôi của mẹ; chúng mãi là hình tượng thân thuộc trong tâm thức của mỗi người chúng ta. ■



# Giếng làng

THANH LIÊM

Tôi sống ở thị thành đã mấy mươi năm qua, nhưng cứ mỗi lần về quê là lại lần la tới cái giếng làng ở đầu xóm, dù bây giờ chỉ còn chơ vơ cái thành giếng to tròn xây bằng gạch thẻ xưa, bởi người ta đã đổ rác đầy lòng giếng.

Hồi đó, cái giếng này luôn là đầu mối của tất cả những câu chuyện vui buồn lẫn lộn trong xóm. Nhà ai chuẩn bị cưới gả cho con; nhà ai sắp có đám giỗ, đám thôi nôi, đầy tháng, cúng "căn"... ai nấy trong xóm cũng đều từ cái giếng này mà biết. Đã vậy, chuyện mất chó, mất gà; chuyện cãi nhau, đánh nhau vì ghen tuông; chuyện "lãng nhăng" đầu trên xóm dưới; rồi tới chuyện chữa hoang... cũng được bàn tán xôn xao quanh cái giếng.

Phụ nữ thì mang cả thau quần áo ra giếng vừa giặt giũ vừa lê đôi mách cười sang sảng. Cánh đàn ông từ đồng ruộng ghé vào rửa ráy chân tay đầy bùn đất, có người còn gội hàng chục gàu nước lên mình rồi vác cuốc, vác cày chạy huỳnh huỵch về nhà. Lũ con nít chúng tôi sau khi đá banh nhựa trên những cánh đồng vừa mới gặt xong, hay trên các sân đình, sân chùa... mình mẩy lấm lem cũng ủa tới giếng làng tha hồ đùa giỡn gội nước ào ào, thật sảng khoái làm sao. Rất lạ. Nước giếng làng tôi trong suốt, lũ con nít chúng tôi vừa xối nước lên đầu vừa uống nước vào bụng đến no đầy. Vậy mà hiếm khi bị tiêu chảy, đau bụng. Có khi mê tắm, sinh đất văng vào các thau quần áo vừa mới giặt xong của các bà, các chị. Vậy là trốn nhanh để bị khỏi bị nghe những lời nguyên rủa té tát.

Những đêm trăng sáng, chúng tôi lại quây quần bên miệng giếng để nhìn trăng nhấp nhô dưới đáy. Có đứa rần mắt ném những viên đá nhỏ xuống mặt nước để ánh trăng tan ra rồi tụ lại dần dần, trông rất lạ lắm. Cũng có khi cả đám ngồi say mê nghe người lớn kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ nhất là hai chuyện Thạch Sanh - Lý Thông và chuyện Tấm - Cám. Chuyện Thạch Sanh - Lý Thông thì có đoạn Thạch Sanh bị nhốt dưới hang sâu như cái giếng làng, còn chuyện Tấm - Cám có đoạn cô Tấm bị xô xuống giếng thiệt thân. Được nghe kể nhiều lần nhưng cứ mỗi lần nghe tới những đoạn đó, chúng tôi lại nhìn xuống đáy giếng mà rùng mình khiếp sợ.

Nghe người lớn nói rằng không phải chỗ nào trong làng cũng đào được giếng tốt. Người ta phải "xin xăm", "xin keo" với thần giếng nhiều lần để chọn địa điểm có thể đào giếng có nước quanh năm; nước trong, mát; người sử dụng không bị nhiễm bệnh. Không biết hư thực ra sao, chớ người làng tôi tin chuyện này lắm. Người ta cũng tin là có thần giếng thiệt. Nhiều người, khi có chuyện gì đòi co, muốn mình chứng sự trong sạch, thường hay thể thốt: có sai, có gian thì bị té giếng. Có lẽ thần giếng sẽ bẻ họng, vặn cổ người gian ác chẳng? Nếu không chết thì cũng điên loạn chẳng? Bởi ai thần kinh không bình thường thì bị gán cho cái danh "đồ té giếng".

Hồi đó, giếng làng tôi khá lớn, đường kính khoảng hai ba mét, sâu độ năm, sáu mét, thành giếng xây bằng gạch, bên dưới đục bằng các ống cống xi măng. Ban đầu múc bằng gàu, thùng, sau này xóm tôi thiết kế trục quay tay bằng gỗ cho đỡ vất vả. Xung quanh thành giếng là bãi xi măng rộng để nhiều người có thể giặt giũ, tắm rửa.

Nhiều đôi trai gái xóm tôi nên duyên chồng vợ cũng nhờ cái giếng làng. Thơ mộng lắm, tình tứ lắm khi các cô gánh nước giếng đầu làng đêm trăng sáng, hay ngồi giặt áo bên giếng dưới trăng. Các chàng thì đón đưa sau luỹ tre làng, ngồi tán gẫu tự tình bên thành giếng, mơ về chuyện lứa đôi. Đã có biết bao nhiêu bài thơ, bài hát, câu hò về khung cảnh nên thơ, mộc mạc chân quê này.

Giờ nước máy đã về khắp mọi nơi. Ở nông thôn cũng đã có nước "phông-tên" từ các trạm cấp nước. Bằng không họ cũng có giếng khoan sâu hàng trăm mét dưới lòng đất. Chỉ bật công-tắc điện là nước chảy đến trong tích tắc. Vậy là giếng làng bị lãng quên, chối bỏ. Đau xót hơn, người ta ném xuống lòng giếng những thứ rác rưởi, xác súc vật, và bất cứ thứ gì bỏ đi. Giếng đầy dãn, hôi hám dãn và không ai tới nữa.

Riêng tôi, tôi vẫn tới thăm giếng làng mỗi bận về quê, như thăm một người bạn thân thiết chỉ biết hy sinh và rồi bị ruồng bỏ vô tội vạ. Có người nói tôi điên điên vì hoài cổ không đúng chỗ, chắc năm xưa nhiều lần té giếng? Mặc. Tôi vẫn vậy, vẫn tiêng tiếc khi đến cạnh giếng làng, ngồi trên thành giếng, sờ tay lên chiếc tay quay đang mục rã trong những đêm trăng huyền diệu. ■

# Giàn bầu

## HẢI TRÌNH

**S**inh ra và lớn lên trong một vùng quê nghèo hẻo lánh, giàn bầu như ôm ấp trọn tuổi thơ tôi. Những ngày hè oi bức, trong lúc cha mẹ đang dãi dầu ngoài đồng ruộng, thì anh em chúng tôi hăm hút bên nhau, quây quần dưới tán lá xanh của giàn bầu bên cạnh chái bếp hiên sau để vui đùa. Chúng tôi tìm chặt những tàu lá chuối xanh, to và rộng, rồi trải lên mặt một lớp rơm đã rải sẵn, ngay dưới giàn bầu. Thế là đã có một sân chơi lý tưởng. Thường là trò chơi “mẹ con” (tương tự trò chơi “nhà chòi” của trẻ con Nam Bộ). Mà “cúng giỗ” là hình thức phổ biến nhất. Cổ bàn thường được sửa soạn bằng những thức ăn tự giàn bầu hái xuống; đọt bầu xắt ra làm cá, hoa bầu làm cải bắp để chiên xào, quả bầu non cắt ra làm chả... Chén bát thì lấy vỏ sò, vỏ hến thay cho. Ấy vậy mà chúng tôi sửa soạn cổ bàn cũng thơm tất như ai. Cũng cúng kiến, vái lạy cung kính như cha ông chúng tôi đã làm trong những ngày cúng giỗ gia tiên. Rồi cũng phá cỗ, cũng ăn uống chuyện trò như người lớn, có điều là chỉ nhai nhóp nhép cho ra bộ thể thôi! Tiệc tàn, chúng tôi nằm lăn ra trên thảm lá mát rượi mà trò chuyện râm ran. Ngửa mặt lên mà ngắm những mảnh trời xanh xuyên qua kẽ lá, thấp

thoáng mấy đám mây non nhẹ nhàng trôi về phía núi đồi trùng điệp. Những cọng dây leo tua tủa vươn ra khỏi giàn, mơn mớn, cong cong như những sợi râu của những chú ốc sên tinh nghịch đang tìm nơi bám búi, bên cạnh những đọt bầu non đang chơi với trước ngọn gió xuân. Khi cuộc chơi đã vãn, bóng râm của giàn bầu lại là nơi dung thân cho đàn gà đang tìm chỗ tránh nắng trưa hè. Chúng lẫn mình ra, hả hê, vẫy vẫy đất bụi phủ kín thân mình, rồi bỗng đứng giữ cánh thật mạnh mấy cái và chọi chân trở mình sang phía khác. Lúc này, dưới tán lá non, chú mèo con cũng đang tập tễnh săn mồi. Nó thu mình, mắt dán theo con kỳ nhông có chiếc cổ đỏ chói đang len lỏi tìm những con sâu trong đám lá. Dưới giàn, lũng lảng những quả bầu non đong đưa trước gió, nhìn xa như đàn heo con đang tranh nhau vú mẹ. Ngộ nghĩnh nhất là những cặp trái sồng đôi, xứng đôi vừa lứa như cặp vợ chồng quê đứng sánh vai bên nhau trong ngày cưới. Nơi đây, mỗi lúc chiều về, mẹ tôi thường lom khom khẽ bước, liếc mắt qua một lượt, rồi nhẹ nhàng đưa con dao lên, cắt ngang một nửa trái bầu ngọt xót. Nửa còn lại ứa ra những giọt sữa ngọt ngào, mẹ để dành phần ấy cho nồi canh buổi sáng hôm sau. Xa quê, ai đó thì “nhớ canh rau muống, nhớ

cà dầm tương”, còn tôi thì không bao giờ quên được bát canh bầu mẹ nấu với cá lóc. Đi đâu về, bụng đói. Vào bếp xối bát cơm, chan đầy mấy vá canh bầu nóng hổi. Thêm vào chút đỉnh mắm ruốc. Lấy quả ớt xanh vừa mới hái kê vào thành bát, dùng đôi mút đũa con xoay nát chừng nửa trái. Trộn đều lên. Bụng đói, nhưng đừng ăn vội, cứ nhâm nhi và từng miếng một. Thành thoảng nhắc cây quạt mo lên mà phe phẩy mấy cái, để lắng nghe hơi mát của mấy lát bầu non thanh tao trôi vào cổ họng, mùi hăng nồng của quả ớt xanh cũng chỉ đủ để làm rung lên gai lưỡi cho thấm vị ngọt của cá đồng và mùi đặc trưng của món mắm ruốc mà mẹ đã làm tự mùa hè năm ngoái. Cho đến tận bây giờ, và dù cả ngàn năm dâu bể, tôi vẫn không thể nào quên cái bát cơm dân dã thi vị ấy.

Dây bầu có sức phát triển mãnh liệt suốt cả mùa xuân, đến sang nửa hạ mới chớm tàn. Khác với loài bí, chớm về già đã tàn ngay từ gốc rễ; bầu thì cứ sống dai dẳng hơn. Lá tàn, mà thân vẫn còn xanh tươi, sần chắc. Các cọng dây leo bám chặt vào thân giàn như những chiếc lò xo vững chãi. Đáng phục nhất là những đợt còn sót lại phía cuối thân giàn. Dưới ánh nắng khắc nghiệt của ngày hè mà vẫn ngang hiên ngang tồn tại. Hết nơi nương tựa, nó tìm cách vươn lên mái rạ của chái bếp hiên sau. Gặp được trận mưa đầu mùa, nó lại phải cậy nhờ đến bụi tre già bên hàng xóm. Những quả này thường ẹo uột và nhỏ thó. Nhưng thường đặc

ruột và hương vị lại ngọt ngào đậm thắm hơn những quả đầu mùa. Thuở nhỏ, tôi thích nhất là được mẹ sai trèo lên chái bếp để tìm hái những quả bầu ra muợn. Phần thiếu ánh sáng, phần bị chèn ép, lại phải hấp thu cái màu vàng của mái rạ, nên những quả này thường quắt queo và có màu vàng trông ngộ nghĩnh như da bụng của những chú rắn nước khổng lồ. Vì ở trên cao nên có những quả đã dày da mà không ai phát hiện. Tiếc của, mẹ tôi xắt ra từng lát mỏng, rải đều trên chiếc nia đã gãy vành, đem gác lên mái hiên, để mặc cho sương nắng mấy ngày, kể đó đem cuộn vào chiếc mo cau rồi treo lên giàn bếp. Mùa mưa đến, mẹ mang ra kho với mớ cá đồng đầu con nước, ăn rồi còn muốn ngậm mà nghe!

Đến nay, tóc đã ngả màu theo năm tháng. Tôi vẫn chưa quên hình ảnh cha tôi mỗi sáng ra đứng lom khom bên giàn bầu, nâng niu buộc lại từng đợt non ngập nghé bò ra khỏi giàn. Mắt già qua kính lão, người tắn mắt, lục lọi tìm mấy con sâu ranh mãnh ẩn trong từng kẽ lá, nụ hoa. Tôi còn nhớ mãi lời người căn dặn: Trồng bầu thì không được dùng thuốc trừ sâu và phải đợi sau tiết Đông chí mới được đặt bầu xuống đất, khi ấy khí trời bắt đầu ấm áp và dây bầu mới phát triển tốt tươi. Đến nay đã qua rồi mấy mươi tiết Đông chí của trời đất mà cha tôi vẫn còn an giấc. Hình ảnh giàn bầu thân thương tuổi nhỏ, bên chái bếp hiên sau chỉ còn trong tâm khảm của kẻ xa quê. ■

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ  
**Ô. Phạm Văn Nga** : 41 cuốn/kỳ  
**Ô. Vũ Châm**, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ  
**Bà Huỳnh Kim Lưu** : 30 cuốn/kỳ  
**Nhà hàng Tib**, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ  
**PT Chánh An & Chơn Hòa** : 14 cuốn/kỳ  
**Cư sĩ Lương Trung Hiếu** : 12 cuốn/kỳ  
**Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải**,  
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ  
**Cô Nga** : 10 cuốn/kỳ  
**PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Văn Cát Tiên** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô Huỳnh Văn Lộc**, Q. BT : 10 cuốn/kỳ  
**Tác giả Miền Ngọc** : 10 cuốn/kỳ  
**Nhà sách Thái Hà** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lương Thị Ngọc Hạnh**, Q. 5  
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Trần Quốc Định** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lý Thu Linh** : 9 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Định** : 8 cuốn/kỳ  
**Phật tử Nguyễn Thị Hoa** : 7 cuốn/kỳ  
**Cô Cẩm Hà (USA)** : 6 cuốn/kỳ  
**Hồng Phúc & Xuân An** : 6 cuốn/kỳ  
**Ô. Võ Ngọc Khôi** : 6 cuốn/kỳ  
**Bà Tôn Nữ Thị Mai**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Nguyễn Mạnh Hùng**,

CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ  
**Cửa hàng Tâm Thuận** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Tú Oanh**, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ  
**Ô/Bà Nguyễn Văn Bản**, USA : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Trương Trọng Lợi** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Xuân Triều**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Kim Sơn**, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Thị Ngọc**, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ  
**Lakinh.com** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Hòa** : 4 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Thị Ninh**, USA : 4 cuốn/kỳ  
**Cô Huệ Hương** : 4 cuốn/kỳ  
**Bà Trần Thị Bích Trâm** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Tự Phương Thúy** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Thị Thu Thanh** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Phạm Thị Kim Anh** : 3 cuốn/kỳ  
**Châu Thiên An** : 3 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Ân** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT www.thuongchieu.net** : 2 cuốn/kỳ  
**Chị Tuyền**,  
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ  
**Bà Kim Anh**, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Từ Minh** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT Viện khongtu.com** : 2 cuốn/kỳ  
 CT **Nền Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh** : 2 cuốn/kỳ

**CTy TNHH Thép Thiên Tâm** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Thiện Thành**, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Hưng Khanh**, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ  
**Nguyễn Dũng** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Kính** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Mỹ** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Diệp Anh và Chị Ngân** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Kim** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Chánh Hiếu Trung** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Bùi Quang Việt** : 1 cuốn/kỳ  
**Thầy Hạnh Thông**, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ  
**CTy Dược phẩm Phúc Thiện** : 1 cuốn/kỳ  
**Chị Kiều Oanh** : 1 cuốn/kỳ  
**PT. Nguyen Thuan**  
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Châu** : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **446 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**  
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

**Ban Biên tập**

## Tiếng biển

NGUYỄN DŨNG

Vang từ cành lá xanh um  
Tiếng con chim nhỏ đầu cành ví von  
Lá bàng gọi nắng hừng đông  
Lời ru của sóng giữa lòng biển khơi

Trường Sa đầy áp tiếng cười  
Đấu chân Chiến Sĩ rạng ngời vinh quang  
Đào chìm róc rách tiếng đàn  
Bài ca đất nước muôn ngàn gian lao

Bão giông như chực thét gào  
Tiếng cồng gọi sóng rì rào ngày đêm  
Đàn con sẵn bước tiến lên  
Đạp cơn sóng dữ ngày đêm giữ gìn

Tiếng chim riu rít bình yên  
Trời xanh nước biếc thăm tình nước non.

## Đầu hạ mây sương

TRƯỜNG KHÁNH

Mây đầu hạ thoáng mù sương,  
Rụng rơi trầm tích vô thường hợp tan,  
Lệch triển sanh từ cựu mang,  
Biển trần lao - thoáng vô vãn khổ không.  
Mù sương rắc chút bụi hồng,  
Cho mây đầu hạ sáng trong dáng Người.  
Mím cười chúm chím đào tươi,  
Ánh mắt Từ thị xanh ngời lối xưa,  
Bờ môi tròn nụ Đại thừa,  
Nghe từ tiền kiếp xanh mùa nắng lên,  
Sương đầu hạ - ánh giọt mềm,  
Hương hoa, lời nguyện dâng lên Phật-đà.  
Lối về ướt giọt châu sa,  
Cần khô mộng ảo ta-bà quận đau,  
Mai xa duyên nợ đôi màu,  
Cuối chiều sương rớt tìm đầu hạ vàng.  
Ta về chuyển nghiệp sang trang,  
Ôm chân hạ mới - tụng hàng kinh thơ.

## Bài học về quê hương

LAM HỒNG

Bài học về quê hương  
Bầu chung giàn với bí  
Xanh rờn ngọn mùng tơi  
Tím khoảng trời thơ bé...

Có mùa đi rất khế  
Lắng phù sa cội nguồn  
Có xanh xanh dừa nước  
Có ráng chiều còn vương...

Bài học về quê hương  
Có cánh đồng lúa chín  
Khói bên trời bịn rịn  
Nổi quăng ngày xa xưa...

Trái mưa nắng bao mùa  
Nên vóc hình xứ sở  
Sông dạt dào sóng vỗ  
Đôi bờ mùa nhớ thương...

Bài học về quê hương  
Theo chân người đi mãi  
Một mai này trở lại  
Dòng thời gian thuở nào  
Chẳng bao giờ quên được  
Cánh cò miền ca dao...

# Biển Việt

PHAN THÀNH MINH

Trái tim hồng cha để lại biển khơi  
Hóa thành đảo giữa bao la triều sóng  
Chiến thuyền con khoác uy Phù Đổng  
Tổ quốc trên đầu phơi phới cờ bay

Hướng về giặc thù súng chắc trong tay  
Ký ức buồn thương lênh loang sóng đỏ  
Bao đồng đội còn vùi thân ở đó  
Biển thanh bình hận gió Bắc căm căm

Xương máu cha ông đắp mộ con nằm  
Tử biệt sinh ly lòng đau như cắt  
Dãi chiến hào suốt dọc dài Nam Bắc  
Mẹ đào xuyên thế kỷ hai mươi

Cánh buồm con đỏ rực phía chân trời  
Gạch nổi thiêng liêng giữa đất liền và biển cả  
Hồn dân tộc căng phồng ngực trẻ  
Vẽ lại nước non độc lập thanh bình

Qua hết bão bùng tôm cá lại hồi sinh  
Ngư trường mở ra mạnh giàu no ấm  
Biển sẽ chết nếu giặc thù xâm chiếm  
Vắng cánh buồm con sóng cũng xót xa

Từ mát mát tử sinh Tổ quốc hiện ra  
Sắc nước hương trời điểm tô phố đảo  
Hạnh phúc mọc lên từ gian lao tần tảo  
Biển của ta ơi... bất khuất kiên cường.



# Qua núi

TRÀ KIM LONG

Nhìn xa một khối xanh xanh  
Như vòm mây nổi lượn quanh dưới trời  
Không là núi không là đồi  
Chỉ là ảo ảnh thả trôi bèo bồng.

Đến gần cây dựng đá chồng  
Dưới triền suối chảy trên giồng gió lay  
Dùng chân đứng ở nơi này  
Núi mang thân núi tự ngày xa xưa.

Qua rừng ngoảnh lại lạ chưa  
Núi không là núi như vừa mới đây  
Lưng lơ chen giữa chân mây  
Xanh xanh một khối vun đầy phía sau.

# Bài ca đất nước

LÊ ĐỨC ĐỒNG

Sức mạnh nghĩa nhân sôi trào sóng dữ  
Nhấn chìm bao kẻ giặc xâm lăng  
Ngựa sắt oai hùng, tiếng hí còn vang  
Ráng chiều đỏ, lửa ngàn năm cháy mãi...

Sông Bạch Đằng vẫn cuộn cuộn chảy  
Cọc gỗ thuở nào vùi giặc biển còn đây  
Dòng sông xưa con nước vui đây  
Dòng năm tháng mãi dâng niềm kiêu hãnh...

Gò Đống Đa, chứng tích còn sâu đậm  
Nước Nam này có chủ là Dân!  
Dẫu kẻ thù tàn bạo, hung hăng  
Chúc thất bại bởi làm điều phi nghĩa!

Trang lịch sử ngàn xưa Mẹ kể  
Có cây gươm vung trong nắng sáng lòa  
Có câu hò vọng cổ, bản tình ca  
Mạch ngầm ca dao mát lành hồn đất nước...

Bài học ngàn năm,  
Nên đậm dài Tổ quốc  
Khi ba cây chụm lại chung lòng  
Khi mỗi người luôn hướng về nguồn cội  
Ta trái mình dựng vóc dáng non sông ...



# Chiếc áo

NGUYỄN PHƯỚC THỊ LIÊN

Cắm cái gói lên, khoanh thun bằng văng tuột, kêu đánh “tách”, bắn vào chị như bắn vào tâm thức. Gói mở bung. Ôi! Chiếc áo. Chính chiếc áo của chị. Chiếc áo mà chị trân quý, nhưng vì một cơn giận, chị đã lia bỏ nó.

Chị sung sướng cảm nó áp vào mặt, hít một hơi dài sảng khoái, cảm giác hơi hương mình in nguyên quện mùi áo

thơm. Tức khắc, chị nhận ra chân tướng bản ngã từ một cơn giận... Bất giác, chị đến ôm Nam, đứa con duy nhất của chị, và bật khóc.

\* \* \*

Mai nhanh tay trở từng miếng tàu hủ dầy cộm ướp sả nghệ trong lòng chảo. Em nghỉ, phải chi có cha ở nhà, em đã cho thêm dầu chiên. Cha thích những miếng chiên vàng ngậy trên bàn ăn rồi gắp từng miếng cho mỗi đứa con... Chợt có tiếng mẹ em gọi ở nhà trên: “Mai ơi, chiều nay con đến nói với bà Năm, giá cái áo đó, không được đâu”. Vừa nói, bà Hai Xuân vừa giữ giữ mấy cái áo từ trong giỏ, cười đắc ý.

Mai hỏi vọng lên: “Má nói cái gì, con hồng hiệu”.

“Thì con cứ nói vậy, bà Năm hiểu liền à”.

Mai chợt nhớ đó là chuyện mua bán.

Đang cầm cái áo, bà Hai Xuân treo lên mắc. Bà lùi xa, đứng ngắm hồi lâu đoạn bước tới lấy xuống, mặc. Bà gọi: “Mai à, bỏ đó chút, lên coi cái này”.

Mai “Dạ!”, đẩy gọn thức ăn rồi chạy vội đến mẹ. Bỗng em chững lại, reo: “Ừa, áo đâu đẹp quá, má?”.

Bà Hai cười: “Mua chớ đâu, rẻ lắm. Đẹp, con há? Chắc người này cỡ như má”.

Bà Hai quay qua quay lại, vuốt vuốt cái áo, ngắm xuống ngực. Bà nói một hơi: “Vừa y chang. Của chờ người con ơi. Thằng nhỏ bán rẻ quá. Mà má nhớ... ờ... ờ... tội nghiệp thằng nhỏ, nó khóc. Cái áo này bà Năm cũng thích lắm, đòi chia lại nhưng giá đó đâu được. Mình mua rẻ là mình có phần có phước. Bà muốn chia mua, giá phải khác chứ. Chuyện mua đi bán lại mà!”.

Bà Hai muốn nhìn ngắm toàn thể vóc dáng mình trong bộ cánh. Bà tiếc, nhà không có chiếc gương soi lớn chút. Con Mai độ rầy cũng lớn rồi, mặc áo dài, sao nó làm thinh. Bà ước người sửa lại bộ dáng, bước qua lại, hỏi: “Được không, con?”.

Mai vui lây cái vui của mẹ. Đã lâu, hai mẹ con mãi miết làm nhiệm vụ: một người vừa lo học vừa lo việc nhà; một người suốt ngày chạy chợ, sớm đi chiều về, “không ai ở không nói chuyện tầm ruồng”. Mà thật hôm nay mẹ em trông đẹp gái, sáng sủa ra phết.





Mai không tiếc lời khen: “Má mặc áo này coi trẻ ra nhiều lắm. Cái bà nào đó rõ biết chọn may: xoa ngoại nè, có màu bông màu áo thích hợp, lại may đúng thời trang. Thiệt là có duyên. Con chịu quá, má để mặc, đừng bán, nghen má”.

“Ừa, má cũng tính vậy”.

“À, má nói thằng nhỏ nào khóc?”, Mai hỏi.

“Thằng nhỏ bán cái áo chứ thằng nhỏ nào. Chắc nó ăn cắp”, bà Hai vô tư đáp.

Mai lại thắc mắc:

“Nó ăn cắp, bán được thì mừng, sao lại khóc, hả má?”.

“Ừa, má cũng không để ý. Cái áo đưa ra, hai ba người xúm lại giành mua. Má mua được mừng quá. Chùng ngó lại, thằng nhỏ đâu mất tiêu”.

\* \* \*

Sáng thứ Bảy tiết năm, cô chủ nhiệm bước vào, cả lớp đứng dậy. Cô cười: “Cám ơn”. Cả lớp ngồi xuống, cô ôn tồn nói:

“Mau quá các em nhì, mới đó mà nay đã đến học kỳ hai. Thi xong, cô trò mình chia tay. Và theo quy luật tự nhiên, thời gian làm cô già đi là lúc các em lớn lên. Thử xét tuổi già tuổi trẻ chúng ta hôm nay làm được gì trong thời gian qua”.

Một thoáng ngọt ngào xốn xang. Cả tuần nay Mai sợ giờ sinh hoạt, phải nói lên những điều mình không muốn. Em cố tập trung mà đầu óc lan man... Cho đến khi nhận cái thúc cùi chõ của Khâm ngồi bên:

“Các tổ báo cáo rồi, trưởng lớp tổng kết đi”.

Mai chợt tỉnh đứng lên lắp bắp:

“Em... xin tổng kết... việc học tập trong tuần qua... bạn Nam đi học trễ, không làm vệ sinh lớp. Đề nghị tuần sau bạn phải làm bù”.

Vừa dứt lời, Mai liếc xéo Nam dò phản ứng. May quá, Nam vẫn ngồi yên, tay mân mê góc tập. Mai mạnh dạn nói tiếp:

“Bạn Nam bị giáo viên bộ môn đánh giá xuống tinh thần. Bài kiểm tra Tiếng Việt bị điểm 2, lại không thuộc bài, không làm bài tập...”.

Thế là cả lớp có bao nhiêu con mắt, đổ dồn vào Nam. Cổ Nam khô đặng, nước mắt thì ứa ra. Em muốn khóc thật to nhưng không thể. Em nhớ hôm ấy chỉ là lời rủ rê chơi “thầy dếp tạt lon” bên bờ sông. Cuộc chơi đang sôi nổi hào hứng thì vèo một cái, chiếc dếp mẹ mới mua cho Nam bay xuống sông. Thế là mẹ giận. Giận vô cùng. Càng giận, mẹ càng lạnh lùng ráo hoảnh, giọng kể lễ đánh thép như dao cắt, mặt tình em khóc lóc van xin. Em không thể làm dịu cơn ba đào trong mẹ bởi mẹ nói: “Hai tháng nay con đã mê chơi, đánh mất bao nhiêu thứ rồi. Đây là lần thứ mấy? Mẹ buồn bán lật vật, kiếm đâu ra tiền cho con ăn học. Mẹ đánh đập con thì con đau, mẹ cũng đau lắm. Roi vọt không té ra tiền bạc thì đây, áo mẹ đây, con đem bán để mua dếp”. Nói xong mẹ mở tủ lấy cái áo xuống nền gạch đang lấm lem. Mẹ vừa lòng bỏ đi... Thật ra, Nam không sợ roi đau, chỉ sợ “dáng mẹ” khi giận dữ. Và để

dịu bớt cơn giận kia, Nam phải tuân lời mẹ thôi.

Ngồi trong xó bếp giặt áo bằng nước mắt. Áo sẽ sạch khô, em cũng sẽ “sạch khô” chẳng tình cảm tuổi thơ? Bàn là xóa tan nếp áo nhăn; nhưng em, cách nào xóa tan những đợt sóng đau xé lòng. Áo mẹ sạch đẹp, còn em thì sao?!

Ngày ngày đi học về, em không dám nhìn mặt mẹ. Nỗi ám ảnh nặng nề làm tê liệt sự hoạt bát nhanh nhẩu nơi em. Em không còn thiết tha gì nữa vì ở đâu, làm việc gì, chiếc áo cũng hiện ra...

Nam trở về thực tại trong tiếng xì xào của các bạn. Xoay qua Mai, em lơ ngơ hỏi:

“Cô nói gì vậy?”.

“Cô hỏi bạn có ý kiến gì không”, Mai đáp.

Nam liền đứng lên thưa:

“Thưa cô, cô và các bạn đều có nhận xét đúng về em. Em có chuyện không vui”.

Cô nói:

“Vậy hả, cho cô biết được không?”.

Nam rụt rè “Dạ”.

Cô cười hiền dịu:

“Lớp phó học tập của cô mà học hành như thế đó, không ổn đâu nghen”.

\* \* \*

Tiếng loa đài phát thanh phóng ra ở đầu chợ, đúng lúc Nam đi học về. Đang vào cửa, bỗng em thấy chiếc xe đạp quen quen của ai trong lớp dựng ở góc nhà. Quái, nhà mình hôm nay có ai thế? Nam bước vô vừa lúc mẹ nói với khách: “Nó về đó, chị!”. Nam chào khách, chào mẹ. Í, sao lại có Mai ở đây. Còn bà khách này, mình thấy cũng quen. Nam lúng túng nhìn Mai không cười được. Ghét cái mặt con nhỏ hôm nay ra vẻ nghiêm trang hách dịch, bày đặt... theo người lớn. Em lại thấy bà khách cầm trên tay gói giấy có buộc dây thun. Nam vào trong cất cặp, đứng bên cửa, nghe tiếng bà khách: “Tối qua cô giáo đến nói chuyện với tôi cũng hơi lâu”. Rồi em nghe tiếng mẹ dứt quãng: “Xin lỗi... chị, tôi... nóng quá. Cái giận làm mình mất khôn, khiến con nó buồn, lại làm phiền chị, làm phiền cô giáo, cả cháu Mai nữa. Xin chị... th...a... lỗi. Thú thật với chị, tôi cũng có đi chùa nghe giảng pháp, cũng biết Phật dạy sân si hung dữ là tạo nghiệp xấu. Trong mọi hoàn cảnh mình phải biết điều phục tâm. Nhưng mỗi khi nhà có chuyện, tôi lại nhớ cha nó theo người khác, bỏ mẹ con tôi côی cút khổ cực, tôi nổi điên như người có ma nhập, hành xử với con... Không ngờ sự thể ra làm vậy...”. Tiếng bà khách: “Ai cũng có lúc giận dữ mà chị... Chị vui lòng nhận giùm cái này... Mình vì tội nhỏ chị à. Còn tiền đó, đâu có bao nhiêu, chị đừng ngại, xem như tôi cho tội nhỏ ăn quà... Tôi biết chị thường đi chùa, nhân có thầy Phước Tú đến giảng pháp ở chùa Tam Bảo, tôi rủ chị bảی giờ tối mai cùng đi”. Tiếng mẹ “dạ” trong hơi thở.

Trong vòng tay mẹ, Nam nghe nhịp đập tim mẹ thốn thức; da thịt mẹ tỏa thơm dịu ngọt như thuở mẹ bồng bế em từ những năm tháng xa xưa... ■



Thuyền đánh cá. Pierre Dieulefils - 1906

# Ngắm Hạ Long

## cách đây hơn một thế kỷ

Bài & ảnh: **PHẠM HỌC**

“Chúng tôi mong muốn đưa người xem vào một cuộc hành trình xuyên thời gian, đến với những giá trị bền vững của Hạ Long; từ đó, khơi dậy khát vọng khám phá và trách nhiệm bảo tồn, phát huy di sản”. Đó là tâm sự của những người làm triển lãm “*Men say Hạ Long*”, giới thiệu 100 bức ảnh cổ về Vịnh Hạ Long bên bờ di sản đầu tháng Năm vừa qua.

Bộ sưu tập ảnh cổ về Vịnh Hạ Long do nhà giáo Đoàn Thịnh và con trai ông là kiến trúc sư Đoàn Bắc thực hiện. Đây là lần đầu tiên những bức ảnh này được trở về quê hương Hạ Long để ra mắt rộng rãi trước công chúng. Các bức ảnh nằm trong bộ sưu tập hơn 150 bức ảnh cổ về Vịnh Hạ Long được các nhiếp ảnh gia người Pháp chụp trong khoảng từ năm 1885 đến 1953. Nhà sưu tầm Đoàn Thịnh cho biết, các bức ảnh đến từ nhiều nguồn khác nhau, có những bức là kỷ vật thiêng liêng của một dòng họ bên Pháp, có những bức

đã từng bị phủ bụi trong kho lưu trữ ở thư viện của các trường đại học ở Pháp.

Khi có được ảnh, cha con nhà giáo Đoàn Thịnh cùng các cộng sự đã dày công phục chế lại những bức ảnh này để chia sẻ với công chúng. Điều ý nghĩa nhất là triển lãm đầu tiên của bộ sưu tập ảnh này lại được mở ở nơi đã khai sinh ra nó. Tất nhiên, nếu được triển lãm ở Pháp thì những bức ảnh này cũng rất có giá trị, nhưng đưa ảnh Hạ Long xưa về với Hạ Long thì đúng là “châu về hợp phố”. Nhà giáo Đoàn Thịnh cho biết ông rất xúc động khi đem ảnh triển lãm về trên “quê hương”. Với cha con ông, đó không chỉ là công việc, là niềm say mê lớn lao, mà còn là trách nhiệm đối với kỳ quan Hạ Long. Bộ ảnh được chia theo ba chủ đề chính: Hạ Long nhìn từ trên cao, Hạ Long nhìn từ trên thuyền, Cảnh và người Hạ Long xưa. Vịnh Hạ Long trong những bức ảnh này mang vẻ đẹp nguyên sơ, thuần khiết như thể chưa chịu tác động của con người. Có nhiều bức



Cảnh một thuyền buồm của Pháp - 1902

ảnh ghi lại cảnh đánh lưới, những chiếc thuyền buồm, thuyền đánh cá mãi mãi không còn tìm được trên Vịnh Hạ Long. Từ những bức ảnh này, người yêu thích Hạ Long sẽ có một cái nhìn so sánh với hiện tại để nhận ra những giá trị bền vững; từ đó khơi dậy trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị của kỳ quan thiên nhiên thế giới này.

Theo ông Đoàn Thịnh, Vịnh Hạ Long là báu vật trời ban. Cách đây hơn một thế kỷ, người Pháp đã đến chụp ảnh và con cháu họ bây giờ coi những bức ảnh đó như báu vật, vậy không có lý gì chúng ta lại không nâng niu chúng. Còn nghệ sĩ nhiếp ảnh Đỗ Kha cho rằng đây là bộ ảnh tư liệu quý, có tính chất địa chí. Nhà sử học Dương Trung Quốc đánh giá cao bộ ảnh này bởi *“trong giai đoạn mà mối quan hệ văn hóa Việt - Pháp đang dần được nghiên cứu sâu hơn thì việc thực hiện những bộ sưu tập ảnh như của cha con nhà giáo Đoàn Thịnh là một hướng đi rất đáng trân trọng”*.

Không dừng lại ở đó, 100 bức ảnh đẹp nhất được in độc bản lên 100 chai vang dòng Chateau Dalat. Mỗi chai vang thể hiện một vẻ đẹp độc đáo của Vịnh Hạ Long trong quá khứ, tạo nên một bộ sưu tập nhãn hiệu vang dành riêng cho Hạ Long. Sau triển lãm, bộ sưu tập này đã được bán đấu giá lấy tiền ủng hộ chương trình vì trẻ em nghèo của tỉnh Quảng Ninh. Chia sẻ về ý tưởng này, ông Phạm Hoàng Long, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, cho biết: *“Khi đặt chân đến Vịnh Hạ Long, được tận mắt chứng kiến những giá trị ngoại hạng của di sản này, chúng tôi mới thấy hết được vẻ đẹp kỳ vĩ, làm mê đắm lòng người của một kỳ quan vô tiền khoáng hậu. Và ngay lập tức, chúng tôi muốn làm một cái gì đó vì Vịnh Hạ Long. Cơ duyên đã cho chúng tôi tiếp xúc với nhà giáo Đoàn Thịnh và con trai ông”*. Cơ duyên ấy đã đưa đến một gặp gỡ khác như ông cho biết: *“Cuộc kỳ ngộ trăm năm khi đem những tấm ảnh xưa đó về quê hương Hạ Long để người dân nơi đây cùng đồng đảo du khách trong và ngoài nước có thể cùng thực hiện một cuộc hành trình xuyên thời gian, kết nối quá khứ lịch sử đó với Hạ Long hôm nay”*. Cũng theo ông Long, cái chất men say của cuộc kỳ ngộ trăm năm như tên của triển lãm sẽ lan tỏa mạnh mẽ hơn trong xã hội. ■



Thuyền buồm trên vịnh Hạ Long. François Henri Schneider -1901



Hai ngư dân xoay trần tắm đằm đọa bên bờ vịnh - 1906



Vịnh Hạ Long của Louis Sadoul. Chụp trong khoảng thời gian từ 1889 đến 1894



Nguồn: forum.matngu12chomsao.com

# Giấc mơ mùa lúa

LINH LAN

**T**háng Năm, nắng óng ánh rải vàng con đường làng trước mặt. Tôi theo chân mẹ ra đồng. Mùa gặt đã về. Đồng ruộng vàng óng màu vàng của lúa chín. Những bông lúa trĩu hạt theo gió nhẹ đong đưa quạt vào mũi tôi mùi thơm của đồng quê dân dã.

Trên đồng ruộng mênh mông còn bay thẳng cánh những giọng người nói cười rôm rả. Có giọng lãnh lót. Có giọng khàn đục. Có giọng chua ngoắt... nhưng tất cả đều vui chung niềm vui mùa gặt. Những gương mặt đen sạm vì dãi dầu sương nắng bỗng trở nên rạng ngời giữa nắng hè oi bức. Bóng dáng bao người lẫn khuất trong màu lúa chín, nón lá nhấp nhô góp thêm sắc màu làm mùa thu hoạch thêm rộn ràng, huyên náo. Niềm vui mùa gặt làm cho nhịp điệu cuộc sống nơi thôn quê nhàn nhã bỗng trở nên tươi vui và tràn đầy sinh khí.

Gắn bó với ruộng đồng từ những ngày ấu thơ, tôi lớn lên qua bao mùa lúa mẹ trồng. Ngày ấy, đồng ruộng cần cỗi, hanh khô, chưa có kênh mương dẫn nước tưới vào đồng như bây giờ. Giấc mơ mùa màng khăm khá chỉ biết trông chờ vào nước trời. Tôi lúc đó ngày nào cũng lon ton theo mẹ mỗi chiều mẹ thăm đồng, cùng mẹ hăm hở nhổ từng cụm cỏ dại, đắp từng vụn đất, chặt chui từng hóm nước để rồi từ lúc nào chẳng hay, tôi, vốn một đứa trẻ ham chơi, đã biết cùng mẹ sẻ chia những lo toan mùa màng, được - mất.

Mùa gặt năm nào tôi cũng nhắc mẹ nhớ gọi điện để con về quê giúp mẹ. Bố đi làm xa xứ. Mẹ tôi một đời cực nhọc, quanh năm suốt tháng gắn bó với ruộng đồng. Mùa gặt năm nào cũng mình mẹ tất bật lo toan. Thương mẹ, tôi từ thành phố tranh thủ trở về để cùng mẹ đảm đương công việc vụ mùa. Rủ bỏ áo vét, sơ-mi trịnh trọng tôi trở về là cô gái thôn quê dịu dàng đầm thắm trong bộ áo bà ba sắc tím hoa cà. Bước xuống

thửa ruộng, hòa cùng dòng người đang vui cười nâng niu từng bông lúa trên tay, tôi bỗng hiểu ra niềm vui đơn giản nhưng trong sáng của mẹ từ nhịp sống nông nhàn thuần phác.

Đều là dân quê, mẹ cũng như bao người phụ nữ sinh ra đã trót nặng tình mà bố buộc đời mình với cây lúa. Cuộc sống chỉ biết trông chờ vào vài sào ruộng con con. Mảnh ruộng ấy là kế sinh nhai của cả gia đình với những đứa trẻ nhoi nhóc chỉ biết ăn và ngủ. Ước mơ của mẹ cũng là ước mơ của bao người nông dân chân chất một nắng hai sương, ước mong một vụ mùa no đủ để con cái có bữa ăn đủ đầy, được đến trường đến lớp. Tôi lớn lên bên cây lúa thấm đẫm mồ hôi từ bàn tay mẹ chăm bón, bước chân ra chốn thị thành đắm mình cùng phố trong nhịp sống xô bồ hối hả, để rồi đôi lúc mỗi mệt giữa những thị phi và bon chen cuộc đời, tôi chợt ước mong được về lại bên mẹ, cạnh những giấc mơ dung dị đời thường.

Còn nhớ năm ngoái, vụ mùa đông xuân thất bát, ánh buồn len lỏi khắp nơi, cả trên gương mặt của những đứa trẻ thôn quê suốt ngày chỉ biết rong chơi phơi nắng. Thấy mẹ cũng buồn hiu, phe phẩy chiếc nón lá phân trần: "Mùa này biết lấy gì cho đàn gà nó ăn. Cũng chẳng đủ lúa để con đem xuống phố". Ôn trời, năm nay vụ mùa khăm khá. Bà con lối xóm ai ai cũng vui mừng tíu tít. Tôi thấy mắt mẹ sáng ngời khi kể cho tôi nghe những dự định sắp tới. Rằng, mẹ sẽ mua về một đàn vịt con và chăm chúng béo tròn để đến Tết Đoan ngọ khi bố trở về, cả gia đình sẽ có một bữa đoàn tụ ấm cúng. Tôi ngồi đó, giữa mênh mông ruộng đồng chợt thấy lòng bình yên đến lạ. Ngoài kia, từng giọt nắng long lanh đang tô thắm khoe môi bao người giữa hân hoan vụ mùa no đủ. Ngồi bên mẹ, tôi mừng tượng khung cảnh hạnh phúc khi gia đình sum vầy, rôm rả nhắc nhau nghe những chuyện vui xưa cũ. ■

# Lời cảm ơn cuộc sống

Vào tháng 9-2005 tôi bị đau lưng, dùng thuốc dán không bớt mà ngày càng đau hơn, đi lại rất khó khăn và có dấu hiệu tê xuống chân trái. Đến lúc quá đau không thể đi lại được nữa, tôi phải nhờ một người cháu đưa đến khám tại một bệnh viện trong TP.Đà Nẵng. Đến cổng bệnh viện, tôi phải nhờ người đưa vào phòng cấp cứu. Sau khi khám, bác sĩ cho chụp CT Scanner (chụp quét cắt lát) và chẩn đoán tôi bị thoát vị đĩa đệm, phải mổ ngay ngày hôm sau.

Sau khi xuất viện về nhà một thời gian tôi thấy việc đi lại vẫn rất khó khăn; hầu hết thời gian tôi phải nằm nghỉ; những khi ngồi dậy tôi có cảm giác đau nhói đến xám xoàng, phải vịn và đi từng bước rất khổ sở. Do nằm nhiều, thiếu vận động trong một thời gian dài nên sức khỏe rất giảm sút, tôi hết sức bi quan.

Vào dịp đó, có bác sĩ Công làm việc ở Bệnh viện Chính hình TP.HCM ra công tác tại Đà Nẵng. Qua người quen giới thiệu, ông chủ động tìm đến nhà tôi, lúc đó còn ở Liên Chiểu, cách sân bay Đà Nẵng khoảng 15km. Sau khi hỏi thăm, ông dùng tay ấn vào sau lưng tôi và khuyên tôi nên mổ lại chứ dùng thuốc thì không thể nào bớt. Nghe vậy tôi rất phân vân. Tôi mới mổ được bốn tháng rưỡi, người quá tiêu tụy, không chắc có đủ sức để mổ lại, và không biết ca mổ tiếp theo có thành công hay không? Tôi đã nghe nói có trường hợp mổ xong là liệt hẳn.

Thấy tôi băn khoăn, bác sĩ Công trực tiếp đến khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng trao đổi với bác sĩ Cường về trường hợp của tôi. Cuối cùng, dù lo lắng nhưng tin tưởng vào lời khuyên của bác sĩ Công và năng lực chuyên môn của các bác sĩ khoa ngoại ở Đa khoa Đà Nẵng, tôi đã quyết định nhập viện, được bệnh viện cho chụp cộng hưởng từ (MRI) rồi tiến hành ca mổ vào ngày 14-2-2006 với ê-kíp mổ gồm các vị BS.Bá, Trưởng khoa ngoại, BS.Cường và BS.Lâm. Giải phẫu xong, tôi thấy hết tê chân và dần dần đi lại dễ dàng. Như một đứa trẻ mới tập đi, tôi tích cực tập thể dục theo sự hướng dẫn của bệnh viện, một thời gian ngắn tôi đã trở lại công tác. Suốt tám năm qua tôi luôn thầm biết ơn các bác sĩ đã cứu sống tôi. Tôi như được sinh ra lần thứ hai và cũng nhờ cái duyên may mắn tôi gặp được BS.Công, một bác sĩ trẻ đầy tâm huyết.

Qua báo VHPPG, tôi xin gửi lời cảm ơn muộn màng đến các bác sĩ đã cho tôi trở lại cuộc sống bình thường và luôn mong rằng đất nước mình ngày càng có nhiều thầy thuốc giỏi, tận tâm với nghề, xem nỗi đau của người bệnh cũng như nỗi đau của mình.

**Đào Hựu, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng**

Bây giờ là năm 1986. Một hôm, khoảng 16 giờ, sau khi đi bán hàng tạp hóa ở chợ Phong An, Phong Điền về, thấy mẹ chồng tôi không được khỏe, tôi vội vàng từ nhà ở đường Điện Biên Phủ (gần chùa Từ Đàm) đến quầy thuốc tây chợ Bến Ngự để mua thuốc. Do sơ ý, tôi đã bị kẻ gian móc cái bóp (ví) tiền trong xách; hôm ấy trong bóp có 120.000đ là khoản tiền rất lớn đối với tôi hồi đó. Không còn một đồng dính túi, tôi chạy vội lên nhà nằm khóc thút thít đỏ hoe con mắt. Nghe tôi kể lại sự việc, chồng tôi lấy xe đi một lúc rồi quay về đưa lại cho tôi 90.000đ. Tôi mừng không từ nào tả hết, ngồi dậy mân mê từng tờ tiền. Nhưng tôi thắc mắc vì sao tiền của tôi là 120.000đ mà ở đây được 90.000đ. Chồng tôi giải thích, sau khi báo công an, họ đã mời cha mẹ những đứa con danh sách đen đến và mấy người ấy góp được chừng đó để trả. Tôi lại hỏi tiếp về cái bóp thì chồng tôi cho biết đám trẻ xé mất rồi!

Cách hai năm sau, khi đó vợ chồng tôi có khá lên một chút, chồng tôi mới nói thật. Anh bảo rằng hồi đó anh biết tôi bị bệnh tim, nếu không kịp thời giải tỏa nỗi đau buồn cho tôi thì có khi tôi bị sốc, buồn bã và sẽ suy sụp. Vì vậy, anh phải mượn tiền của bạn, mà cũng chỉ mượn được một ít, để bù vào chỗ bị mất của tôi. Quả thực, nếu không có số tiền được trả lại đó, không biết lúc bấy giờ tôi sẽ như thế nào. Nhiều lúc tôi vẫn thầm cảm ơn anh đã biết nói dối không hại đến ai, đúng lúc, để tiếp thêm sức sống cho tôi; mà đến tận bây giờ cũng gần ba mươi năm rồi, nhờ anh tôi ngày một khỏe hơn và anh cũng là trợ duyên đắc lực để mẹ con tôi đến với tổ chức Gia đình Phật tử và làm nhiều việc thiện nguyện khác. Thế mà tôi chưa một lần nói lời cảm ơn anh. Có lẽ, tôi nghĩ rằng cảm ơn, ca ngợi chồng mình thì có vẻ khách sáo; và quả tình tôi vẫn ngưng ngưng khi định cảm ơn anh. Kính nhờ VHPPG đăng bài này như lời cảm ơn muộn màng của tôi đối với người chồng đáng yêu và đối với cuộc đời...

**Nguyễn Tấnch Đỗ Thị Diệu Tranh, 39 Ngõ Quyền, TP.Huế**



# THẺ HÀNG KHÔNG THK

## mang lại tiện ích gì cho bạn?

Như đã thông tin cho quý bạn đọc ở số 202, Tổng đại lý Vé Máy bay Trực tuyến Ve24h đã tung dòng sản phẩm Thẻ Hàng không (THK) với sứ mệnh bình ổn giá thị trường vé máy bay và đảm bảo quyền lợi cho khách hàng mua vé. Hôm nay, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã có dịp trò chuyện với ông Phạm Quốc Toàn, Trưởng Trung tâm THK để cung cấp đến quý bạn đọc những thông tin cụ thể hơn của dòng sản phẩm này.

**\* PV VHPG: Chúng tôi rất vui khi nhận được thông tin Trung Tâm Thẻ Hàng không đã phát hành rộng rãi Thẻ Hàng không (THK) để gia tăng quyền lợi cho hành khách mua vé máy bay. Xin ông vui lòng chia sẻ thêm thông tin về THK?**

■ Ông Phạm Quốc Toàn: Giữa muôn vàn đại lý vé máy bay trỗi nổi như hiện nay, tình trạng ép giá khách hàng trong mùa cao điểm lễ, Tết và việc phí dịch vụ thương bị đẩy lên cao đã gây ra sự bất an - trước mắt quyền lợi của khách hàng mua vé máy bay. Đó cũng là lý do khiến khách hàng cảm thấy không yên tâm và khó lựa chọn cho mình một đại lý vé máy bay uy tín. Hiện nay, những khách hàng có thu nhập trung bình khá trở xuống luôn băn khoăn khi lựa chọn máy bay làm phương tiện thay thế đường bộ và đường sắt vốn đang quá tải vào các dịp cao điểm bởi giá vé chưa phù hợp với mức thu nhập. Với sự quan tâm đến quyền lợi của khách hàng mua vé máy bay, Ve24h.vn quyết định tung ra dòng sản phẩm THK với sứ mệnh bình ổn giá dịch vụ trong ngành vé máy bay và trả lại ngôi vị “thượng đế” cho khách hàng.

**\* Xin ông cho biết các quyền lợi dành cho hành khách sở hữu THK khi mua vé máy bay tại Ve24h.vn?**

- Khi có thẻ THK, khách hàng được đảm bảo các quyền lợi cơ bản sau:
  - Chủ thẻ được hưởng giá phí dịch vụ luôn ở mức 35.000 đồng/vé quốc nội trong mọi thời điểm, kể cả lễ, Tết;
  - Chủ thẻ sẽ được nhận Email để biết thông tin nhanh về giá khuyến mãi các chuyến bay của các hãng hàng không VN do Ve24h.vn gửi đến;
  - Được nhân viên Ve24h.vn tư vấn, hỗ trợ thông tin nhanh chóng trong giờ làm việc của phòng vé;
  - Được ưu tiên đặt và giữ chỗ trong mùa cao điểm lễ, Tết (theo quy định đặt, giữ chỗ của hãng hàng không);
  - Trong trường hợp chủ thẻ có việc gấp, nhưng không thể mua được vé do đại lý hết vé, Ve24h.vn sẽ hướng dẫn chủ thẻ mua vé máy bay tại sân bay (nếu hãng hàng không còn vé);
  - Được Ve24h.vn tư vấn thuê máy bay nếu chủ thẻ có đủ nguồn khách và chi phí cho một chuyến bay.

**\* Phí phát hành THK và phí duy trì thẻ sau 2 năm được quy định như thế nào?**

■ Như tôi đã chia sẻ, THK ra đời với sứ mệnh bình ổn giá thị trường và đảm bảo quyền lợi cho khách hàng mua vé máy bay tại hệ thống Ve24h.vn. Vì thế, người sử dụng được miễn phí làm thẻ; chi phí



Ông Phạm Quốc Toàn (phải) trả lời phỏng vấn

trả phí duy trì hoạt động thẻ trong 02 năm đầu tiên là 150.000đ; sau 02 năm, nếu có nhu cầu, chủ thẻ có thể gia hạn thẻ với mức phí ưu đãi. Đặc biệt, nếu trong 2 năm (kể từ ngày phát hành thẻ) mà chủ thẻ chưa sử dụng lần nào thì sẽ được gia hạn miễn phí.

**\* Muốn có được THK, hành khách cần phải hội đủ điều kiện nào? Và đăng ký ở đâu?**

- Hồ sơ làm THK gồm có: CMND/hộ chiếu photo; Giấy đề nghị phát hành THK; Hợp đồng sử dụng THK. Mỗi người chỉ được làm 1 thẻ.
  - Đăng ký tại Trung tâm Thẻ Hàng không Ve24h.vn hoặc các đại lý được ve24h.vn chỉ định. Khách hàng cũng có thể gọi đến tổng đài 19001779 để được tư vấn thêm thông tin.

**\* Trong trường hợp hành khách lớn tuổi rất ngại làm giấy tờ, nhất là họ ở lứa tuổi trung, cao niên (từ 50 tuổi trở lên), Trung tâm có thể xem xét miễn ký kết hợp đồng mà họ chỉ làm Giấy đề nghị làm THK (hoặc đổi tên là Giấy thỏa thuận) có được không?**

■ Trước mắt phải làm hợp đồng theo quy định. Chúng tôi xin ghi nhận đề nghị này và sẽ thông báo sau khi có được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

Xin chân thành cảm ơn ông Phạm Quốc Toàn và mong rằng công tác phát hành THK sẽ đạt được những kết quả khả quan để mang lại niềm vui cho người sử dụng dịch vụ cũng như chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử gần xa.

**Thực hiện phỏng vấn  
NGUYỄN BÔNG**

Vui lòng liên hệ:

**TRUNG TÂM THẺ HÀNG KHÔNG**

35 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, TP.HCM

(đối diện cổng gửi xe số 3, Bệnh viện 175)

Tổng đài: 1900 1779 hoặc Mr. Toàn: 0909048829



**DIỆU TƯỢNG AM**  
**NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**

**DIỆU TƯỢNG AM NAM KỶ**  
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM.  
ĐT: (08) 38 484558

**DIỆU TƯỢNG AM 3/2**  
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM.  
ĐT: (08) 38 604 913

**VIETGEM (ĐÁ PHONG THỦY)**  
311A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, Tp.HCM.  
ĐT: (08) 33265177

[www.dieutuongam.com](http://www.dieutuongam.com)



**Hoạtien**

**CÔNG TY TNHH-TM HOA TIÊN**  
D13/2 Trần Náo, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM


**Chuyên sản xuất:**

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

**Liên hệ để biết thêm chi tiết:**

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: [www.hoatien.vn](http://www.hoatien.vn)
- Email: [thongtin@hoatien.vn](mailto:thongtin@hoatien.vn)



**CÔNG TY CP MỸ THUẬT HUỲNH GIA SG**

ĐC: 27 đường số 1, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức

- Thi công tạo mẫu các tôn tượng Phật, phù điêu, theo yêu cầu bằng nhiều chất liệu.
- Sản xuất các tôn tượng Phật, bài vị, hủ cốt, phù điêu bằng chất liệu puly composite.
- Thiết kế thi công trọn gói các công trình chùa, có nhiều kinh nghiệm xây dựng các tôn tượng kích cỡ lớn.

○ **Liên hệ:** Anh Huỳnh Như Ý  
○ **Số điện thoại:** 0944 992 779 - 0944 991 889  
○ **Web:** [Dieukhachuynhgiasg.com.vn](http://Dieukhachuynhgiasg.com.vn)

**VĂN HÓA**  
**PHẬT GIÁO**

**2013**  
TỪ SỐ 180 ĐẾN SỐ 191

**Tập 2**

**Đang phát hành**

**VĂN HÓA**  
**PHẬT GIÁO**

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,  
từ số 180 đến số 191  
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:  
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại  
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ	2013 (2 tập): 420.000VNĐ



Trường Trung cấp Phật học - Chùa Phật Hiện

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
BAN TRỊ SỰ PHẬT GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI**

**TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC**

**Áp Miếu, Cây số Đốc 47, QL 51, Xã Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.  
ĐT: 0616.523.146 (Tăng) - 0613.558.626 (Ni) - 0919.076.446**

Thư kêu gọi Cúng dường Trường hạ và Cúng dường xây dựng Chùa Phật Hiện  
của Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai

**Nam-mô A Di Đà Phật.**

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Phật tử gần xa.

Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai, Tăng Ni sinh đang cảm túc an cư kiết hạ theo chế độ nội trú và học năm thứ 1, theo hệ 4 năm của chương trình do cố Trường lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu, nguyên Trường ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam biên soạn (đính kèm chương trình 4 năm và thời khóa biểu của năm thứ 1).

Điều kiện tu học:

- Tốt nghiệp 12/12, Tú tài cấp II.
- Đã thọ Sa-di - Sa-di-ni.
- Tuổi từ 18 - 25 tuổi.

Tổng số Tăng Ni sinh trên 400 vị.

- Tăng sinh 208 vị đang học tại cơ sở xã Phước Tân - Biên Hòa.
- Ni sinh 195 vị đang học tại cơ sở xã Long Phước - Long Thành.

Đồng thời nhà trường cũng đang xây dựng chùa Phật Hiện.

- Chiều dài: 41m.
- Chiều rộng: 41m.
- Một trệt, một lầu.

Tổng diện tích xây dựng là trên 3.200m<sup>2</sup>, tổng số tiền xây dựng dự trù 20 tỷ đồng Việt Nam (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam), hiện đã làm xong phần móng và trụ.

Vậy Ban Giám hiệu viết thư này kêu gọi qua báo *Văn Hóa Phật Giáo*, kính mong chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Phật tử gần xa hoan hỷ phát tâm công đức xây dựng ngôi Tam bảo và đào tạo Tăng tài truyền thừa đạo pháp.

*Kính chúc chư tôn thiên đức và Tăng Ni, Phật tử thân tâm an lạc, tùy tâm mãn nguyện.*

*Trông mong lắm!*

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2014

Ban Giám hiệu:

Chứng minh: Hòa thượng Thích Minh Chánh  
TBTS Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai

Hiệu phó kiêm Chánh Thư ký:

HT.Thích Phước Tú  
(Từ Tôn tự)

Hiệu trưởng:

HT.Thích Nhật Quang  
(Thiền viện Thường Chiếu)

Hiệu phó đặc trách xây dựng và học vụ:

HT.Thích Quang Đạo  
(Phước Viên tự)



# CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC

Hòa thượng Thích Thiện Siêu soạn

## NĂM THỨ NHẤT

### A. Nội Điển

- Kinh: Bát Đại Nhân Giác, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Pháp Cú, Bách Dụ.
- Trường Bộ Kinh (trích giảng).
- Luật: Tỳ Ni Nhật Dụng, Sa Di Yếu Giải.
- Phật Pháp Căn Bản: Tam bảo, Tam Thân, Tam Vô Lậu Học, Sám Hối, Nhân Quả, Nghiệp Báo, Lục Đạo, Lục Hòa.
- Sử Phật giáo: Lịch sử Phật Thích Ca và Thánh Chúng.

### B. Phụ Khóa

- Sinh hoạt Giáo hội.
- Chính trị - Thời sự.

### C. Ngoại Điển

- Hán Văn.
- Anh Văn.
- Việt Văn.

## NĂM THỨ HAI

### A. Nội Điển

- Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Na Tiên Tỳ Kheo, Pháp Cú (tiếp theo), Trung Bộ Kinh (trích giảng).
- Luật: Lược Giải Oai Nghi, Nghi Sơn Cảnh Sách.
- Luận: Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn.
- Phật Pháp Căn Bản: Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Khái Quát Ngũ Thừa Phật Giáo, Vô Ngã, Ngũ Uẩn.
- Sử Phật giáo: Lược Sử Kiết Tam Tang, Lược sử Phật giáo Ấn Độ.

### B. Phụ Khóa:

- Sinh hoạt Giáo hội.
- Chính trị - Thời sự.

### C. Ngoại Điển.

- Hán Văn.
- Anh Văn.
- Việt Văn.

## NĂM THỨ BA

### A. Nội Điển

- Kinh: Ý nghĩa hai thời khóa tụng, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Tăng Chi (trích giảng).
- Luật: Đại cương giới luật.
- Luận: Duy thức tam thập tụng, Phật thừa tông yếu.
- Sử Phật Giáo: Lược Sử Phật Giáo Trung Quốc

### B. Phụ khóa.

- Sinh hoạt Giáo hội.
- Chính trị - Thời sự.

### C. Ngoại Điển:

- Anh Văn.
- Hán Văn.
- Việt Văn.

## NĂM THỨ TƯ

### A. Nội điển.

- Kinh: Kinh Kim Cang Bát Nhã, Kinh Duy Ma, Kinh Trương Ứng (trích giảng).
- Luật: Luật Tỳ Kheo.
- Luận: Nhân Minh Học, Đại Thừa Khởi Tín.
- Sử Phật Giáo: Lược Sử Phật Giáo Việt Nam.

### B. Phụ khóa.

- Sinh hoạt Giáo hội.
- Chính trị - Thời sự.

### C. Ngoại điển.

- Hán Văn.
- Anh Văn.
- Việt Văn.



## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA VII - NĂM 1 (2013 - 2017)

Buổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thời gian
Sáng	LUẬT (ĐĐ.Thích Nguyễn Liên)	DUY THỨC (ĐĐ.Thích Quảng Huy)	BÁT ĐẠI Nhân Giác (ĐĐ.Thích Quảng Đạt)	ANH VĂN (CG. Mỹ Anh)	HÁN VĂN (HT.Phước Hoàn)	LỊCH SỬ Phật Giáo (ĐĐ. Thích Minh Từ)	7h – 8h30
	PHÁP CÚ (TT.Thích Bửu Chánh)	TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG (ĐĐ.Thích Nguyễn Tân)	VIỆT VĂN (ĐĐ.Thích Quảng Thiện)	ANH VĂN (CG. Mỹ Anh)	THẬP THIỆN (ĐĐ.Thích Nhuận Châu)	BÁCH DỤ (ĐĐ. Thích Pháp Huệ)	9h – 10h30
Chiều	CHUYÊN ĐỀ PHẬT PHÁP (Thầy Huệ Minh)		NGHI LỄ + HÀNH CHÍNH (Thầy Phước Tú)	PHÁP LUẬT (Ban Tôn Giáo)	PHẬT PHÁP CĂN BẢN (TT.Thích Huệ Khai)	KINH TRUNG BỘ (ĐĐ.Thích Trung Bửu)	14h – 15h30

Đồng Nai, ngày 29-8-2013  
TM.BAN GIÁM HIỆU  
Hiệu phó Học vụ  
HT.Thích Quang Đạo  
(đã ký)



# DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

**phát hành:** kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,  
quà lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

**ăn phẩm:** trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng  
**ý phục:** nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM

**QUANG NGHỆ**

QUANG NGHỆ CO., LTD.  
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

**Nước Chăm Hoa ASA**  
Đậm đặc 200%



Sản phẩm đang được sử dụng tại các chùa ở TP. HCM  
như Thiện Hạnh, Pháp Quang, Giác Nguyên, và các  
tỉnh như Tịnh Nghiêm - Tiền Giang, Huệ  
Minh - Vũng Tàu...

Và được bán tại các cửa hàng Phật  
Giáo, các Shop hoa tươi, và các hệ  
thống siêu thị trên toàn quốc.

Giúp hoa tươi lâu không thối nước  
Giữ gìn nét đẹp chốn tôn nghiêm

Tiết kiệm 40% chi phí so với  
nước chăm hoa ASA thường.

Giữ hoa tươi đẹp không cần phải  
thay nước và cắt gốc hàng ngày.



CÔNG TY MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

**CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM**  
Phụ Kim Gifts & Treasury

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466  
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com  
Showroom: 378/B Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

□ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ ĐTDD: **0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

**VĂN HÓA**  
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư  
tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một  
xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát  
huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

**VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.**

**Giá: 19.000 đồng**

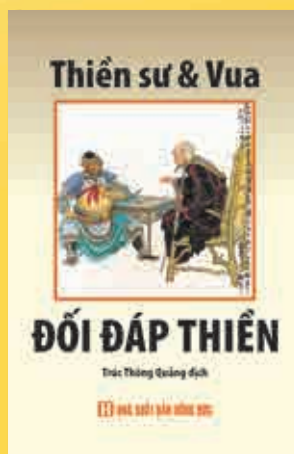
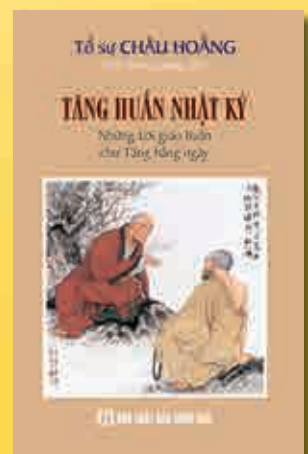
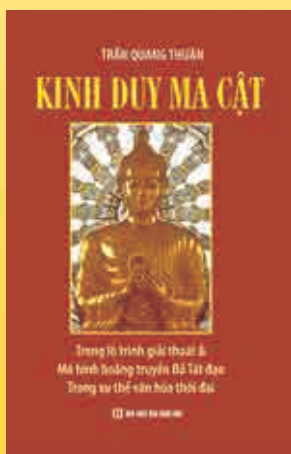
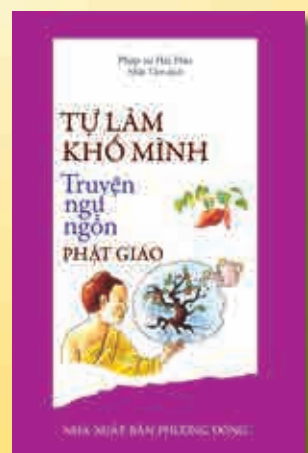
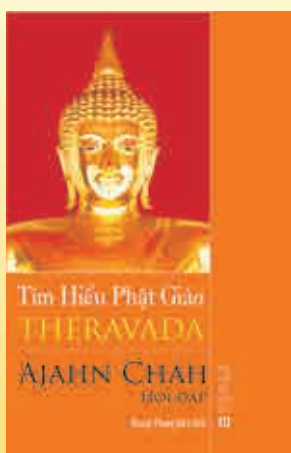
**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**



# NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM  
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028



## CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



TỎA SÁNG NGHỊ LỰC  
**VIỆT**

*Sống trung thực - Sống trách nhiệm - Sống nghị lực*

## BAN TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT

### TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

Các Cơ quan Ban ngành, Lực lượng vũ trang,  
UBND Tp. Hồ Chí Minh, UBND Tp. Hà Nội  
Các Đơn vị bảo trợ truyền thông,  
Các Đơn vị tài trợ...

**Đã phối hợp và hỗ trợ chương trình thành công tốt đẹp.**

THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



**TÔN HOA SEN**